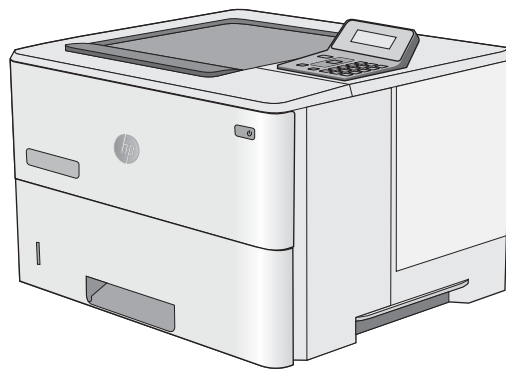




LaserJet Pro M501

Hướng dẫn Sử dụng



M501n
M501dn



www.hp.com/support/ljM501



HP LaserJet Pro M501

Hướng dẫn sử dụng

Bản quyền và giấy phép

© Copyright 2017 HP Development Company, L.P.

Nghiêm cấm việc sao chép lại, phóng tác hoặc dịch mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ trường hợp được luật bản quyền cho phép.

Thông tin có trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần phải thông báo.

Các bảo hành duy nhất dành cho các sản phẩm và dịch vụ HP đều được lập ra ở trên trong các bản tuyên bố bảo hành rõ ràng đi cùng với những sản phẩm và dịch vụ như thế. Không có gì trong tài liệu này được hiểu như là sự tạo thành một bảo hành phụ. HP sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với các lỗi hoặc sai sót kỹ thuật hoặc biên tập ở trong tài liệu này.

Edition 3, 1/2019

Công nhận nhãn hiệu

Adobe®, Adobe PhotoShop®, Acrobat® và PostScript® là các nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated.

Apple và logo Apple là nhãn hiệu của Apple Computer, Inc., đã được đăng ký ở Hoa Kỳ và các quốc gia/vùng lãnh thổ khác. iPod là nhãn hiệu của Apple Computer, Inc. iPod chỉ dành cho các bản sao được chủ bản quyền hoặc pháp luật cho phép. Không được ăn cắp nhạc.

Microsoft®, Windows®, Windows® XP và Windows Vista® là các thương hiệu đã đăng ký ở Hoa Kỳ của Microsoft Corporation.

UNIX® là nhãn hiệu thương mại đã được đăng ký của The Open Group.

Mục lục

1 Tổng quan máy in	1
Giáo diện máy in	2
Mặt trước của máy in	2
Mặt sau của máy in	3
Các cổng giao diện	4
Giáo diện bảng điều khiển	4
Thông số kỹ thuật của máy in	5
Thông số kỹ thuật	6
Các hệ điều hành được hỗ trợ	6
Giải pháp in di động	8
Kích thước máy in	9
Lượng điện tiêu thụ, thông số kỹ thuật điện và độ ồn	10
Phạm vi môi trường sử dụng	10
Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm	11
2 Khay giấy	13
Nạp giấy vào Khay 1 (khay đa năng)	14
Giới thiệu	14
Hướng giấy khay 1	15
Nạp giấy vào Khay 2 và 3	16
Giới thiệu	16
Hướng giấy Khay 2 và khay 550 tờ	17
Nạp và in phong bì	19
Giới thiệu	19
In phong bì	19
Hướng Phong bì	19
3 Mực in, phụ kiện và bộ phận	21
Đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận	22
Đặt hàng	22

Mực in và phụ kiện	22
Các bộ phận tự sửa chữa của khách hàng	22
Thay thế hộp mực in	24
Giới thiệu	24
Thông tin về hộp mực in	24
Tháo và thay thế hộp mực	25
4 In	29
Thao tác in (Windows)	30
Cách in (Windows)	30
In tự động trên hai mặt (Windows)	32
In thủ công trên cả hai mặt (Windows)	32
In nhiều trang trên một trang giấy (Windows)	33
Chọn loại giấy (Windows)	33
Tác vụ in bổ sung	33
Thao tác in (OS X)	35
Cách in (OS X)	35
Tự động in trên cả hai mặt (OS X)	35
In thủ công trên cả hai mặt (OS X)	35
In nhiều trang trên một tờ (OS X)	36
Chọn loại giấy (OS X)	36
Tác vụ in bổ sung	36
Lưu trữ lệnh in trên ổ flash USB để in sau	38
Giới thiệu	38
Trước khi bắt đầu	38
Cài đặt máy in để lưu trữ lệnh in	38
Bước một: Lắp đặt ổ flash USB	38
Bước hai: Cập nhật trình điều khiển in	39
Tạo lệnh in đã lưu (Windows)	39
In lệnh in đã lưu	41
Xóa lệnh in đã lưu	42
Thông tin được gửi đến máy in cho mục đích Kế toán lệnh in	42
In di động	43
Giới thiệu	43
HP ePrint qua email	43
Phần mềm HP ePrint	44
AirPrint	44
Google Cloud Print	44
In nhúng của Android	45

5 Quản lý máy in	47
Sử dụng các ứng dụng Dịch vụ Web của HP	48
Thay đổi kiểu kết nối máy in (Windows)	49
Cấu hình nâng cao với Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS) và Hộp công cụ Thiết bị HP (Windows)	50
Cấu hình nâng cao với Tiện ích HP cho OS X	53
Mở Tiện ích HP	53
Các tính năng của Tiện ích HP	53
Định cấu hình cài đặt mạng IP	56
Giới thiệu	56
Từ chối dùng chung máy in	56
Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng	56
Đổi tên máy in trên mạng	56
Định cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công	57
Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết	57
Các tính năng bảo mật của máy in	59
Giới thiệu	59
Gán hoặc thay đổi mật khẩu hệ thống bằng Máy chủ web nhúng HP	59
Khóa bộ định dạng	59
Các cài đặt bảo tồn năng lượng	60
Giới thiệu	60
In bằng EconoMode	60
Đặt Auto Power Down delay (Hoãn tự động ngắt nguồn điện) và cấu hình máy in để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn	60
Cấu hình cài đặt Delay Shut Down (Hoãn Tắt Máy)	61
HP Web Jetadmin	62
Cập nhật chương trình cơ sở	63
Phương pháp một: Cập nhật chương trình cơ sở bằng bảng điều khiển	63
Phương pháp hai: Cập nhật chương trình cơ sở bằng Tiện ích cập nhật chương trình cơ sở	63
6 Giải quyết sự cố	65
Hỗ trợ khách hàng	66
Khôi phục cài đặt mặc định gốc	67
Thông báo “Cartridge is low” (Hộp mực in ở mức thấp) hoặc “Cartridge is very low” (Hộp mực in gần hết) hiển thị trên bảng điều khiển của máy in	68
Thay đổi cài đặt “Very Low” (Gần hết)	68
Đặt hàng nguồn cung cấp	68
Máy in không nhậ được giấy hoặc nạp giấy sai	70
Giới thiệu	70

Máy in không nạp giấy	70
Máy in nạp nhiều giấy	72
Xử lý kẹt giấy	76
Giới thiệu	76
Các vị trí kẹt giấy	76
Bạn gặp phải tình trạng kẹt giấy thường xuyên hoặc tái diễn?	77
Gỡ giấy kẹt trong khay 1	77
Gỡ giấy bị kẹt trong khay 2 và khay 550 tờ	80
Gỡ bỏ giấy kẹt ở khu vực hộp mực in	84
Gỡ giấy bị kẹt ở cửa phía sau và khu vực cuộn sấy (kiểu M501n)	86
Gỡ bỏ giấy kẹt ở ngăn giấy ra	88
Gỡ giấy bị kẹt trong bộ in hai mặt (kiểu M501dn)	88
Cải thiện chất lượng in	93
Giới thiệu	93
In từ một chương trình phần mềm khác	93
Kiểm tra cài đặt loại giấy cho lệnh in	93
Kiểm tra cài đặt loại giấy (Windows)	93
Kiểm tra cài đặt loại giấy (OS X)	93
Kiểm tra tình trạng hộp mực in	94
Làm sạch máy in	94
In một trang lau dọn	94
Kiểm tra hộp mực in bằng mắt thường	95
Kiểm tra môi trường in và giấy	95
Bước một: Hãy sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của HP	95
Bước hai: Kiểm tra môi trường	95
Bước ba: Đặt canh chỉnh khay riêng lẻ	96
Kiểm tra thông số cài đặt EconoMode (Chế độ tiết kiệm)	96
Thử trình điều khiển in khác	97
Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây	99
Giới thiệu	99
Kết nối vật lý kém	99
Máy tính đang sử dụng địa chỉ IP không chính xác cho máy in này	99
Máy tính không thể giao tiếp với máy in	99
Máy in đang sử dụng liên kết và cài đặt in hai mặt không đúng cho mạng này	100
Các chương trình phần mềm mới đã gây ra sự cố tương thích	100
Máy tính của bạn hoặc máy trạm bị cài đặt sai	100
Máy in bị tắt, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai	100
Bảng chú dẫn	101

1 Tổng quan máy in

- [Giao diện máy in](#)
- [Thông số kỹ thuật của máy in](#)
- [Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm](#)

Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM501.

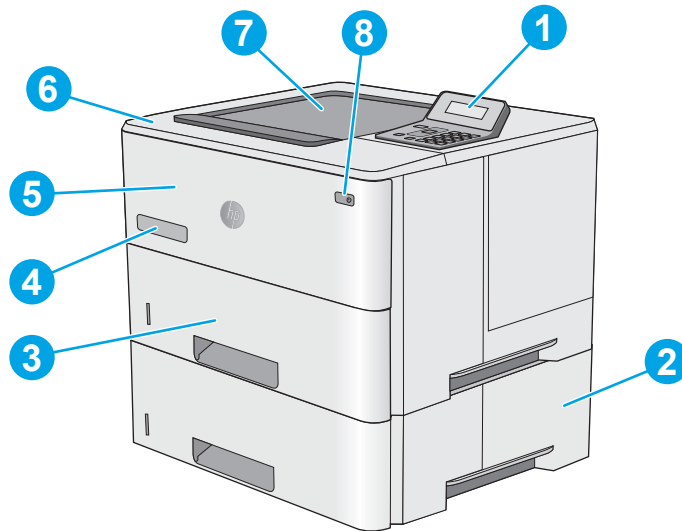
Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

Giao diện máy in

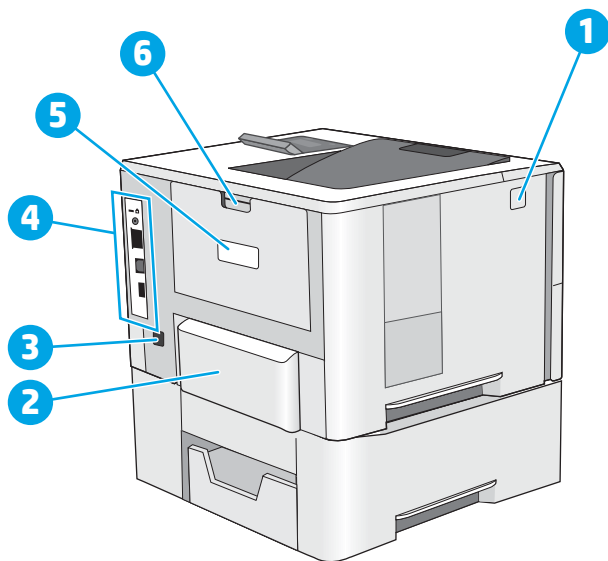
- [Mặt trước của máy in](#)
- [Mặt sau của máy in](#)
- [Các cổng giao diện](#)
- [Giao diện bảng điều khiển](#)

Mặt trước của máy in



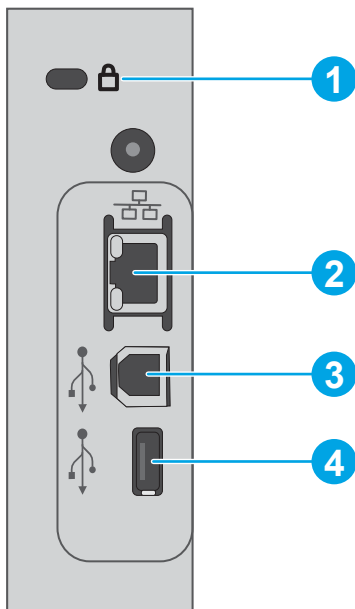
1	Bảng điều khiển 2 dòng có bàn phím
2	Khay nạp giấy 1 x 550 tờ tùy chọn, khay 3
3	Khay 2
4	Tên kiểu
5	Khay 1
6	Nắp trên (cửa vào hộp mực in)
7	Ngăn giấy ra chuẩn
8	Nút bật/tắt

Mặt sau của máy in



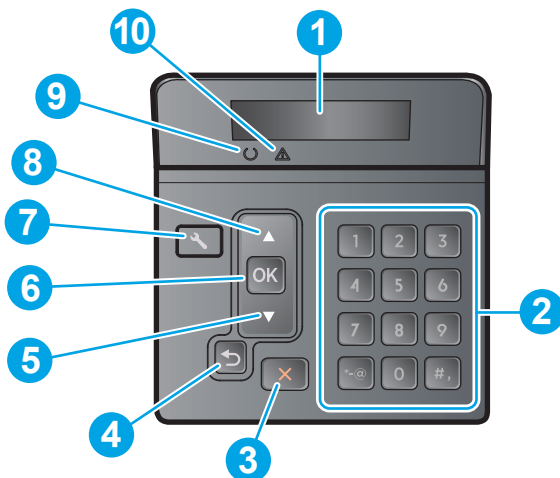
1	Nút tháo nắp trên cùng
2	Nắp che bụi cho Khay 2 (lật lên khi nạp vào khổ giấy Legal)
3	Kết nối nguồn
4	Các cổng giao diện
5	Nhãn số sê-ri và kiểu sản phẩm
6	Cửa sau

Các cổng giao diện



1	Khe khóa an toàn dạng cáp
2	Cổng mạng Ethernet (RJ-45) mạng cục bộ (LAN)
3	Cổng in USB 2.0 tốc độ cao
4	Cổng USB chủ cho tính năng lưu trữ lệnh in (yêu cầu một ổ flash USB 16 GB trở lên)


Giao diện bảng điều khiển



1	Màn hình bảng điều khiển	Màn hình này hiển thị thông tin trạng thái, các menu, thông tin trợ giúp và thông báo lỗi.
2	Bàn phím số	Sử dụng các nút này để nhập giá trị số.

3	Nút Hủy ✕	Bấm nút này để hủy lệnh in hoặc để thoát khỏi các menu bảng điều khiển.
4	Nút mũi tên Quay về ↶	Sử dụng nút này cho các hoạt động sau: <ul style="list-style-type: none"> Thoát khỏi các menu trên bảng điều khiển. Di chuyển lui về menu trước trong danh sách menu phụ. Di chuyển lui về một mục menu trước trong danh sách menu phụ (không lưu thay đổi vào mục menu).
5	Nút ▼ mũi tên xuống	Sử dụng nút này để điều hướng qua các menu hoặc để giảm giá trị hiển thị trên màn hình.
6	Nút OK	Bấm nút OK cho các hoạt động sau: <ul style="list-style-type: none"> Mở các menu bảng điều khiển. Mở một menu phụ hiển thị trên màn hình bảng điều khiển. Chọn một mục menu. Xóa một số lỗi. Bắt đầu một lệnh in để hồi đáp cho lời nhắc nhở từ bảng điều khiển (ví dụ, khi thông báo Press [OK] to continue (Bấm OK để tiếp tục) xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển).
7	Nút Setup ⚙ (Cài đặt)	Sử dụng nút này để mở menu Setup (Cài đặt).
8	Sử dụng nút mũi tên ▲	Sử dụng nút này để điều hướng qua các menu hoặc để tăng giá trị hiển thị trên màn hình.
9	Đèn Sẵn sàng (xanh lá cây)	Đèn này sẽ bật khi máy in đã sẵn sàng in. Đèn sẽ nhấp nháy khi máy in đang nhận dữ liệu in.
10	Đèn cảnh báo (màu đỏ)	Đèn này nhấp nháy khi máy in cần có sự lưu ý của người dùng.

Thông số kỹ thuật của máy in

 **QUAN TRỌNG:** Các thông số kỹ thuật sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản, nhưng có thể thay đổi. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM501.

- [Thông số kỹ thuật](#)
- [Các hệ điều hành được hỗ trợ](#)
- [Giải pháp in di động](#)
- [Kích thước máy in](#)
- [Lượng điện tiêu thụ, thông số kỹ thuật điện và độ ồn](#)
- [Phạm vi môi trường sử dụng](#)

Thông số kỹ thuật

Tên kiểu		M501n	M501dn
Số sản phẩm		J8H60A	J8H61A
Quản lý giấy in	Khay 1 (dung lượng 100 tờ)	✓	✓
	Khay 2 (dung lượng 550 tờ)	✓	✓
	Khay nạp giấy 1 x 550 tờ	Tùy chọn	Tùy chọn
	In hai mặt tự động	Không được hỗ trợ	✓
Kết nối	Kết nối LAN Ethernet 10/100/1000 với IPv4 và IPv6	✓	✓
	USB 2.0 Tốc độ Cao	✓	✓
Bộ nhớ	Bộ nhớ DDR3 256 MB	✓	✓
Màn hình và đầu vào của bảng điều khiển	Màn hình đồ họa 2 dòng có bàn phím gồm 10 phím	✓	✓
In	In 45 trang mỗi phút (ppm) trên giấy Letter và 43 ppm trên giấy A4	✓	✓
	In với Lưu trữ lệnh in/Bảo vệ bằng mã PIN (Yêu cầu ổ flash USB 16 GB trở lên.)	✓	✓

Các hệ điều hành được hỗ trợ

Thông tin sau đây áp dụng cho các trình điều khiển in máy in chuyên biệt Windows PCL 6 và OS X.

Windows: Bộ cài đặt Phần mềm HP cài đặt trình điều khiển HP PCL.6, HP PCL-6, hoặc HP PCL 6 tùy thuộc vào hệ điều hành Windows cùng với phần mềm tùy chọn khi dùng bộ cài đặt phần mềm hoàn chỉnh. Xem hướng dẫn cài đặt phần mềm để biết thêm thông tin.

OS X: Máy in này hỗ trợ máy tính Mac. Tải xuống HP Easy Start từ 123.hp.com hoặc từ trang Print Support (Hỗ trợ in), sau đó sử dụng HP Easy Start để cài đặt trình điều khiển và tiện ích in HP. HP Easy Start không có trong CD của hộp sản phẩm.


1. Truy cập 123.hp.com.
2. Thực hiện theo các bước được cung cấp để tải xuống phần mềm máy in.


Linux: Để biết thông tin và trình điều khiển in dành cho Linux, hãy truy cập hplipopensource.com/hplip-web/index.html.

UNIX: Để biết thông tin và trình điều khiển in dành cho UNIX®, hãy truy cập www.hp.com/go/unixmodelscripts.

Hệ điều hành	Trình điều khiển in được cài đặt	Lưu ý
Windows® XP SP3 trở lên, 32-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt HP PCL.6 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản. Bộ cài đặt cơ bản chỉ cài đặt trình điều khiển.	Cài đặt phần mềm hoàn chỉnh không được hỗ trợ cho hệ điều hành này. Microsoft đã không còn hỗ trợ chủ yếu cho Windows XP vào tháng 4/2009. HP sẽ tiếp tục cung cấp sự hỗ trợ tốt nhất có thể dành cho hệ điều hành XP đã ngừng này.
Windows Vista®, 32-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt HP PCL.6 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản. Bộ cài đặt cơ bản chỉ cài đặt trình điều khiển.	Cài đặt phần mềm hoàn chỉnh không được hỗ trợ cho hệ điều hành này.
Windows Server 2003 SP2 trở lên, 32-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt HP PCL.6 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản. Bộ cài đặt cơ bản chỉ cài đặt trình điều khiển.	Cài đặt phần mềm hoàn chỉnh không được hỗ trợ cho hệ điều hành này. Dùng trình điều khiển UPD cho hệ điều hành 64 bit. Microsoft đã không còn hỗ trợ chủ yếu cho Windows Server 2003 vào tháng 7/2010. HP sẽ tiếp tục cung cấp sự hỗ trợ tốt nhất có thể cho hệ điều hành Server 2003 đã ngừng này.
Windows 7 SP1 trở lên, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt HP PCL 6 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của quá trình cài đặt phần mềm hoàn chỉnh.	
Windows 8, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt HP PCL-6 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của quá trình cài đặt phần mềm cơ bản.	Hỗ trợ Windows 8 RT được cung cấp qua Microsoft IN OS Phiên bản 4, trình điều khiển 32-bit.
Windows 8.1, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt HP PCL-6 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của quá trình cài đặt phần mềm cơ bản.	Hỗ trợ Windows 8.1 RT được cung cấp qua Microsoft IN OS Phiên bản 4, trình điều khiển 32-bit.
Windows 10, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt HP PCL-6 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của quá trình cài đặt phần mềm cơ bản.	
Windows Server 2008 SP2, 32-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt HP PCL.6 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản.	
Windows Server 2008 SP2, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt HP PCL 6 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản.	

Hệ điều hành	Trình điều khiển in được cài đặt	Lưu ý
Windows Server 2008 R2, SP 1, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt HP PCL 6 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của quá trình cài đặt phần mềm cơ bản.	
Windows Server 2012, 64-bit	Bộ cài đặt phần mềm không hỗ trợ Windows Server 2012, nhưng trình điều khiển in máy in chuyên biệt HP PCL 6 và HP PCL-6 có hỗ trợ.	Tải xuống trình điều khiển HP PCL 6 hoặc PCL-6 từ trang Web HP www.hp.com/support/ljM501 và dùng công cụ Windows Add Printer để cài đặt trình điều khiển.
Windows Server 2012 R2, 64 bit	Bộ cài đặt phần mềm không hỗ trợ Windows Server 2012, nhưng trình điều khiển in máy in chuyên biệt HP PCL 6 và HP PCL-6 có hỗ trợ.	Tải xuống trình điều khiển HP PCL 6 hoặc PCL-6 từ trang Web HP www.hp.com/support/ljM501 và dùng công cụ Windows Add Printer để cài đặt trình điều khiển.
OS X 10.9 Mavericks, OS X 10.10 Yosemite và OS X 10.11 El Capitan	Trình điều khiển in OS X và tiện ích in có sẵn để tải xuống từ 123.hp.com . Phần mềm bộ cài đặt HP cho OS X không có trên CD có trong hộp sản phẩm.	Tải xuống HP Easy Start từ 123.hp.com hoặc từ trang Print Support (Hỗ trợ in), sau đó sử dụng HP Easy Start để cài đặt trình điều khiển và tiện ích in HP. <ol style="list-style-type: none"> 1. Truy cập 123.hp.com. 2. Thực hiện theo các bước được cung cấp để tải xuống phần mềm máy in.


 **GHI CHÚ:** Để biết danh sách các hệ điều hành được hỗ trợ hiện nay, hãy truy cập www.hp.com/support/ljM501 để được trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in.

 **GHI CHÚ:** Để biết chi tiết về hệ điều hành máy khách và máy chủ và về thông tin hỗ trợ trình điều khiển HP UPD PCL6, UPD PCL 5 và UPD PS cho máy in này, hãy truy cập www.hp.com/go/upd và bấm vào tab **Specifications** (Thông số kỹ thuật).

Giải pháp in di động

Máy in hỗ trợ phần mềm sau đây để in di động:

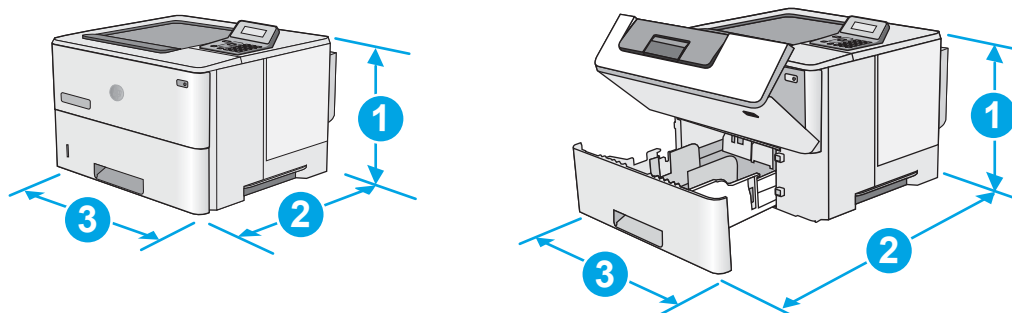
- Phần mềm HP ePrint

 **GHI CHÚ:** Phần mềm HP ePrint hỗ trợ các hệ điều hành sau đây: Windows 7 SP 1 (32-bit và 64-bit); Windows 8 (32-bit và 64-bit); Windows 8.1 (32-bit và 64-bit); Windows 10 (32-bit và 64-bit); và OS X phiên bản 10.9 Mavericks, 10.10 Yosemite và 10.11 El Capitan.

- HP ePrint qua email (Dịch vụ web HP phải được bật và máy in phải được đăng ký HP Connected)
- Ứng dụng HP ePrint (Có sẵn cho Android, iOS và Blackberry)
- Ứng dụng Từ xa Đa năng của HP cho thiết bị iOS và Android
- Google Cloud Print
- AirPrint
- In Android

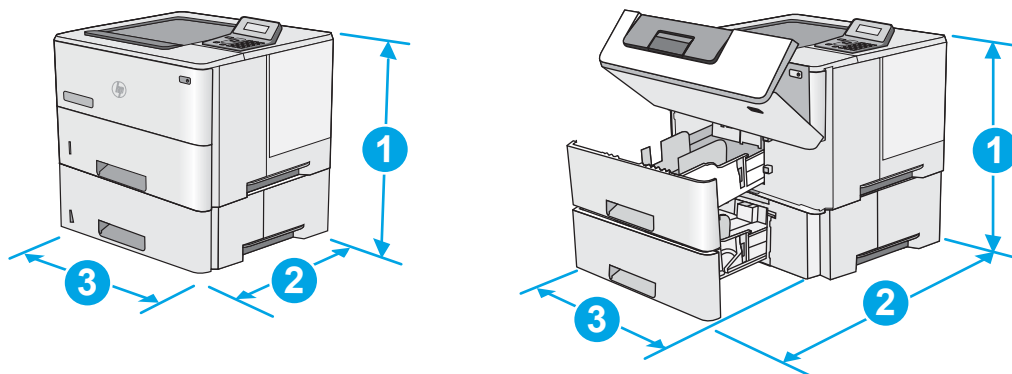
Kích thước máy in

Hình 1-1 Kích thước của máy in cơ bản



	Máy in đóng hoàn toàn	Máy in mở hoàn toàn
1. Chiều cao	289 mm	289 mm
2. Chiều sâu	Nắp che bụi khay 2 đóng: 376 mm Nắp che bụi khay 2 mở: 444 mm	569 mm
3. Chiều rộng	410 mm	410 mm
Trọng lượng	11,6 kg	

Hình 1-2 Kích thước của máy in có khay nạp giấy 1 x 550 tờ tùy chọn

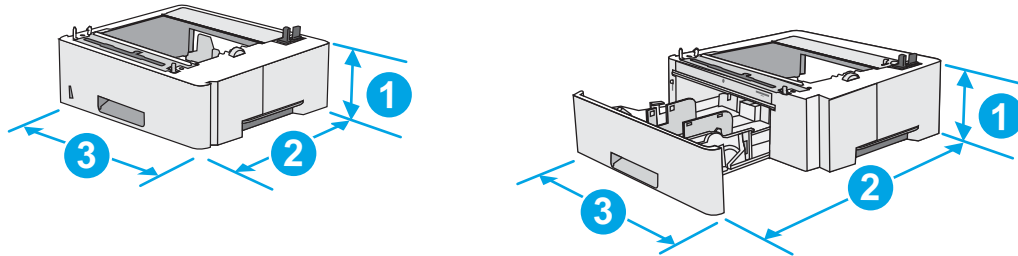


	Máy in và phụ kiện đóng hoàn toàn	Máy in và phụ kiện mở hoàn toàn
1. Chiều cao	419 mm	419 mm

	Máy in và phụ kiện đóng hoàn toàn	Máy in và phụ kiện mở hoàn toàn
2. Chiều sâu	Nắp che bụi khay 2 đóng: 376 mm Nắp che bụi khay 2 mở: 444 mm	569 mm
3. Chiều rộng	410 mm	410 mm
Trọng lượng	15,4 kg	

¹ Các giá trị này có thể thay đổi. Để biết thông tin hiện tại, hãy truy cập www.hp.com/support/ljM501.

Hình 1-3 Kích thước cho khay nạp giấy 1 x 550 tờ



1. Chiều cao	130 mm
2. Chiều sâu	Khay đóng: 376 mm Khay mở: 569 mm
3. Chiều rộng	410 mm
Trọng lượng	3,8 kg

Lượng điện tiêu thụ, thông số kỹ thuật điện và độ ồn

Xem www.hp.com/support/ljM501 để biết thông tin mới nhất.

⚠ THẬN TRỌNG: Các yêu cầu về điện năng dựa trên quốc gia/khu vực mà máy in được bán. Không chuyển đổi điện thế vận hành. Việc này sẽ gây hư hỏng máy in và làm mất hiệu lực bảo hành của máy in.

Phạm vi môi trường sử dụng

Bảng 1-1 Thông số kỹ thuật về môi trường sử dụng

Môi trường	Khuyến dùng	Được phép
Nhiệt độ	17° đến 25°C	15° đến 32,5°C
Độ ẩm tương đối	30% đến 70% độ ẩm tương đối (RH)	10% đến 80% RH

Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm

Để biết các hướng dẫn cài đặt cơ bản, hãy xem Áp phích Cài đặt và Hướng dẫn Làm quen đi kèm với máy in. Đối với các hướng dẫn bổ sung, hãy tới mục trợ giúp HP trên web.

Hãy truy cập www.hp.com/support/ljM501 để được trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in. Tìm hỗ trợ sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

2 Khay giấy

- [Nạp giấy vào Khay 1 \(khay đa năng\)](#)
- [Nạp giấy vào Khay 2 và 3](#)
- [Nạp và in phong bì](#)

Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM501.


Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:


- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

Nạp giấy vào khay 1 (khay đa năng)

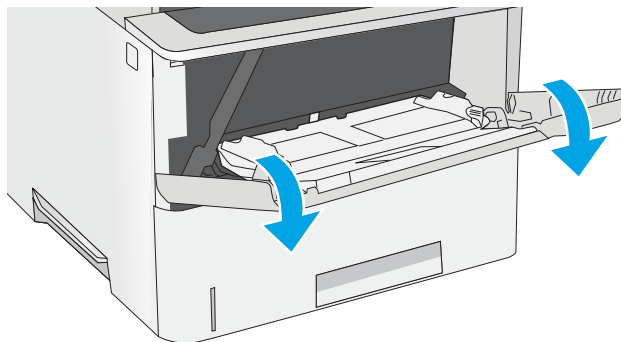
Giới thiệu

Thông tin sau đây mô tả cách nạp giấy vào khay 1. Khay này chứa được tối đa 100 trang giấy 75 g/m².

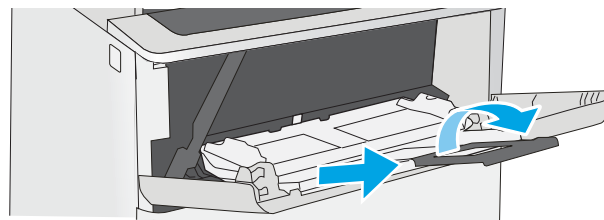
 **GHI CHÚ:** Chọn đúng loại giấy trong trình điều khiển in trước khi in.

 **THẬN TRỌNG:** Để tránh kẹt giấy, không được thêm hoặc lấy bớt giấy từ khay 1 trong khi in.

1. Nắm lấy tay cầm ở mặt bên kia của khay 1 và kéo về phía trước để mở khay.



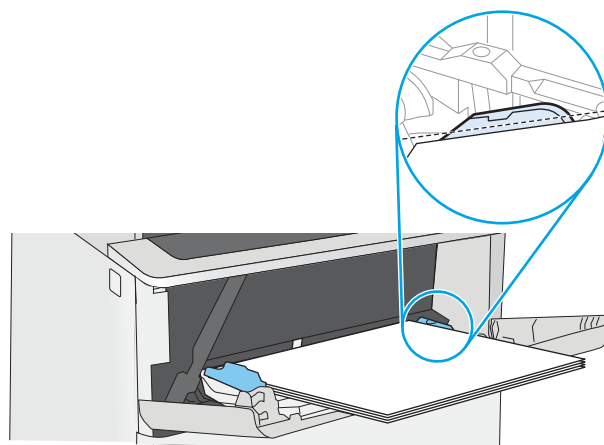
2. Kéo phần mở rộng của khay ra để đỡ giấy.



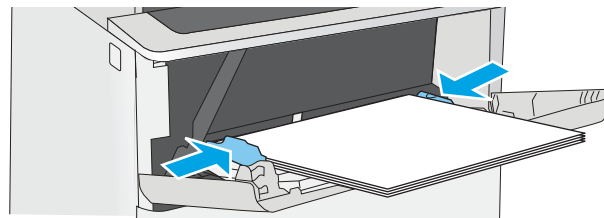
3. Kéo dài các thanh dẫn giấy đến kích thước chính xác rồi nạp giấy vào khay. Để biết thông tin về cách định hướng giấy, xem [Hướng giấy khay 1 thuộc trang 15](#).

Đảm bảo chắc chắn giấy nằm dưới đường vạch dấu trên thanh dẫn giấy.

GHI CHÚ: Chiều cao tập giấy tối đa là 10 mm, hoặc tương đương 100 tờ giấy 75 g.



4. Điều chỉnh các thanh dẫn bên sao cho chúng hơi chạm vào tập giấy mà không làm cong tập giấy.



Hướng giấy khay 1


Khi sử dụng giấy đòi hỏi hướng giấy nhất định, hãy nạp giấy theo thông tin trong bảng sau đây.


Loại giấy	In một mặt	In hai mặt
Giấy Tiêu đề thư, in sẵn, hoặc đục lỗ trước	Mặt hướng lên Đưa mép trên cùng vào máy in	Mặt hướng xuống Đưa mép dưới cùng vào máy in
		

Nạp giấy vào khay 2 và 3

Giới thiệu

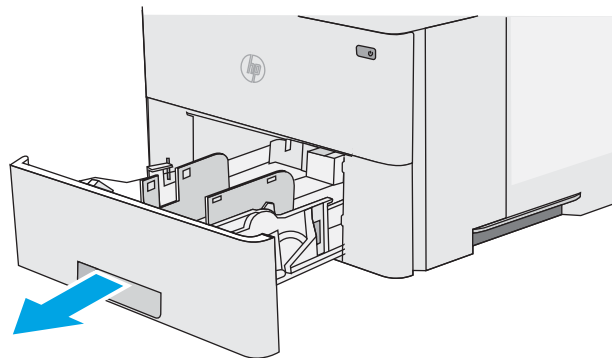
Thông tin sau đây mô tả cách nạp giấy vào khay 2 và khay 3 tùy chọn chứa 550 tờ (số bộ phận F2A72A). Khay tùy chọn chứa được tối đa 550 tờ giấy 75 g/m².

 **GHI CHÚ:** Quy trình nạp giấy vào khay 3 chứa 550 tờ cũng giống như nạp giấy vào khay 2. Ở đây chỉ hiển thị khay 2.

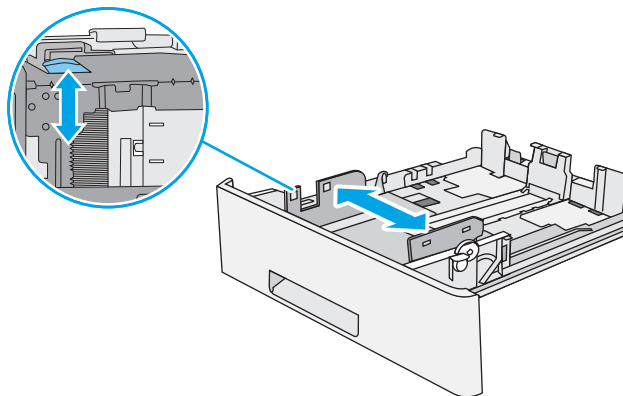
 **THẬN TRỌNG:** Không kéo dài nhiều khay giấy cùng một lúc.

1. Mở khay ra.

GHI CHÚ: Không mở khay này trong khi đang sử dụng nó.

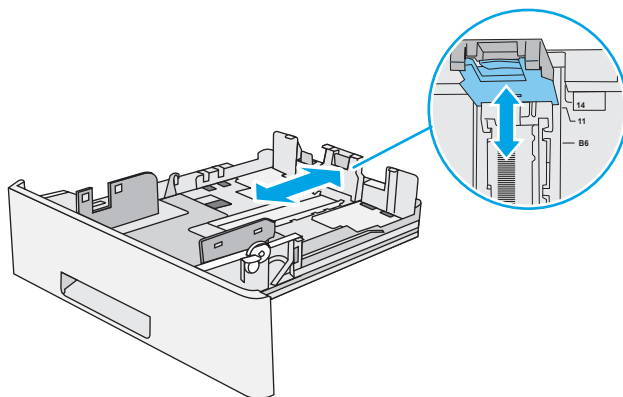


2. Trước khi nạp giấy, điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều dọc bằng cách siết chặt các chốt điều chỉnh và trượt các thanh dẫn này theo khổ giấy đang được sử dụng.



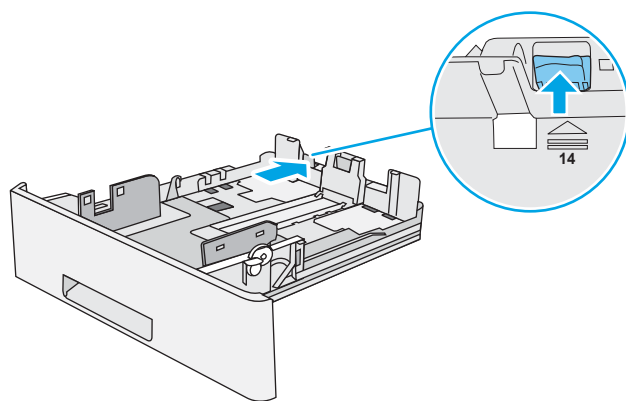
3. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều ngang bằng cách siết chặt các chốt và trượt thanh dẫn này theo khổ giấy đang được sử dụng.

GHI CHÚ: Khi khay được mở rộng, chỉ báo kích thước giấy thay đổi từ "A4" thành "14".



4. Để nạp giấy khổ Legal vào khay, hãy ép chặt chốt trên mặt sau của khay vào giữa hướng bên trái, sau đó kéo dài khay lui về đúng khổ giấy.

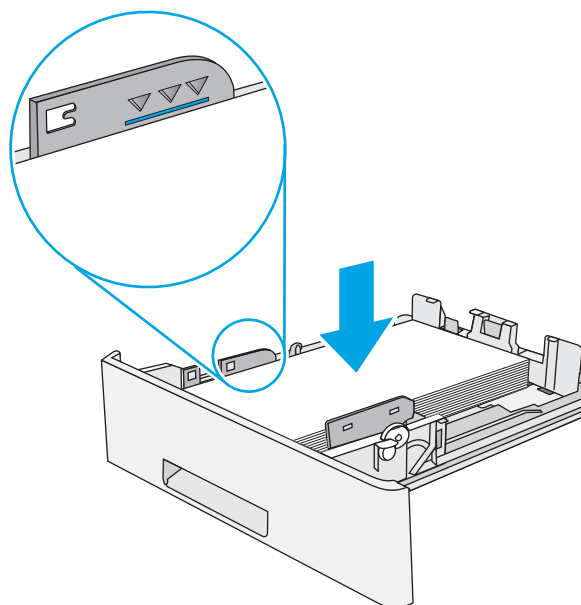
GHI CHÚ: Bước này không áp dụng cho các kích thước giấy khác.



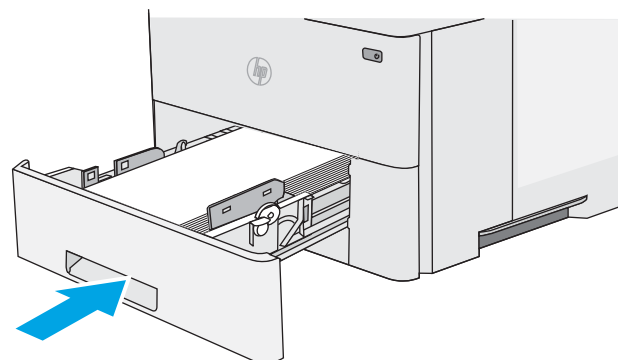
5. Nạp giấy vào khay. Để biết thông tin về cách định hướng giấy, xem [Hướng giấy Khay 2 và khay 550 tờ thuộc trang 17](#).

GHI CHÚ: Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.

GHI CHÚ: Để tránh bị kẹt giấy, điều chỉnh các thanh dẫn giấy về đúng khổ giấy và không nạp quá nhiều giấy vào khay. Đảm bảo rằng mặt trên của tập giấy ở dưới chỉ báo khay đầy, như được phóng to trong hình minh họa.

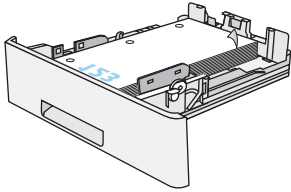
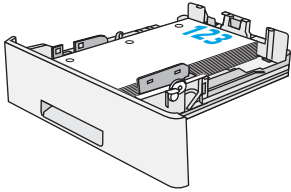


6. Đóng khay giấy.



Hướng giấy Khay 2 và khay 550 tờ

Khi sử dụng giấy đòi hỏi hướng giấy nhất định, hãy nạp giấy theo thông tin trong bảng sau đây.

Loại giấy	In một mặt	In hai mặt
Giấy Tiêu đề thư, in sẵn, hoặc dập lỗ trước	Mặt hướng xuống	Mặt hướng lên
	Cạnh trên ở phía trước của khay	Cạnh dưới ở phía trước của khay
		

Nạp và in phong bì


Giới thiệu


Thông tin sau đây mô tả cách in và nạp phong bì. Chỉ dùng khay 1 để in trên phong bì. Khay 1 chứa tối đa là 10 phong bì.

Để in phong bì bằng cách dùng tùy chọn tiếp giấy thủ công, hãy thực hiện theo các bước sau để chọn cài đặt chính xác trong trình điều khiển in, sau đó nạp phong bì vào khay sau khi gửi lệnh in đến máy in.

In phong bì

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

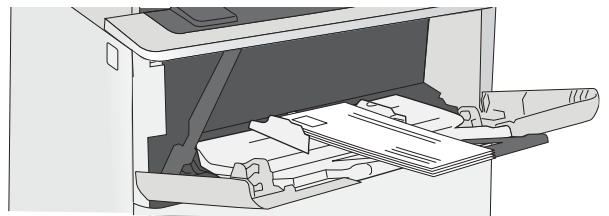
 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.

3. Nhấp hoặc chạm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Trong danh sách thả xuống **Paper size** (Kích thước giấy), chọn đúng kích thước cho các phong bì.
5. Trong danh sách thả xuống **Paper type** (Loại giấy), chọn **Envelope** (Phong bì).
6. Trong danh sách thả xuống **Paper source** (Nguồn giấy), chọn **Manual feed** (Tiếp giấy thủ công).
7. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
8. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy bấm vào nút **OK** để in lệnh in.

Hướng Phong bì

Nạp phong bì vào khay 1 với mặt hướng lên, với cạnh ngăn có tem hướng vào máy in.



3 Mục in, phụ kiện và bộ phận

- [Đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận](#)
- [Thay thế hộp mực in](#)

Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM501.

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

Đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận

Đặt hàng

Đặt hàng mực in và giấy	www.hp.com/go/suresupply
Đặt hàng các bộ phận hoặc phụ kiện HP chính hãng	www.hp.com/buy/parts
Đặt hàng qua các nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ	Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền.
Đặt hàng bằng Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS)	Để truy cập, trong trình duyệt web được hỗ trợ trên máy tính của bạn, hãy nhập địa chỉ IP của máy in hoặc tên máy chủ trong trường địa chỉ/URL. EWS chứa liên kết tới trang web HP SureSupply, nơi cung cấp các tùy chọn mua hộp mực HP gốc.

Mực in và phụ kiện

Mục	Mô tả	Số hộp mực	Số bộ phận
Supplies (Mực in)			
Hộp mực HP 87A Black Original LaserJet	Hộp mực in màu đen thay thế có công suất chuẩn	87A	CF287A
Hộp mực HP 87X High Yield Black Original LaserJet	Hộp mực in màu đen thay thế có công suất cao	87X	CF287X
Phụ kiện			
Khay nạp giấy 1 x 550 tờ	Khay nạp giấy 550 tờ tùy chọn	Không áp dụng	F2A72A

Các bộ phận tự sửa chữa của khách hàng

Các bộ phận tự sửa chữa của khách hàng (CSR) được trang bị ở nhiều máy in HP LaserJet để giảm thời gian bảo dưỡng. Bạn có thể tìm thêm thông tin về chương trình CSR và các lợi ích của chương trình tại www.hp.com/go/csr-support và www.hp.com/go/csr-faq.

Có thể đặt mua các phụ kiện thay thế chính hiệu HP tại www.hp.com/buy/parts hoặc liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền. Khi đặt hàng, cần lưu ý một số thông tin sau: số bộ phận, số sê-ri (nhìn ở phía sau của máy in), số sản phẩm, hoặc tên máy in.

- Các bộ phận được liệt kê là tự thay thế **Bắt buộc** sẽ do khách hàng lắp đặt trừ khi bạn sẵn sàng trả tiền cho nhân viên dịch vụ của HP để thực hiện việc sửa chữa. Đối với những bộ phận này, hỗ trợ tại chỗ hoặc trả lại kho không được cung cấp theo bảo hành máy in HP.
- Các bộ phận được liệt kê là tự thay thế **Tùy chọn** có thể do nhân viên dịch vụ của HP lắp đặt theo yêu cầu của bạn mà không phải trả thêm phí trong thời gian bảo hành máy in.

Mục	Mô tả	Tùy chọn tự thay thế	Số bộ phận
Bộ dịch vụ Trực lần truyền	Trực lần truyền thay thế	Bắt buộc	F2A68-67910
Bộ trực lần đón và phân tách Khay 1	Trực lần thay thế cho Khay 1	Bắt buộc	F2A68-67914

Mục	Mô tả	Tùy chọn tự thay thế	Số bộ phận
Bộ trục lăn Khay 2-3	Trục lăn thay thế cho Khay 2 và 3	Bắt buộc	F2A68-67913
Khay nạp giấy 1x550 tờ	Khay nạp giấy thay thế	Bắt buộc	F2A72-67901

Thay thế hộp mực in

Giới thiệu

Thông tin sau đây cung cấp các chi tiết về hộp mực in cho máy in và các hướng dẫn thay thế hộp mực in.

- [Thông tin về hộp mực in](#)
- [Tháo và thay thế hộp mực](#)


Thông tin về hộp mực in

Máy in này sẽ cho biết khi nào mực mực in trong hộp mực còn ít và gần hết. Thời gian sử dụng thực tế của hộp mực in có thể thay đổi. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn chấp nhận được.


Tiếp tục in bằng hộp mực hiện thời cho tới khi việc phân phối lại bột mực không cho ra chất lượng in chấp nhận được. Để phân phối lại bột mực, tháo hộp mực in ra khỏi máy in và lắc nhẹ hộp mực qua lại theo trục ngang. Vui lòng đọc các hướng dẫn thay thế hộp mực để xem hình ảnh biểu diễn đồ họa. Lắp lại hộp mực in vào máy in và đóng nắp.

Để mua hộp mực hoặc kiểm tra hộp mực có phù hợp với máy in không, hãy truy cập mục HP SureSupply tại www.hp.com/go/suresupply. Cuộn xuống cuối trang và xác nhận xem quốc gia/khu vực có đúng không.

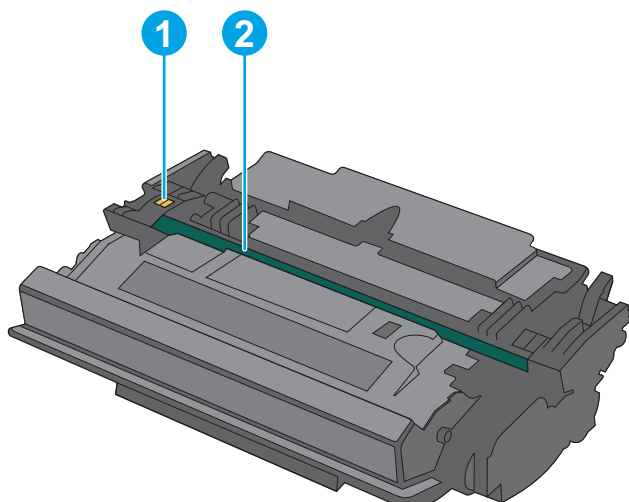
Mực	Mô tả	Số hộp mực	Số bộ phận
Hộp mực HP 87A Black Original LaserJet	Hộp mực in màu đen thay thế có công suất chuẩn	87A	CF287A
Hộp mực HP 87X High Yield Black Original LaserJet	Hộp mực in màu đen thay thế có công suất cao	87X	CF287X

 **GHI CHÚ:** Hộp mực hiệu suất in cao (high-yield) có nhiều bột mực hơn hộp mực chuẩn để tăng hiệu suất in trên trang. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập www.hp.com/go/learnaboutesupplies.

Không được lấy hộp mực in ra khỏi bao bì cho đến khi cần thay thế.

 **THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hư hộp mực, không để hộp mực tiếp xúc với ánh sáng quá vài phút. Che đậy trống hình màu xanh lá cây nếu phải tháo hộp mực in ra khỏi máy in trong một thời gian dài.

Hình minh họa dưới đây hiển thị các bộ phận của hộp mực in.



- | | |
|---|-------------|
| 1 | Chip bộ nhớ |
| 2 | Trống hình |

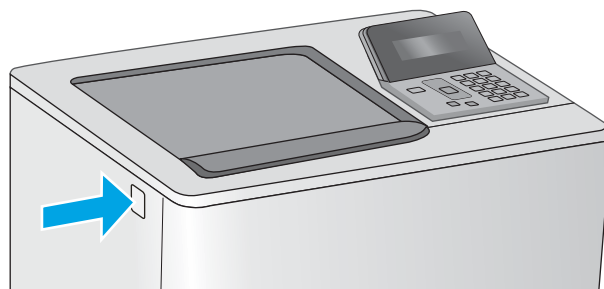
THẬN TRỌNG: Không chạm tay vào trống hình. Dầu vân tay có thể làm giảm chất lượng in.

⚠ THẬN TRỌNG: Nếu bột mực vương vào áo quần, hãy lau bằng một mảnh vải khô và giặt áo quần bằng nước lạnh. Nước nóng sẽ khiến bột mực se kết lại vào vải.

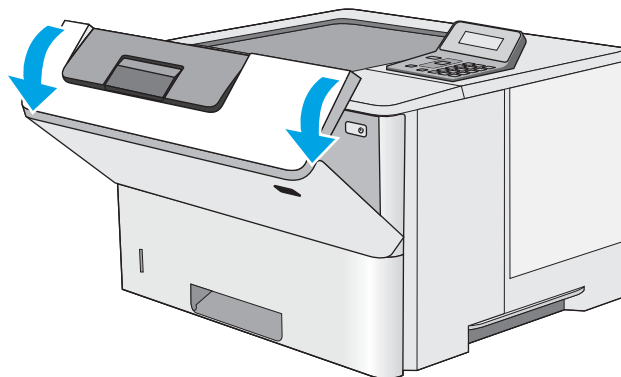
📝 GHI CHÚ: Thông tin về việc tái chế hộp mực đã qua sử dụng có trên vỏ hộp mực.

Tháo và thay thế hộp mực

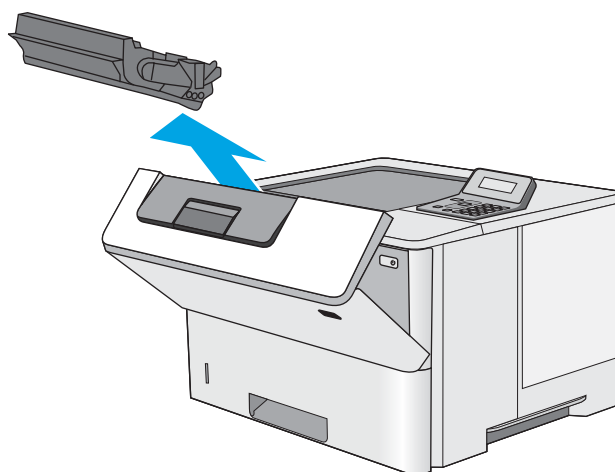
1. Nhấn nút tháo nắp trên cùng ở phía bên trái của máy in.



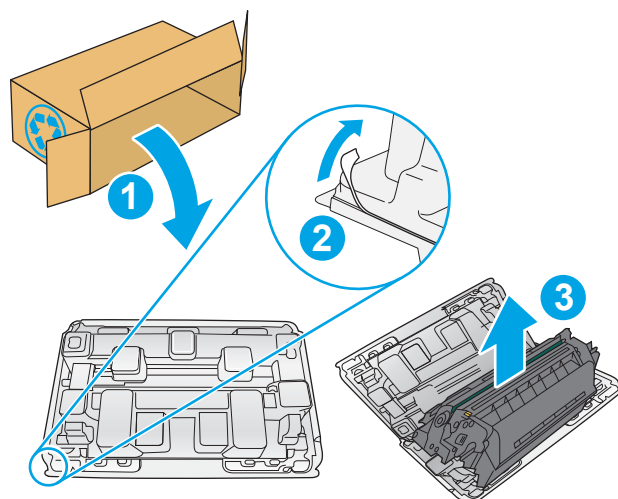
2. Mở cửa trước.



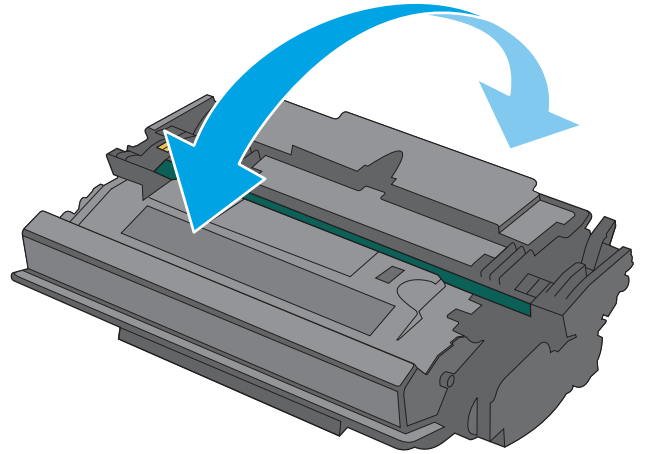
3. Nắm lấy tay cầm của hộp mực in đã qua sử dụng và kéo nó ra.



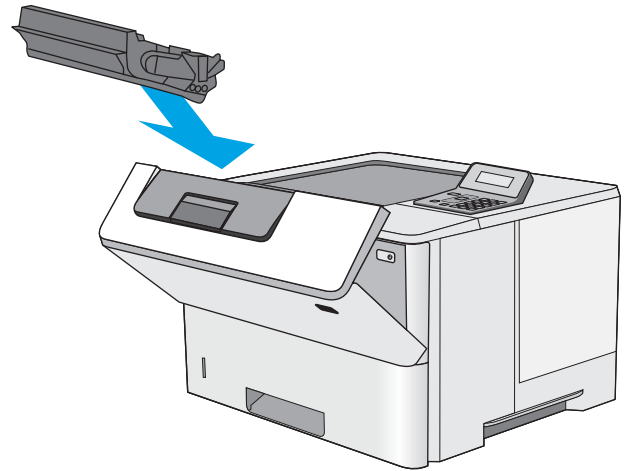
4. Lấy hộp mực in mới ra khỏi tấm bảo vệ bằng cách kéo bật băng nhựa ra và mở gói. Giữ lại toàn bộ bao bì để tái chế hộp mực in đã qua sử dụng.



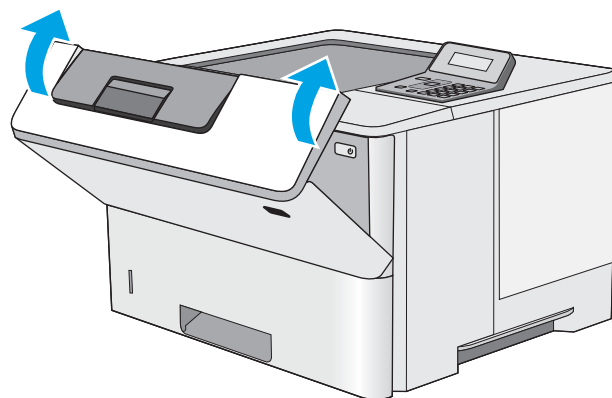
5. Giữ hai đầu của hộp mực và lắc nhẹ 5-6 lần.



6. Căn hộp mực in thẳng với các khe cắm của nó, sau đó lắp hộp mực vào máy in.



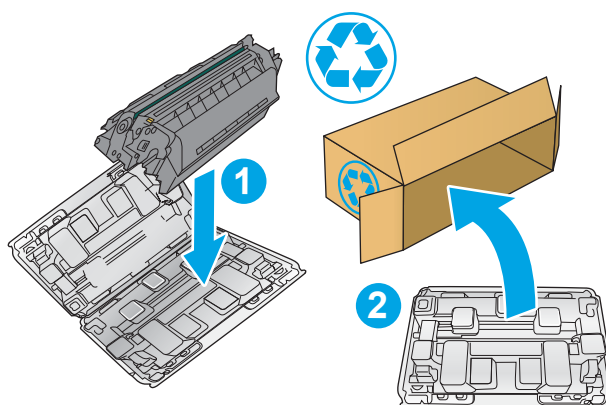
7. Đóng cửa trước.



8. Cho hộp mực in đã qua sử dụng vào trong hộp mà bạn đã lấy ra hộp mực mới. Xem hướng dẫn tái chế đi kèm để biết thông tin về việc tái chế.

Ở Hoa Kỳ, có nhãn vận chuyển đã trả trước trên hộp. Ở các quốc gia/khu vực khác, truy cập www.hp.com/recycle để in nhãn vận chuyển trả trước.

Dán nhãn vận chuyển trả trước vào vỏ hộp và gửi lại hộp mực đã qua sử dụng cho HP để tái chế.



4 In

- [Thao tác in \(Windows\)](#)
- [Thao tác in \(OS X\)](#)
- [Lưu trữ lệnh in trên ổ flash USB để in sau](#)
- [In di động](#)

Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM501.

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:


- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành


Thao tác in (Windows)


Cách in (Windows)


Quy trình sau đây mô tả quá trình in cơ bản cho Windows.

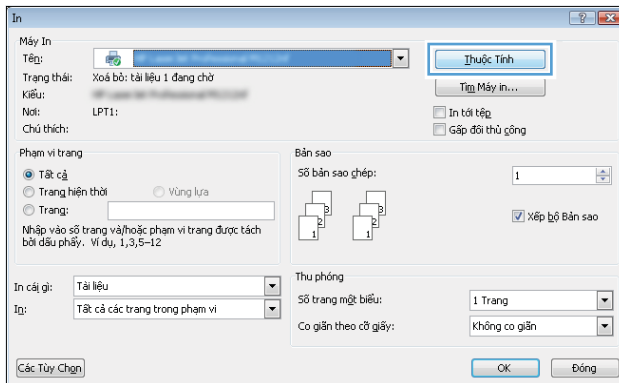
1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in. Để thay đổi cài đặt, nhấp hoặc chạm vào **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

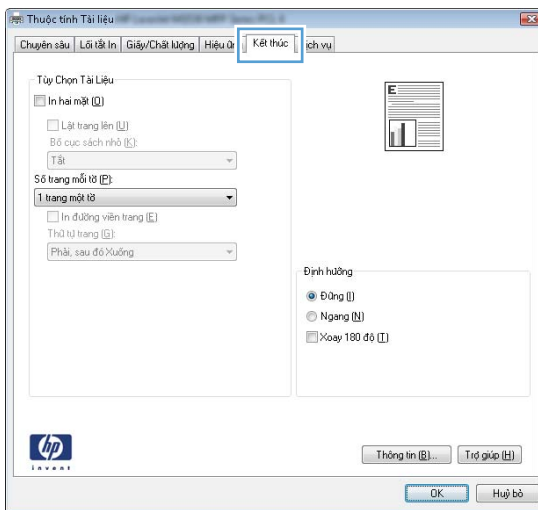
 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.

 **GHI CHÚ:** Để biết thêm thông tin, hãy bấm nút Trợ giúp (?) trong trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Trình điều khiển in có thể khác với những gì được thể hiện ở đây, nhưng các bước thì không thay đổi.



3. Nhấp hoặc chạm vào tab trong trình điều khiển in để cấu hình các tùy chọn sẵn có. Ví dụ, đặt hướng giấy trong tab **Finishing** (Kết thúc), đặt nguồn giấy, loại giấy, cỡ giấy và cài đặt chất lượng trên tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).





4. Nhấp hoặc chạm vào nút **OK** để trở lại hộp thoại **Print (In)**. Chọn số lượng các bản sao để in từ màn hình này.
5. Nhấp hoặc chạm vào nút **OK** để in lệnh in.

In tự động trên hai mặt (Windows)

Dùng quy trình này cho các máy in có lắp đặt khay in hai mặt tự động. Nếu máy in không có lắp đặt khay in hai mặt tự động, hoặc in trên các loại giấy mà khay in hai mặt không hỗ trợ, bạn có thể in cả hai mặt theo cách thủ công.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.


 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.


3. Nhấp vào tab **Finishing** (Kết thúc).
4. Chọn hộp chọn **Print on both sides** (In hai mặt). Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
5. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

In thủ công trên cả hai mặt (Windows)

Dùng quy trình này cho các máy in không có lắp khay in hai mặt tự động hoặc để in trên giấy mà khay in hai mặt không hỗ trợ.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.


 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.


 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.

3. Nhấp vào tab **Finishing** (Kết thúc).
4. Chọn hộp chọn **Print On Both Sides (Manually)** (In Hai mặt (Thủ công)). Bấm nút **OK** để in mặt đầu tiên của lệnh in.
5. Lấy xếp giấy đã in từ ngăn giấy ra và đặt nó vào Khay 1.
6. Nếu được nhắc, hãy chạm vào nút thích hợp trên bảng điều khiển để tiếp tục.

In nhiều trang trên một trang giấy (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.


 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.


 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print** (In) và chọn máy in.

3. Nhấp vào tab **Finishing** (Kết thúc).
4. Chọn số lượng trang in trên một trang giấy từ danh sách **Các trang trên một trang giấy** thả xuống.
5. Chọn đúng tùy chọn cho **Print page borders** (In đường viền trang), **Page order** (Thứ tự trang) và **Orientation** (Hướng). Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
6. Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

Chọn loại giấy (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print** (In) và chọn máy in.

3. Nhấp hoặc chạm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Từ danh sách thả xuống **Paper type** (Loại giấy), chọn tùy chọn cho loại giấy mà bạn đang dùng và bấm nút **OK**.
5. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

Tác vụ in bổ sung

Hãy truy cập www.hp.com/support/ljM501.

Hướng dẫn có sẵn để thực hiện các tác vụ in cụ thể, như các tác vụ sau:

- Tạo và sử dụng các cài đặt hoặc lối tắt in
- Chọn khổ giấy, hoặc dùng khổ giấy tùy chỉnh
- Chọn hướng của trang
- Tạo một tập sách mỏng
- Co giãn tài liệu cho vừa khổ giấy cụ thể


- In trang đầu hoặc trang cuối của tài liệu trên giấy khác nhau
- In hình mờ trên tài liệu

Thao tác in (OS X)

Cách in (OS X)


Quy trình sau mô tả quá trình in cơ bản dành cho OS X.


1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi chọn các menu khác để điều chỉnh cài đặt in.

 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.


4. Nhấp vào nút **In**.

Tự động in trên cả hai mặt (OS X)

 **GHI CHÚ:** Thông tin này áp dụng cho những máy in có phụ kiện in hai mặt tự động.


 **GHI CHÚ:** Tính năng này sẵn có nếu bạn có cài trình điều khiển in của HP. Tính năng này có thể không có sẵn nếu bạn dùng AirPrint.

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Layout** (Bố cục).


 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Chọn tùy chọn đóng sách từ danh sách thả xuống **Two-Sided** (Hai Mặt).
5. Nhấp vào nút **In**.

In thủ công trên cả hai mặt (OS X)

 **GHI CHÚ:** Tính năng này sẵn có nếu bạn có cài trình điều khiển in của HP. Tính năng này có thể không có sẵn nếu bạn dùng AirPrint.

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Manual Duplex** (In hai mặt thủ công).

 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Nhấp vào hộp **Manual Duplex** (Hai mặt Thủ công) và chọn một tùy chọn đóng sách.
5. Nhấp vào nút **In**.
6. Đến máy in và lấy hết giấy trắng trong Khay 1 ra.

7. Lấy xếp giấy đã in từ ngăn giấy ra và đặt nó vào khay tiếp giấy với mặt đã in hướng xuống dưới.
8. Nếu được nhắc, hãy chạm vào nút thích hợp trên bảng điều khiển để tiếp tục.

In nhiều trang trên một tờ (OS X)

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Layout** (Bố cục).



GHI CHÚ: Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Từ danh sách **Pages per Sheet** (Nhiều trang trên một Tờ) thả xuống, hãy chọn số trang bạn muốn in trên mỗi tờ.
5. Trong vùng **Layout Direction** (Hướng Bố Cục), chọn thứ tự và vị trí của trang trên tờ giấy.
6. Từ menu **Borders** (Đường viền), chọn loại viền quanh mỗi trang trên tờ giấy.
7. Nhấp vào nút **In**.

Chọn loại giấy (OS X)

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Media & Quality** (Phương tiện & Chất lượng) hoặc menu **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).



GHI CHÚ: Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Chọn từ các tùy chọn **Media & Quality** (Phương tiện & Chất lượng) hoặc **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).



GHI CHÚ: Danh sách này bao gồm toàn bộ các tùy chọn khả dụng. Một số tùy chọn không khả dụng trên tất cả các máy in.

- **Media Type** (Loại phương tiện): Chọn tùy chọn cho loại giấy cho lệnh in.
 - **Print Quality** (Chất lượng in): Chọn mức độ phân giải cho lệnh in.
 - **Edge-To-Edge Printing** (In cạnh đối cạnh): Chọn tùy chọn này để in gần các cạnh giấy.
 - **EconoMode** (Chế độ tiết kiệm): Chọn tùy chọn này để bảo tồn bột mực khi in bản nháp của tài liệu.
5. Nhấp vào nút **In**.

Tác vụ in bổ sung

Hãy truy cập www.hp.com/support/ljM501.

Hướng dẫn có sẵn để thực hiện các tác vụ in cụ thể, như các tác vụ sau:

- Tạo và sử dụng các cài đặt hoặc lối tắt in
- Chọn khổ giấy, hoặc dùng khổ giấy tùy chỉnh
- Chọn hướng của trang
- Tạo một tập sách mỏng
- Co giãn tài liệu cho vừa khổ giấy cụ thể
- In trang đầu hoặc trang cuối của tài liệu trên giấy khác nhau
- In hình mờ trên tài liệu

Lưu trữ lệnh in trên ổ flash USB để in sau

- [Giới thiệu](#)
- [Trước khi bắt đầu](#)
- [Cài đặt máy in để lưu trữ lệnh in](#)
- [Tạo lệnh in đã lưu \(Windows\)](#)
- [In lệnh in đã lưu](#)
- [Xóa lệnh in đã lưu](#)
- [Thông tin được gửi đến máy in cho mục đích Kế toán lệnh in](#)

Giới thiệu

Phần này cung cấp các quy trình tạo và in tài liệu được lưu trữ trên ổ flash USB. Các lệnh này có thể được in sau.

Trước khi bắt đầu

Tính năng lưu trữ lệnh in có các yêu cầu sau:

- Một ổ flash USB 2.0 chuyên dụng có ít nhất 16 GB dung lượng trống phải được lắp vào cổng USB chủ phía sau. Ổ flash USB này chứa các lệnh của lưu trữ lệnh in được gửi đến máy in. Việc tháo ổ flash USB này ra khỏi máy in sẽ tắt tính năng lưu trữ lệnh in.
- Nếu bạn đang dùng trình điều khiển HP Universal Print Driver (UPD), bạn phải dùng phiên bản UPD 5.9.0 trở lên.

Cài đặt máy in để lưu trữ lệnh in

Hoàn tất các quy trình sau để bật tính năng lưu trữ lệnh in của máy in.

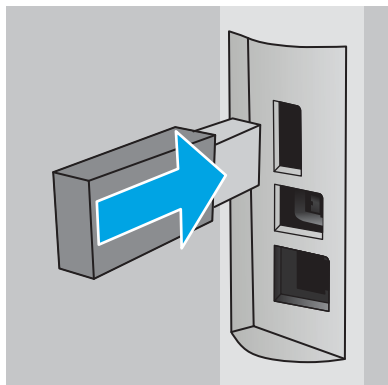
Bước một: Lắp đặt ổ flash USB

1. Định vị cổng USB chủ phía sau.



GHI CHÚ: Trên một số kiểu sản phẩm, cổng USB chủ phía sau được đậy lại. Tháo nắp cổng USB chủ phía sau trước khi tiến hành.

2. Lắp ổ USB flash vào cổng USB chủ phía sau.



Bảng điều khiển hiển thị thông báo **To format USB drive for Job Storage press OK** (Để định dạng ổ USB cho Lưu trữ lệnh in hãy bấm OK).

3. Bấm nút **OK**, rồi làm theo hướng dẫn trên bảng điều khiển để hoàn tất quy trình này

Bước hai: Cập nhật trình điều khiển in


Cập nhật trình điều khiển in trong Windows

1. Nhấp vào nút **Start** (Bắt đầu), sau đó nhấp **Devices and Printers** (Thiết bị và Máy in).
2. Nhấp chuột phải vào tên của máy in HP, rồi chọn **Printer properties** (Thuộc tính máy in).
3. Trong hộp thoại **Properties** (Thuộc tính), chọn tab **Device Settings** (Cài đặt Thiết bị).
4. Chọn **Update Now** (Cập nhật Bây giờ), sau đó bấm **OK**. Trình điều khiển in được cập nhật.

Trình điều khiển in được cập nhật sẽ bao gồm tab **Job Storage** (Lưu trữ lệnh in).


Tạo lệnh in đã lưu (Windows)


Lưu trữ lệnh in trên ổ flash USB để in riêng hoặc in trì hoãn.

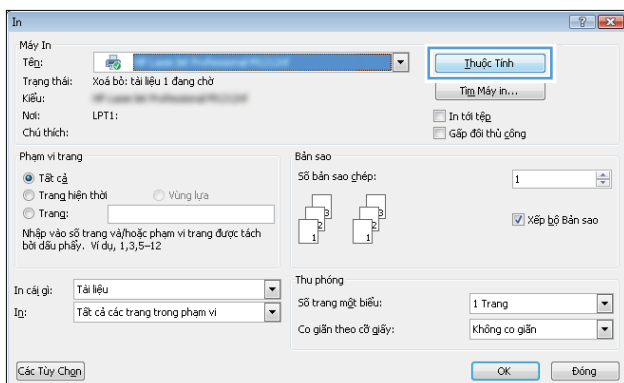
 **GHI CHÚ:** Trình điều khiển in có thể khác với những gì được thể hiện ở đây, nhưng các bước thì không thay đổi.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.

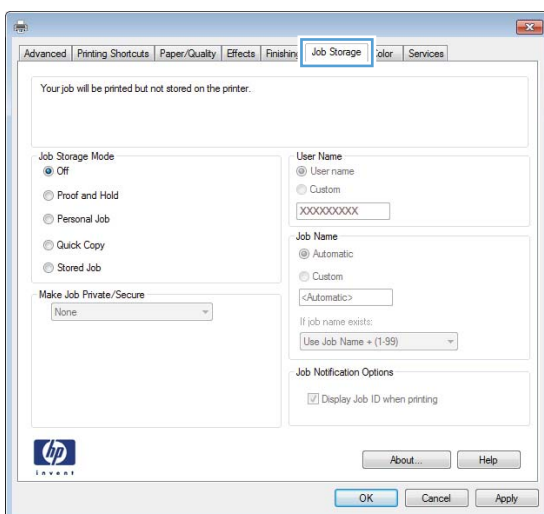
- Chọn máy in từ danh sách máy in, sau đó chọn **Properties** (Thuộc tính) hoặc **Preferences** (Tùy chọn) (tên thay đổi tùy theo các chương trình phần mềm khác nhau).

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print** (In) và chọn máy in.



- Nhấp vào tab **Job Storage** (Lưu trữ Lệnh in).



- Chọn một tùy chọn **Job Storage Mode** (Chế độ Lưu trữ Lệnh in).

Chế độ	Mô tả	Bảo vệ bằng mã PIN	Xóa lệnh in
Proof and Hold (Kiểm tra và giữ)	In trang đầu tiên của tài liệu để kiểm tra xem chất lượng in, sau đó in phần tài liệu còn lại từ bảng điều khiển máy in	Không	Tự động sau khi lệnh in được in hoặc khi đạt đến giới hạn giữ lại lệnh in.

Chế độ	Mô tả	Bảo vệ bằng mã PIN	Xóa lệnh in
Personal Job (Lệnh in cá nhân)	<p>Lệnh in không in cho đến khi bạn yêu cầu trên bảng điều khiển máy in.</p> <p>Đối với chế độ lưu trữ lệnh in này, bạn có thể chọn một trong các tùy chọn Make Job Private/Secure (Làm cho Lệnh in bí mật/bảo mật):</p> <ul style="list-style-type: none"> Nếu bạn gán một số nhận dạng cá nhân (PIN) cho lệnh in, bạn phải cung cấp mã PIN yêu cầu ở bảng điều khiển. Nếu mã hóa lệnh in, bạn phải cung cấp mật khẩu được yêu cầu tại bảng điều khiển. <p>Lệnh in sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ sau khi máy in và sẽ bị mất nếu máy in bị mất điện.</p>	Có (tùy chọn)	Tự động sau khi lệnh in được in hoặc khi đạt đến giới hạn giữ lại lệnh in.
Quick Copy (Sao chép nhanh)	In số lượng bản sao được yêu cầu của một lệnh in và lưu một bản sao của lệnh in trong bộ nhớ của máy in để bạn có thể in lại sau.	Không	Theo cách thủ công
Stored Job (Lệnh in đã lưu)	Lưu trữ lệnh in trên ổ flash USB và cho phép người dùng khác in lệnh in này bất cứ lúc nào.	Có (tùy chọn)	Theo cách thủ công

5. Để sử dụng tên người dùng hoặc tên lệnh in tùy chỉnh, hãy nhấp vào nút **Custom** (Tùy chỉnh), sau đó nhập tên người dùng hoặc tên lệnh in.

Chọn tùy chọn để sử dụng nếu một lệnh in đã lưu khác đã có tên đó:

- Use Job Name + (1-99)** (Sử dụng Tên Lệnh in + (1-99)): Nối một số riêng vào cuối tên lệnh in.
- Replace Existing File** (Thay thế Tập Hiện có): Ghi đè lệnh in đã lưu hiện có bằng lệnh in mới.

6. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

In lệnh in đã lưu

Sử dụng quy trình sau để in lệnh in được lưu trữ trong ổ flash USB.

- Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **OK**.
- Cuộn xuống và chọn **Stored Jobs** (Lệnh in đã lưu).

3. Từ danh sách **Job Folders** (Thư mục Lệnh in), chọn một tên người dùng. Danh sách các lệnh in đã lưu dưới tên người dùng đó sẽ hiển thị.
4. Chọn tên lệnh in. Nếu lệnh in là riêng tư hoặc bảo mật, hãy nhập mã PIN khi được nhắc.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Copies** (Bản sao), rồi bấm nút **OK**.
6. Nhập số lượng bản sao, sau đó bấm nút **OK**.
7. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Print (In)**, rồi bấm nút **OK**.

Xóa lệnh in đã lưu

Khi bạn gửi lệnh in đã lưu đến ổ flash USB, máy in sẽ ghi đè bất kỳ lệnh in nào trước đó có cùng tên lệnh in và người dùng. Nếu ổ flash USB đã đầy, bảng điều khiển máy in sẽ hiển thị thông báo **No more memory** (Không có thêm bộ nhớ) và phải xóa lệnh in đã lưu hiện có trước khi có thể lưu lệnh in bổ sung.

Sử dụng quy trình sau để xoá lệnh in được lưu trữ trong ổ flash USB.

1. Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **OK**.
2. Cuộn xuống và chọn **Stored Jobs** (Lệnh in đã lưu).
3. Từ danh sách **Job Folders** (Thư mục Lệnh in), chọn một tên người dùng. Danh sách các lệnh in đã lưu dưới tên người dùng đó sẽ hiển thị.
4. Chọn tên lệnh in. Nếu lệnh in là riêng tư hoặc bảo mật, hãy nhập mã PIN khi được nhắc.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Delete** (Xóa), rồi bấm nút **OK**. Bấm nút **OK** một lần nữa để xoá lệnh in.

Thông tin được gửi đến máy in cho mục đích Kế toán lệnh in

Lệnh in được gửi từ trình điều khiển trên máy khách (ví dụ như máy tính cá nhân) có thể gửi thông tin cho phép nhận dạng cá nhân đến Thiết bị in ấn và xử lý hình ảnh của HP. Thông tin này có thể bao gồm nhưng không giới hạn trong phạm vi tên người dùng và tên máy khách khởi phát lệnh mà có thể được sử dụng cho mục đích kế toán lệnh in, do Quản trị viên của thiết bị in xác định. Thông tin này cũng có thể được lưu trữ cùng với lệnh trên thiết bị lưu trữ lớn (ví dụ như ổ đĩa) của thiết bị in khi sử dụng tính năng lưu trữ lệnh in.

In di động


Giới thiệu

HP cung cấp nhiều giải pháp di động và ePrint để cho phép in dễ dàng tới một máy in HP từ máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh hoặc từ thiết bị di động khác. Để xem danh sách đầy đủ và xác định lựa chọn tốt nhất, hãy truy cập www.hp.com/go/LaserJetMobilePrinting.

- [HP ePrint qua email](#)
- [Phần mềm HP ePrint](#)
- [AirPrint](#)
- [Google Cloud Print](#)
- [In nhúng của Android](#)

HP ePrint qua email

Sử dụng HP ePrint để in tài liệu bằng cách gửi tài liệu dưới dạng tài liệu đính kèm email đến địa chỉ email của máy in từ thiết bị bất kỳ có hỗ trợ dịch vụ email.


 **GHI CHÚ:** Máy in có thể yêu cầu cập nhật chương trình cơ sở để sử dụng tính năng này.


Để dùng HP ePrint, máy in phải đáp ứng các yêu cầu này:

- Máy in phải được kết nối với mạng không dây hoặc có dây và phải có khả năng truy cập vào Internet.
- Máy in phải bật HP Web Services (Dịch vụ Web của HP) và máy in phải được đăng ký với trang web HP Connected.

Thực hiện theo các bước sau để bật Dịch vụ Web HP và đăng ký với HP Connected:

1. Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **OK**. Mở menu **Network Setup** (Cài đặt Mạng) rồi chọn **Show IP Address** (Hiển thị địa chỉ IP) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
2. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XXXXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt Web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang Web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang Web. Việc truy cập trang Web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

3. Nhấp tab **HP Web Services** (Dịch vụ Web HP), sau đó nhấp vào **Enable (Bật)**. Máy in bật Web Services (Dịch vụ Web) rồi in trang thông tin.

Trang thông tin có chứa mã máy in mà bạn cần để đăng ký sản phẩm HP tại HP Connected.

4. Hãy truy cập www.hpconnected.com để tạo tài khoản HP ePrint và hoàn thành quy trình cài đặt.

Phần mềm HP ePrint

Phần mềm HP ePrint giúp bạn in dễ dàng từ máy tính để bàn Windows hoặc Mac hoặc máy xách tay tới bất kỳ máy in nào hỗ trợ HP ePrint. Phần mềm này giúp bạn dễ dàng tìm kiếm các máy in hỗ trợ HP ePrint được đăng ký với tài khoản HP Connected. Bạn có thể xác định máy in HP mục tiêu trong văn phòng hoặc các vị trí ở khắp nơi trên trái đất này.


- **Windows:** Sau khi cài đặt phần mềm, hãy mở tùy chọn **Print (In)** từ trong ứng dụng của bạn, rồi chọn **HP ePrint** từ danh sách máy in đã cài đặt. Nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) để cấu hình tùy chọn in.
- **OS X:** Sau khi cài đặt phần mềm, hãy chọn **File (Tập)**, **Print (In)**, sau đó chọn mũi tên bên cạnh **PDF** (phía dưới cùng bên trái của màn hình trình điều khiển). Chọn **HP ePrint**.

Đối với Windows, phần mềm HP ePrint hỗ trợ in TCP/IP tới các máy in mạng cục bộ có trên mạng (LAN hoặc WAN) và hỗ trợ UPD PostScript®.

Cả Windows và OS X hỗ trợ in IPP tới máy in nối mạng LAN hoặc WAN có hỗ trợ ePCL.

Cả Windows và Mac cũng hỗ trợ in các tài liệu PDF tới các vị trí in công cộng và in bằng HP ePrint qua email thông qua nền tảng điện toán đám mây.

Hãy truy cập www.hp.com/go/eprintsoftware để có các trình điều khiển và thông tin.


 **GHI CHÚ:** Phần mềm HP ePrint là tiện ích dòng công việc PDF cho Mac và về mặt kỹ thuật không phải là trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Phần mềm HP ePrint không hỗ trợ in USB.

AirPrint

In trực tiếp bằng AirPrint của Apple được hỗ trợ cho iOS 4.2 trở lên và từ các máy tính Mac chạy OS X 10.7 Lion và mới hơn. Sử dụng AirPrint để in trực tiếp tới máy in từ iPad, iPhone (3GS trở lên), hoặc iPod touch (thế hệ thứ ba trở đi) trong các ứng dụng di động sau:

- Thư
- Ảnh
- Safari
- iBooks
- Chọn ứng dụng của bên thứ ba

 **GHI CHÚ:** Trước khi sử dụng AirPrint với kết nối USB, hãy kiểm tra số phiên bản. Phiên bản AirPrint 1.3 và cũ hơn không hỗ trợ kết nối USB.

Google Cloud Print

Google Cloud Print là một giải pháp in di động sẵn có cho người dùng tài khoản Gmail, cho phép bạn in qua web từ mọi nơi, bao gồm điện thoại hoặc máy tính bảng của bạn, tới bất kỳ máy in nào.

Để biết thêm thông tin, hãy truy cập vào www.google.com/cloudprint/learn/printers.html, rồi chọn liên kết **HP**.

In nhúng của Android

Giải pháp in của HP dành cho Android và Kindle cho phép các thiết bị di động tự động tìm và in tới máy in HP có trên mạng.

Máy in phải được kết nối tới cùng mạng (mạng phụ) với thiết bị Android.

Giải pháp in HP được nhúng trong một số thiết bị Android và Kindle và sẵn có cho các thiết bị khác tại: play.google.com.

Để biết thêm thông tin về cách sử dụng tính năng in nhúng Android và loại thiết bị Android nào được hỗ trợ, hãy truy cập www.hp.com/go/LaserJetMobilePrinting.

5 Quản lý máy in

- [Sử dụng các ứng dụng Dịch vụ Web của HP](#)
- [Thay đổi kiểu kết nối máy in \(Windows\)](#)
- [Cấu hình nâng cao với Máy chủ Web Nhúng của HP \(EWS\) và Hộp công cụ Thiết bị HP \(Windows\)](#)
- [Cấu hình nâng cao với Tiện ích HP cho OS X](#)
- [Định cấu hình cài đặt mạng IP](#)
- [Các tính năng bảo mật của máy in](#)
- [Các cài đặt bảo tồn năng lượng](#)
- [HP Web Jetadmin](#)
- [Cập nhật chương trình cơ sở](#)

Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM501.

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

Sử dụng các ứng dụng Dịch vụ Web của HP

Ứng dụng Dịch vụ Web HP cung cấp nội dung hữu ích có thể được tự động tải xuống từ Internet đến máy in. Chọn từ nhiều ứng dụng bao gồm tin tức, lịch, mẫu và lưu trữ tài liệu trên nền tảng đám mây.

Để kích hoạt các ứng dụng này và lập lịch tải xuống, hãy truy cập vào trang HP Connected Web tại www.hpconnected.com



GHI CHÚ: Để dùng tính năng này, máy in phải được kết nối với mạng và phải có khả năng truy cập vào Internet. Dịch vụ Web HP phải được bật trên máy in.

Enable Web Services (Bật dịch vụ Web)

1. Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **OK**.
2. Chọn menu **HP Web Services** (Dịch vụ web HP) và bấm nút **OK**.
3. Chọn mục **Enable Web Services** (Bật dịch vụ Web) và bấm nút **OK**.

Thay đổi kiểu kết nối máy in (Windows)

Nếu bạn đã đang sử dụng máy in và muốn thay đổi cách máy in được kết nối, hãy sử dụng lối tắt **Reconfigure your HP Device** (Cấu hình lại thiết bị HP của bạn) trên màn hình máy tính của bạn để thay đổi kết nối. Ví dụ: bạn có thể định lại cấu hình máy in để sử dụng một địa chỉ không dây khác, để kết nối với mạng không dây hoặc có dây, hoặc để thay đổi từ kết nối mạng sang kết nối USB. Bạn có thể thay đổi cấu hình mà không cần lắp đĩa CD của máy in. Sau khi bạn chọn loại kết nối mình muốn, chương trình sẽ đi thẳng tới phần quy trình thiết lập máy in cần thay đổi.


Cấu hình nâng cao với Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS) và Hộp công cụ Thiết bị HP (Windows)


Sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP để quản lý các chức năng in từ máy tính thay vì từ bảng điều khiển của máy in.

- Xem thông tin tình trạng máy in
- Xác định tuổi thọ còn lại của tất cả các nguồn cung cấp và đặt mua những nguồn cung cấp mới.
- Xem và thay đổi các cấu hình khay.
- Xem và thay đổi cấu hình menu của bảng điều khiển máy in
- Xem và in các trang nội bộ
- Nhận thông báo về các sự kiện của nguồn cung cấp và máy in
- Xem và thay đổi cấu hình mạng

Máy chủ web nhúng của HP hoạt động khi máy in được kết nối với mạng dựa trên IP. Máy chủ web nhúng của HP không hỗ trợ các kết nối máy in dựa trên IPX. Không cần phải có truy cập internet để mở và sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP.

Khi máy in được nối mạng, Máy chủ web nhúng của HP sẽ tự động sẵn sàng.

 **GHI CHÚ:** HP Device Toolbox (Hộp công cụ thiết bị HP) là phần mềm được sử dụng để kết nối với Máy chủ Web nhúng của HP khi máy in được kết nối với máy tính qua USB. Phần mềm này chỉ khả dụng nếu một cài đặt đầy đủ được thực hiện khi máy in đã được cài đặt trên máy tính. Tùy thuộc vào cách máy in được kết nối, một vài tính năng có thể không hoạt động.


 **GHI CHÚ:** Máy chủ web nhúng HP không thể truy cập được bên ngoài tường lửa của mạng.


Phương pháp một: Mở Máy chủ Web Nhúng HP (EWS) từ menu Start (Bắt đầu)

1. Nhấp vào nút **Start** (Bắt đầu), sau đó nhấp vào mục **Programs** (Chương trình).
2. Nhấp vào nhóm máy in HP của bạn, sau đó nhấp vào mục **HP Device Toolbox** (Hộp công cụ Thiết bị HP).

Phương pháp hai: Mở Máy chủ Web Nhúng HP (EWS) từ trình duyệt web

1. Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **OK**. Mở menu **Network Setup** (Cài đặt Mạng) rồi chọn **Show IP Address** (Hiển thị địa chỉ IP) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
2. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XX.XXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt Web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang Web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang Web. Việc truy cập trang Web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

Tab hoặc mục	Mô tả
<p>Tab Home (Màn hình chính)</p> <p>Cung cấp thông tin máy in, thông tin trạng thái và cấu hình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Device Status (Trạng thái thiết bị): Hiển thị trạng thái của máy in và hiển thị phần trăm gần đúng của lượng mực in HP còn lại. • Tình trạng Mực in: Hiển thị phần trăm gần đúng của lượng mực in HP còn lại. Lượng mực in còn lại thực tế có thể khác. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn mực in thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Không cần thay thế mực in trừ khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. • Device Configuration (Cấu hình Thiết bị): Hiển thị thông tin được tìm thấy trên trang cấu hình của máy in. • Network Summary (Tóm tắt Mạng): Hiển thị thông tin được tìm thấy trên trang cấu hình mạng của máy in. • Reports (Báo cáo): In trang cấu hình và trang tình trạng nguồn cung cấp mà máy in tạo ra. • Job Storage Log (Nhật ký Lưu trữ Lệnh in): Hiển thị bản tóm tắt tất cả các lệnh in được lưu trong ổ flash USB. • Color Usage Log (Nhật ký Sử dụng Màu): Hiển thị bản tóm tắt lệnh in màu mà máy in đã tạo ra. (Chỉ các máy in màu) • Event Log (Nhật ký Sự kiện): Hiển thị danh sách tất cả các sự kiện và lỗi của máy in.
<p>Tab System (Hệ thống)</p> <p>Cung cấp khả năng cấu hình máy in từ máy tính của bạn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Device Information (Thông tin Thiết bị): Cung cấp thông tin cơ bản về máy in và công ty. • Paper Setup (Cài đặt Giấy): Thay đổi cài đặt xử lý giấy mặc định cho máy in. • Print Quality (Chất lượng In): Thay đổi cài đặt chất lượng in mặc định cho máy in. • Energy Settings (Cài đặt Năng lượng): Thay đổi số lần mặc định để chuyển vào chế độ Sleep/Auto Off (Chế độ nghỉ/Tự động tắt) hoặc tự động ngắt điện. • Job Storage Setup (Cài đặt Lưu trữ Lệnh in): Cấu hình các cài đặt lưu trữ lệnh in cho máy in. • Print Density (Mật độ In): Thay đổi mật độ in của độ tương phản, tô sáng, tông màu trung và bóng. • Paper Types (Loại Giấy): Cấu hình các chế độ in tương ứng với các loại giấy mà máy in chấp nhận. • System Setup (Cài đặt Hệ thống): Thay đổi cài đặt mặc định hệ thống của máy in. • Supply Settings (Cài đặt mực in): Thay đổi các cài đặt cho cảnh báo Cartridge is low (Hộp mực in ở mức thấp) và các thông tin khác về mực in. • Service(Dịch vụ): Thực hiện thủ tục làm sạch trên máy in. • Save and Restore (Lưu và Khôi phục): Lưu cài đặt hiện tại của máy in vào một tệp trên máy tính. Dùng tệp này để nạp cùng thông số cài đặt vào máy in khác hoặc khôi phục các thông số này vào máy in sau này. • Administration (Quản trị): Đặt hoặc thay đổi mật khẩu máy in. Bật hoặc tắt các tính năng của máy in. <p>GHI CHÚ: Tab System (Hệ thống) có thể được bảo vệ bằng mật khẩu. Nếu máy in này nằm trong một mạng, luôn hỏi ý kiến quản trị viên trước khi thay đổi cài đặt trên tab này.</p>

Tab hoặc mục	Mô tả
<p>Tab Print (In)</p> <p>Cung cấp khả năng thay đổi cài đặt in mặc định từ máy tính của bạn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Printing (In): Thay đổi các thông số cài đặt in mặc định của máy in, như số lượng bản sao và hướng giấy in. Các tùy chọn này tương tự như các tùy chọn hiện có trên bảng điều khiển. • PCL5c: Xem và thay đổi các thông số cài đặt PCL5c. • PostScript: Tắt hoặc bật tính năng Print PS Errors (Lỗi In PS).
<p>Tab Fax</p> <p>(Chỉ các máy in fax)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Receive Options (Tùy chọn Nhận): Cấu hình cách máy in xử lý các bản fax đến. • Phone Book (Danh bạ): Thêm hoặc xóa các mục trong danh bạ fax. • Junk Fax List (Danh sách Fax Rác): Đặt các số fax bị chặn không cho gửi fax đến máy in. • Fax Activity Log (Nhật ký Hoạt động fax): Xem lại các hoạt động fax gần đây của máy in.
<p>Tab Scan (Quét)</p> <p>(Chỉ các máy in MFP)</p>	<p>Cấu hình các tính năng Scan to Network Folder (Quét vào Thư mục Mạng) và Scan to E-mail (Quét và gửi qua E-mail).</p> <ul style="list-style-type: none"> • Network Folder Setup (Cài đặt Thư mục Mạng): Cấu hình các thư mục trên mạng để máy in có thể lưu tập tin đã quét. • Scan to E-mail Setup (Quét và gửi qua e-mail): Bắt đầu quá trình cài đặt tính năng Scan to E-mail (Quét và gửi qua E-mail). • Outgoing E-mail Profiles (Cấu hình Email Gửi đi): Cài đặt một địa chỉ email sẽ xuất hiện trong địa chỉ "from" (từ địa chỉ) cho tất cả các email gửi từ máy in. • Default SMTP Configuration (Cấu hình SMTP mặc định): Thông tin cấu hình Máy chủ SMTP. • E-mail Address Book (Sổ Địa chỉ Email): Thêm hoặc xóa các mục trong sổ địa chỉ email. • Network Contacts Setup (Cài đặt Liên hệ Mạng): Cấu hình máy in để kết nối với một số địa chỉ mạng. • E-mail Options (Tùy chọn Email): Cấu hình dòng tiêu đề và nội dung thư mặc định. Cấu hình thông số quét mặc định cho email.
<p>Tab Networking (Hoạt động mạng)</p> <p>(Chỉ máy in được nối mạng)</p> <p>Cung cấp khả năng để thay đổi cài đặt mạng từ máy tính của bạn.</p>	<p>Quản trị viên mạng có thể sử dụng tab này để kiểm soát các cài đặt liên quan đến mạng cho máy in khi máy in được kết nối vào mạng IP. Tab này cũng cho phép quản trị viên mạng thiết lập chức năng Wi-Fi Direct. Tab này sẽ không xuất hiện nếu máy in được nối trực tiếp với máy tính.</p>
<p>Tab HP Web Services (Dịch vụ web HP)</p>	<p>Sử dụng tab này để thiết lập và sử dụng các công cụ Web khác nhau với máy in.</p>

Cấu hình nâng cao với Tiện ích HP cho OS X

Sử dụng Tiện ích HP để kiểm tra trạng thái máy in hoặc để xem hoặc thay đổi các cài đặt của máy in từ máy tính của bạn.

Bạn có thể sử dụng Tiện ích HP khi máy in được kết nối bằng cáp USB hoặc được kết nối với mạng hoạt động dựa trên giao thức TCP/IP.

Mở Tiện ích HP

1. Trên máy tính, mở menu **System Preferences** (Tùy chọn Hệ thống), rồi nhấp **Print & Fax** (In & Fax), **Print & Scan** (In & Quét) hoặc **Printers & Scanners** (Máy in & Máy quét).
2. Chọn máy in từ danh sách.
3. Nhấp nút **Options & Supplies** (Tùy chọn & Mực in).
4. Nhấp tab **Utility** (Tiện ích).
5. Nhấp nút **Open Printer Utility** (Mở Tiện ích Máy in).

Các tính năng của Tiện ích HP

Thanh công cụ của Tiện ích HP bao gồm các mục sau:

- **Devices** (Thiết bị): Nhấp nút này để hiển thị hoặc ẩn sản phẩm Mac do Tiện ích HP tìm thấy.
- **All Settings** (Tất cả Cài đặt): Nhấp nút này để trở lại giao diện chính của Tiện ích HP.
- **HP Support** (Hỗ trợ HP): Nhấp nút này để mở trình duyệt và đi đến trang Web hỗ trợ của HP.
- **Supplies** (Mực in): Nhấp nút này để mở trang Web HP SureSupply.
- **Registration** (Đăng ký): Nhấp nút này để mở trang Web đăng ký của HP.
- **Recycling** (Tái chế): Nhấp nút này để mở trang Web Chương trình Tái chế Đối tác Toàn cầu của HP.

Tiện ích HP bao gồm nhiều trang mà bạn có thể mở bằng cách bấm vào danh sách **All Settings** (Tất cả Cài đặt). Bảng sau mô tả các tác vụ bạn có thể thực hiện với Tiện ích HP.

Mục	Mô tả
Supplies Status (Tình trạng Mực in)	Hiển thị tình trạng mực in của máy in và cung cấp các liên kết để đặt mua mực in trực tuyến.
Device Information (Thông tin thiết bị)	Hiện thông tin về máy in hiện đang được chọn, bao gồm ID dịch vụ (nếu được gán) của máy in, phiên bản chương trình cơ sở (Phiên bản FW), Số Sê-ri và địa chỉ IP.
Commands (Lệnh)	Gửi các ký tự đặc biệt hoặc các lệnh in đến máy in sau lệnh in. GHI CHÚ: Tùy chọn này chỉ có sẵn sau khi bạn mở menu View (Dạng xem) và chọn mục Show Advanced Options (Hiện tùy chọn nâng cao).
Color Usage (Sử dụng màu) (Chỉ các máy in màu)	Hiện thông tin về các lệnh màu mà máy in đã tạo.

Mục	Mô tả
File Upload (Tải lên tệp)	Chuyển các tệp từ máy tính đến máy in. Bạn có thể tải lên những loại tệp sau: <ul style="list-style-type: none"> Ngôn ngữ lệnh máy in HP LaserJet (.PRN) Định dạng tài liệu khả chuyển (.PDF) Postscript (.PS) Văn bản (.TXT)
Power Management (Quản lý Nguồn điện)	Cấu hình các cài đặt tiết kiệm của máy in.
Update Firmware (Cập nhật chương trình cơ sở)	Chuyển tệp cập nhật chương trình cơ sở sang máy in. GHI CHÚ: Tùy chọn này chỉ có sẵn sau khi bạn mở menu View (Dạng xem) và chọn mục Show Advanced Options (Hiện tùy chọn nâng cao).
HP Connected (Được kết nối với HP)	Truy cập trang Web HP Connected.
Upload Fonts (Tải lên phông chữ)	Tải lên phông chữ từ máy tính đến máy in.
Message Center (Trung tâm Thông báo)	Hiển thị các sự kiện lỗi xảy ra với máy in.
Duplex Mode (Chế độ in hai mặt)	Bật chế độ in hai mặt tự động.
Network Settings (Cài đặt mạng) (Chỉ máy in được nối mạng)	Cấu hình cài đặt mạng chẳng hạn như IPv4 settings (cài đặt IPv4), IPv6 settings (cài đặt IPv6), Bonjour settings (cài đặt Chào hỏi) và các cài đặt.
Supplies Management (Quản lý mực in)	Cấu hình cách hoạt động của máy in khi mực in gần như đã hết thời gian sử dụng.
Trays Configuration (Cấu hình khay)	Đổi loại và cỡ giấy cho từng khay.
Additional Settings (Cài đặt thêm)	Mở Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP cho máy in. GHI CHÚ: Không hỗ trợ kết nối USB.
Proxy Server Settings (Cài đặt máy chủ proxy)	Cấu hình máy chủ proxy dành cho máy in.
Basic Fax Settings (Cài đặt fax cơ bản) (chỉ dành cho kiểu máy fax MFP)	Thiết lập trường trong tiêu đề fax và cấu hình cách máy in trả lời các cuộc gọi đến.
Fax Forwarding (Chuyển tiếp fax) (chỉ dành cho kiểu máy fax MFP)	Cài đặt máy in gửi các fax gọi đến đến một số khác.
Fax Logs (Nhật ký fax) (chỉ dành cho kiểu máy fax MFP)	Xem nhật ký tất cả các fax.
Fax Speed Dials (Quay số nhanh fax) (chỉ dành cho kiểu máy fax MFP)	Thêm các số fax vào danh sách quay số nhanh.
Junk Fax Blocking (Khóa fax quảng cáo) (chỉ dành cho kiểu máy fax MFP)	Lưu các số fax mà bạn muốn khóa.

Mục	Mô tả
Scan to E-mail (Quét và gửi qua Email) (Chỉ các máy in MFP)	Mở trang Máy chủ Web Nhúng HP (EWS) để cấu hình cài đặt cho việc quét và gửi qua email.
Scan to Network Folder (Quét vào Thư mục Mạng) (Chỉ các máy in MFP)	Mở trang Máy chủ Web Nhúng HP (EWS) để cấu hình cài đặt cho việc quét vào thư mục mạng.

Định cấu hình cài đặt mạng IP

- [Giới thiệu](#)
- [Từ chối dùng chung máy in](#)
- [Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng](#)
- [Đổi tên máy in trên mạng](#)
- [Định cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công](#)
- [Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết](#)

Giới thiệu

Tham khảo các phần dưới đây để cấu hình cài đặt mạng của máy in.

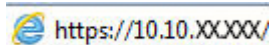
Từ chối dùng chung máy in


HP không hỗ trợ mạng ngang hàng, vì tính năng là của hệ điều hành Microsoft, không phải của trình điều khiển máy in HP. Hãy vào trang web của Microsoft www.microsoft.com.

Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng

Sử dụng Máy chủ web nhúng của HP để xem hoặc thay đổi các cài đặt cấu hình IP.

1. Mở Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP:
 - a. Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **OK**. Mở menu **Network Setup** (Cài đặt Mạng) rồi chọn **Show IP Address** (Hiển thị địa chỉ IP) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
 - b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.



 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt Web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang Web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang Web. Việc truy cập trang Web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

2. Nhấp tab **Networking** (Hoạt động Mạng) để lấy thông tin mạng. Bạn có thể thay đổi các cài đặt khi cần.


Đổi tên máy in trên mạng

Để đổi tên máy in trên mạng để có thể xác định duy nhất sản phẩm, hãy sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP.


1. Mở Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP:
 - a. Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **OK**. Mở menu **Network Setup** (Cài đặt Mạng) rồi chọn **Show IP Address** (Hiển thị địa chỉ IP) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XXXXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt Web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang Web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang Web. Việc truy cập trang Web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

2. Nhấp vào tab **System** (Hệ thống).
3. Trên trang **Device Information** (Thông tin Thiết bị), tên máy in mặc định nằm trong trường **Device Description** (Mô tả Thiết bị). Bạn có thể thay đổi tên này để xác định duy nhất máy in này.

 **GHI CHÚ:** Không bắt buộc phải hoàn tất các trường khác trên trang này.


4. Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng) để lưu các thay đổi.

Định cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công


Sử dụng các menu trên panen điều khiển để đặt địa chỉ IPv4, mặt nạ mạng cấp dưới, và cổng mặc định theo cách thủ công.


1. Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **OK**.
2. Mở các menu sau:
 - **Network Setup** (Cài đặt mạng)
 - **IPv4 Config Method** (Phương pháp cấu hình IPv4)
 - **Manual** (Thủ công)
3. Dùng các nút mũi tên và nút **OK** để nhập địa chỉ IP, mặt nạ mạng phụ và cổng mặc định, sau đó chạm vào nút **OK** để lưu các thay đổi.

Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết

 **GHI CHÚ:** Thông tin này chỉ áp dụng cho mạng Ethernet. Thông tin này không áp dụng cho mạng không dây.

Tốc độ liên kết và chế độ truyền tín hiệu của máy chủ in phải phù hợp với hub mạng. Nên để máy in ở chế độ tự động trong hầu hết các trường hợp. Các thay đổi không đúng đối với cài đặt tốc độ liên kết và in hai mặt có thể ngăn máy in không truyền tín hiệu được với các thiết bị mạng khác. Để thực hiện thay đổi, hãy sử dụng bảng điều khiển của máy in.

 **GHI CHÚ:** Cài đặt của máy in phải khớp với cài đặt cho thiết bị mạng (hub mạng, thiết bị chuyển mạch, cổng nối, bộ định tuyến, hoặc máy tính).

 **GHI CHÚ:** Khi thay đổi những cài đặt này, máy in sẽ tắt đi, sau đó lại bật lại. Chỉ thay đổi khi máy in chạy không (nhàn rỗi).

1. Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **OK**.
2. Mở các menu sau:

- **Network Setup (Cài đặt mạng)**
 - **Tốc độ Liên kết**
3. Chọn một trong các tùy chọn sau:
- **Automatic (Tự động):** Máy chủ in tự động cấu hình chính bản thân máy sao cho đạt được tốc độ liên kết và chế độ truyền tín hiệu tốt nhất mà máy được phép có trên mạng.
 - **10T Full (10T đầy đủ):** Truyền song công, 10 megabyte mỗi giây (Mbps)
 - **10T Half (10T một nửa):** Truyền bán song công, 10 Mbps
 - **100TX Full (100TX đầy đủ):** Truyền song công, 100 Mbps
 - **100TX Half (100TX một nửa):** Truyền bán song công, 100 Mbps
 - **1000T Full (1000T đầy đủ):** Truyền song công, 1000 Mbps
4. Bấm nút **OK**. Máy in sẽ tắt, sau đó bật lại.

Các tính năng bảo mật của máy in

Giới thiệu

Máy in bao gồm một số tính năng bảo mật để giới hạn ai có quyền truy cập để lập cấu hình các cài đặt, để bảo mật dữ liệu và để ngăn không cho truy cập vào các thành phần phần cứng có giá trị.


- [Gán hoặc thay đổi mật khẩu hệ thống bằng Máy chủ web nhúng HP](#)
- [Khóa bộ định dạng](#)

Gán hoặc thay đổi mật khẩu hệ thống bằng Máy chủ web nhúng HP

Gán một mật khẩu của quản trị viên để truy cập vào máy in và Máy chủ web nhúng của HP để người dùng không được phép không thể thay đổi cài đặt của máy in.

1. Mở Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP:
 - a. Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **OK**. Mở menu **Network Setup** (Cài đặt Mạng) rồi chọn **Show IP Address** (Hiển thị địa chỉ IP) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
 - b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.



 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt Web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang Web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang Web. Việc truy cập trang Web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

2. Trên tab **System** (Hệ thống), nhấp vào liên kết **Administration** (Quản trị) ở ngăn dẫn hướng bên trái.
3. Trong khu vực có nhãn là **Product Security** (Bảo mật sản phẩm), hãy nhập mật khẩu vào trường **Password** (Mật khẩu).
4. Nhập lại mật khẩu vào trường **Confirm Password** (Xác nhận mật khẩu).
5. Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng).

 **GHI CHÚ:** Ghi lại mật khẩu và để ở nơi an toàn.

Khóa bộ định dạng

Bạn có thể gắn cáp bảo mật vào khe trên bộ định dạng. Khóa bộ định dạng ngăn không cho ai đó tháo các thành phần có giá trị ra khỏi bộ định dạng.

Các cài đặt bảo tồn năng lượng

- [Giới thiệu](#)
- [In bằng EconoMode](#)
- [Đặt Auto Power Down delay \(Hoãn tự động ngắt nguồn điện\) và cấu hình máy in để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn](#)
- [Cấu hình cài đặt Delay Shut Down \(Hoãn Tắt Máy\)](#)


Giới thiệu

Máy in có một số tính năng tiết kiệm để bảo tồn năng lượng và mực in.

In bằng EconoMode

Máy in này có tùy chọn EconoMode (Chế độ Tiết kiệm) dành cho việc in các bản tài liệu nháp. Sử dụng Chế độ Tiết kiệm có thể sử dụng ít bột mực hơn. Tuy nhiên, sử dụng Chế độ Tiết kiệm cũng có thể làm giảm chất lượng in.


HP không khuyến nghị việc sử dụng thường xuyên Chế độ tiết kiệm (EconoMode). Nếu lúc nào cũng sử dụng Chế độ Tiết kiệm, nguồn bột mực có thể dùng được lâu hơn so với các bộ phận máy móc khác trong hộp mực. Nếu chất lượng in bắt đầu giảm và không còn chấp nhận được, hãy cân nhắc thay thế hộp mực in.

 **GHI CHÚ:** Nếu tùy chọn này không sẵn có trong trình điều khiển in của bạn, bạn có thể thiết lập tùy chọn bằng cách sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in, rồi bấm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn).
3. Bấm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Đánh dấu vào ô **EconoMode**.

Đặt Auto Power Down delay (Hoãn tự động ngắt nguồn điện) và cấu hình máy in để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn

Sử dụng các menu bảng điều khiển để đặt khoảng thời gian trước khi máy in tắt.

 **GHI CHÚ:** Sau khi máy in tắt, mức tiêu thụ điện là 1 watt hoặc ít hơn.

Hoàn tất quy trình sau để thay đổi cài đặt Shut Down After Delay (Hoãn Tắt Máy Sau):

1. Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **OK**.
2. Mở các menu sau:
 - **System Setup** (Cài đặt hệ thống)
 - **Energy Settings** (Cài đặt Năng lượng)
 - **Shut Down After** (Tắt Máy Sau)
3. Chọn thời gian hoãn Shut Down After (Tắt Máy Sau).

 **GHI CHÚ:** Giá trị mặc định là **4 hours** (4 giờ).

Cấu hình cài đặt Delay Shut Down (Hoãn Tắt Máy)

Sử dụng các menu bảng điều khiển để chọn máy in có trì hoãn tắt máy sau khi nút nguồn được ấn hay không.

Hoàn tất quy trình sau để thay đổi cài đặt Delay Shut Down (Hoãn Tắt Máy):

1. Trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút **OK**.
2. Mở các menu sau:
 - **System Setup (Cài đặt hệ thống)**
 - **Energy Settings (Cài đặt Năng lượng)**
 - **Delay Shut Down (Hoãn Tắt Máy)**
3. Chọn một trong các tùy chọn hoãn:
 - **No Delay (Không Hoãn):** Máy in sẽ tắt sau khoảng thời gian không hoạt động được xác định trong cài đặt Shut Down After (Tắt Máy Sau).
 - **When Ports Are Active (Khi Cổng Đang Hoạt Động):** Khi tùy chọn này được chọn, máy in sẽ không tắt nếu có bất kỳ hoạt động nào trên cổng. Máy in sẽ không tắt khi có một liên kết mạng hoặc kết nối fax hiện hoạt.

HP Web Jetadmin

HP Web Jetadmin là công cụ dẫn đầu trong ngành, giành được giải thưởng cho việc quản lý hiệu quả hàng loạt các sản phẩm HP nối mạng, bao gồm máy in, máy in đa năng và thiết bị gửi kỹ thuật số. Giải pháp đơn nhất này cho phép bạn cài đặt, giám sát, bảo trì, xử lý sự cố và bảo mật từ xa cho môi trường in và xử lý hình ảnh của mình - cuối cùng là tăng năng suất của doanh nghiệp bằng cách giúp bạn tiết kiệm thời gian, kiểm soát chi phí và bảo vệ vốn đầu tư của bạn.

Các bản nâng cấp HP Web Jetadmin được đưa ra định kỳ để hỗ trợ cho các tính năng sản phẩm cụ thể. Hãy truy cập www.hp.com/go/webjetadmin để biết thêm thông tin.

Cập nhật chương trình cơ sở


HP cung cấp các cập nhật máy in định kỳ, ứng dụng Dịch vụ Web mới và các tính năng mới cho các ứng dụng Dịch vụ Web hiện có. Làm theo các bước này để cập nhật chương trình cơ sở máy in cho một máy in duy nhất. Khi bạn cập nhật chương trình cơ sở, ứng dụng Dịch vụ Web sẽ tự động cập nhật.

Có hai phương pháp được hỗ trợ để thực hiện cập nhật chương trình cơ sở trên máy in này. Chỉ dùng một trong các phương pháp sau đây để cập nhật chương trình cơ sở máy in.

Phương pháp một: Cập nhật chương trình cơ sở bằng bảng điều khiển

Dùng các bước sau để tải chương trình cơ sở từ bảng điều khiển (chỉ dành cho các máy in được nối mạng) và/hoặc đặt máy in tự động tải các cập nhật chương trình cơ sở trong tương lai. Đối với các máy in được kết nối với USB, hãy bỏ qua để tới phương pháp hai.


1. Đảm bảo máy in được kết nối với mạng có dây (Ethernet) hoặc không dây với một kết nối Internet hoạt động.

 **GHI CHÚ:** Máy in phải được kết nối với internet để cập nhật chương trình cơ sở qua kết nối mạng.

2. Tại bảng điều khiển của máy in, hãy bấm nút **OK** để mở menu **Setup** (Cài đặt).
3. Cuộn tới và mở menu **Service** (Dịch vụ), sau đó mở menu **LaserJet Update** (Cập nhật LaserJet).

 **GHI CHÚ:** Nếu không thấy tùy chọn **LaserJet Update** (Cập nhật LaserJet) được liệt kê, hãy dùng phương pháp hai.

4. Chọn **Check for Update** (Kiểm tra cập nhật) để kiểm tra cập nhật.

 **GHI CHÚ:** Máy in tự động kiểm tra bản cập nhật và nếu phát hiện thấy phiên bản mới hơn, quá trình cập nhật sẽ tự động bắt đầu.

5. Đặt máy in tự động cập nhật chương trình cơ sở khi có sẵn bản cập nhật.


Tại bảng điều khiển của máy in, hãy bấm nút **OK** để mở menu **Setup** (Cài đặt).

Cuộn tới và mở menu **Service** (Dịch vụ), mở menu **LaserJet Update** (Cập nhật LaserJet), sau đó chọn menu **Manage Updates** (Quản lý cập nhật).

Đặt tùy chọn **Allow Updates** (Cho phép cập nhật) thành **YES** (Có) sau đó đặt tùy chọn **Automatic Check** (Kiểm tra tự động) thành **ON** (BẬT).

Phương pháp hai: Cập nhật chương trình cơ sở bằng Tiện ích cập nhật chương trình cơ sở

Dùng các bước này để tải xuống và cài đặt thủ công Tiện ích cập nhật chương trình cơ sở tại HP.com.

 **GHI CHÚ:** Phương pháp này là tùy chọn cập nhật chương trình cơ sở duy nhất có sẵn cho các máy in được kết nối với máy tính qua cáp USB. Nó cũng hoạt động cho các máy in được nối mạng.

 **GHI CHÚ:** Bạn phải cài đặt trình điều khiển in để sử dụng phương pháp này.

1. Đi tới www.hp.com/go/support, bấm vào liên kết **Drivers & Software** (Trình điều khiển & Phần mềm), gõ tên máy in trong trường tìm kiếm, bấm nút **ENTER**, sau đó chọn máy in từ danh sách kết quả tìm kiếm.
2. Chọn hệ điều hành.
3. Bên dưới mục **Firmware** (Chương trình cơ sở), xác định **Firmware Update Utility** (Tiện ích cập nhật chương trình cơ sở).
4. Bấm **Download** (Tải xuống), bấm **Run** (Chạy), sau đó bấm lại vào **Run** (Chạy).
5. Khi tiện ích khởi chạy, chọn máy in từ danh sách thả xuống, sau đó bấm **Send Firmware** (Gửi chương trình cơ sở).

 **GHI CHÚ:** Để in trang cấu hình nhằm xác minh phiên bản chương trình cơ sở được cài đặt trước và sau quá trình cập nhật, bấm **Print Config** (In cấu hình).

6. Làm theo các hướng dẫn trên màn hình để hoàn thành quá trình cài đặt, sau đó bấm nút **Exit** (Thoát) để đóng tiện ích.

6 Giải quyết sự cố

- [Hỗ trợ khách hàng](#)
- [Khôi phục cài đặt mặc định gốc](#)
- [Thông báo “Cartridge is low” \(Hộp mực in ở mức thấp\) hoặc “Cartridge is very low” \(Hộp mực in gần hết\) hiển thị trên bảng điều khiển của máy in](#)
- [Máy in không nhặt được giấy hoặc nạp giấy sai](#)
- [Xử lý kẹt giấy](#)
- [Cải thiện chất lượng in](#)
- [Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây](#)

Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM501.

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

Hỗ trợ khách hàng

Nhận hỗ trợ qua điện thoại cho quốc gia/vùng của bạn	Bạn có thể xem các số điện thoại cho mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ trên tờ rơi đi kèm trong hộp máy in hoặc xem tại www.hp.com/support/ .
Chuẩn bị sẵn sàng tên máy in, số sê-ri, ngày mua hàng và thông tin mô tả sự cố	
Được hỗ trợ Internet 24 giờ và tải xuống các tiện ích và trình điều khiển phần mềm	www.hp.com/support/ljM501
Đặt mua thêm dịch vụ HP hoặc đặt hợp đồng bảo trì	www.hp.com/go/carepack
Đăng ký máy in	www.register.hp.com

Khôi phục cài đặt mặc định gốc

Khôi phục cài đặt mặc định gốc sẽ trả tất cả các thông số cài đặt mạng và máy in về mặc định gốc. Máy in sẽ không đặt lại số trang hoặc kích thước khay. Để khôi phục máy in về các giá trị cài đặt mặc định, hãy thực hiện theo các bước sau.

⚠ THẬN TRỌNG: Khôi phục cài đặt mặc định gốc sẽ trả tất cả các thông số cài đặt về mặc định gốc đồng thời xóa bất kỳ trang nào được lưu trữ trong bộ nhớ.

1. Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **OK**.
2. Chọn **Service** (Dịch vụ).
3. Chọn tùy chọn **Restore Defaults** (Khôi phục cài đặt mặc định) rồi bấm nút **OK**.

Máy in sẽ tự động khởi động lại.

Thông báo “Cartridge is low” (Hộp mực in ở mức thấp) hoặc “Cartridge is very low” (Hộp mực in gần hết) hiển thị trên bảng điều khiển của máy in

Cartridge is low (Hộp mực in ở mức thấp): Máy in sẽ cho biết khi một hộp mực in còn ít. Lượng mực in còn lại thực tế có thể khác. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Không cần thay thế hộp mực in ngay lúc này.

Tiếp tục in bằng hộp mực hiện thời cho tới khi việc phân phối lại bột mực không cho ra chất lượng in chấp nhận được. Để phân phối lại bột mực, tháo hộp mực in ra khỏi máy in và lắc nhẹ hộp mực qua lại theo trục ngang. Vui lòng đọc các hướng dẫn thay thế hộp mực để xem hình ảnh biểu diễn đồ họa. Lắp lại hộp mực in vào máy in và đóng nắp.

Cartridge is very low (Hộp mực in gần hết): Máy in sẽ cho biết khi một hộp mực in gần hết. Lượng mực in còn lại thực tế có thể khác. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Không cần thay thế hộp mực in ngay bây giờ trừ khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được.

Khi hộp mực in HP **Gần hết**, Bảo hành Bảo vệ đặc biệt của HP trên hộp mực in đó sẽ chấm dứt.

Thay đổi cài đặt “Very Low” (Gần hết)

Bạn có thể thay đổi cách máy in phản ứng khi mực in ở tình trạng Gần hết. Bạn không phải thiết lập lại các cài đặt này khi bạn cài đặt một hộp mực in mới.

1. Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **OK**.
2. Mở các menu sau:
 - **System Setup (Cài đặt hệ thống)**
 - **Supply Settings (Cài đặt mực in)**
 - **Black Cartridge (Hộp mực đen)** hoặc **Color Cartridge (Hộp mực màu)**
 - **Cài đặt cho mức Gần hết**
3. Chọn một trong các tùy chọn sau:
 - Chọn tùy chọn **Continue** (Tiếp tục) để đặt máy in thành sẽ cảnh báo khi hộp mực gần hết nhưng vẫn tiếp tục in.
 - Chọn tùy chọn **Stop** (Dừng) để đặt máy in thành sẽ dừng in cho đến khi bạn thay thế hộp mực.
 - Chọn tùy chọn **Prompt** (Nhắc) để đặt máy in thành sẽ ngừng in và nhắc bạn thay thế hộp mực. Bạn có thể xác nhận lời nhắc và tiếp tục in. Tùy chọn mà khách hàng có thể định cấu hình trên máy in này là "Prompt to Remind Me in 100 pages, 200 pages, 300 pages, 400 pages, or never." ("Nhắc tôi khi in được 100 trang, 200 trang, 300 trang, 400 trang hoặc không bao giờ nhắc".) Tùy chọn này được cung cấp nhằm để thuận tiện cho khách hàng và không ám chỉ rằng các trang này sẽ có chất lượng in có thể chấp nhận được.

Đặt hàng nguồn cung cấp

Đặt hàng nguồn cung cấp và giấy

www.hp.com/go/suresupply

Đặt hàng qua các nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ	Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền.
Đặt hàng bằng máy chủ Web nhúng của HP (EWS)	Để truy cập, trong trình duyệt web được hỗ trợ trên máy tính của bạn, hãy nhập địa chỉ IP của máy in hoặc tên máy chủ trong trường địa chỉ/URL. EWS chứa liên kết tới trang web HP SureSupply, nơi cung cấp các tùy chọn mua hộp mực HP gốc.

Máy in không nhặt được giấy hoặc nạp giấy sai

Giới thiệu

Các giải pháp sau đây có thể giúp giải quyết sự cố nếu máy in không nạp giấy từ khay hoặc nạp nhiều giấy cùng một lúc. Một trong hai trường hợp này có thể gây kẹt giấy.


- [Máy in không nạp giấy](#)
- [Máy in nạp nhiều giấy](#)

Máy in không nạp giấy

Nếu máy in không nạp giấy từ khay, hãy thử các giải pháp sau.

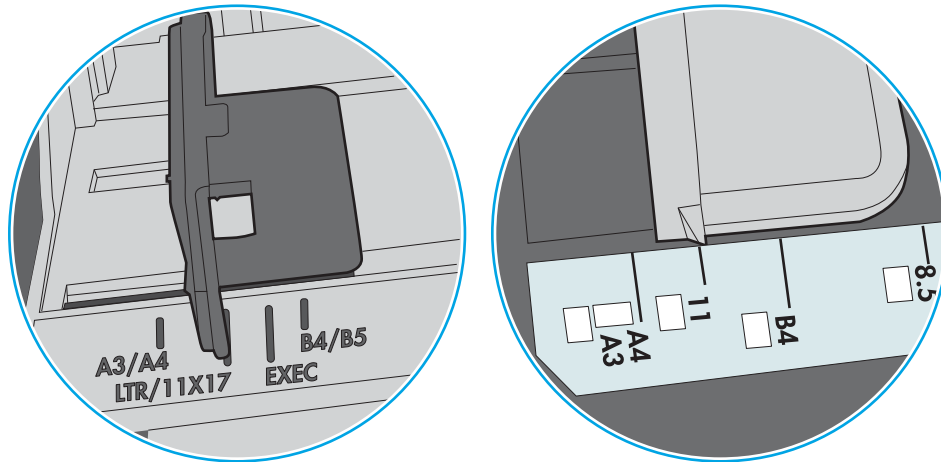
1. Mở máy in và gỡ hết giấy bị kẹt ra. Kiểm tra xem có mảnh vụn giấy rách nào còn kẹt lại bên trong máy in không.
2. Nạp khay với giấy có kích thước chính xác cho lệnh in.
3. Hãy đảm bảo rằng loại và khổ giấy được cài chính xác trên bảng điều khiển của máy in.

4. Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh thanh dẫn theo dấu phù hợp trên khay. Mũi tên trên thanh dẫn khay phải đặt thẳng hàng với dấu đánh trên khay.

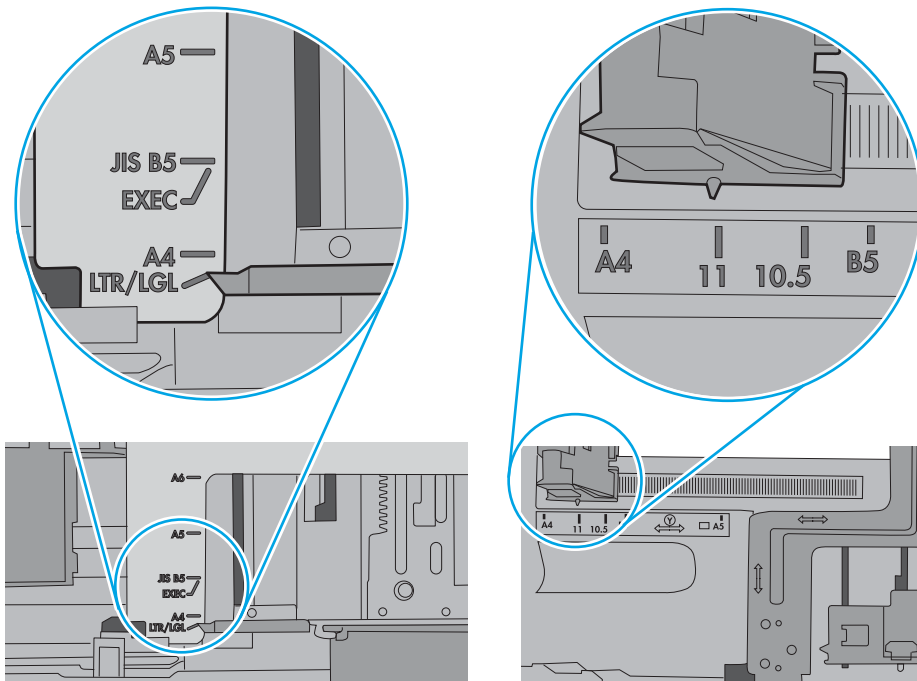
 **GHI CHÚ:** Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về các dấu kích thước giấy trong các khay cho nhiều máy in khác nhau. Hầu hết máy in HP đều được đánh dấu tương tự như thế này.

Hình 6-1 Dấu kích thước cho Khay 1 hoặc khay đa năng



Hình 6-2 Dấu kích thước cho khay băng từ

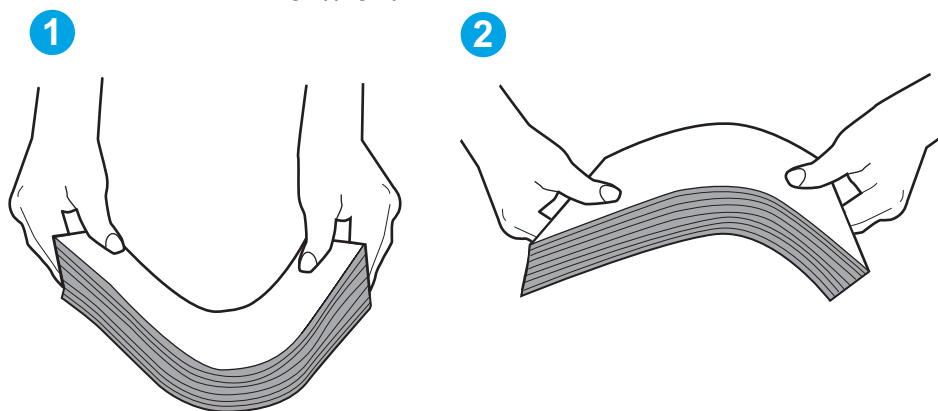


5. Xác minh độ ẩm trong phòng có nằm trong phạm vi thông số kỹ thuật dành cho máy in không và giấy có đang được lưu trong các gói bị đóng kín. Hầu hết ram giấy được bán trong bao gói cách ẩm để giữ cho giấy luôn khô.

Trong môi trường có độ ẩm cao, giấy nằm ở trên cùng của tập giấy trong khay có thể hấp thu độ ẩm và bề mặt giấy có thể bị nhăn nheo hoặc không đều. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ 5 đến 10 trang trên cùng của tập giấy ra.

Trong môi trường có độ ẩm thấp, thừa tĩnh điện có thể làm cho các trang giấy dính với nhau. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy bằng cách giữ hai đầu của tập giấy và uốn lên theo hình chữ U. Sau đó, xoay hai đầu xuống ngược hình chữ U. Tiếp theo, giữ mỗi đầu của tập giấy và lặp lại quá trình này. Quá trình này giúp tách giấy ra thành từng tờ riêng lẻ mà không cần đưa ra tĩnh điện. Làm phẳng tập giấy trên mặt bàn trước khi bỏ tập giấy vào khay lại.

Hình 6-3 Cách uốn cong tập giấy

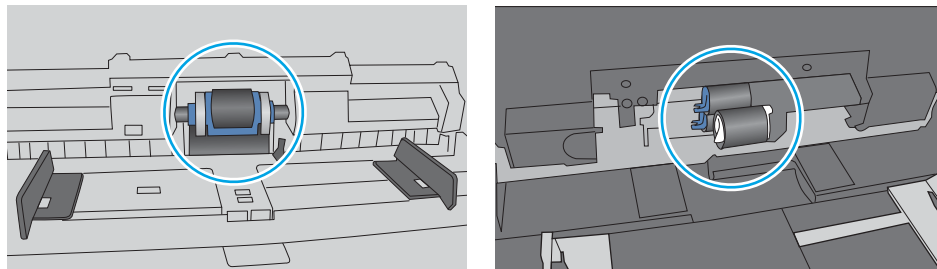


6. Kiểm tra bảng điều khiển máy in để xem máy có đang hiển thị lời nhắc nạp giấy theo cách thủ công hay không. Nạp giấy và tiếp tục.
7. Trục lăn trên khay có thể bị bụi bẩn. Lau sạch trục lăn bằng miếng vải không có xơ được làm ẩm bằng nước ấm. Sử dụng nước cất, nếu có.

⚠ THẬN TRỌNG: Không phun nước trực tiếp lên máy in. Thay vào đó, hãy phun nước trên vải hoặc nhúng miếng vải vào nước và vắt hết nước ra trước khi lau sạch trục lăn.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về vị trí trục lăn cho nhiều máy in khác nhau.


Hình 6-4 Vị trí trục lăn cho Khay 1 hoặc khay đa năng



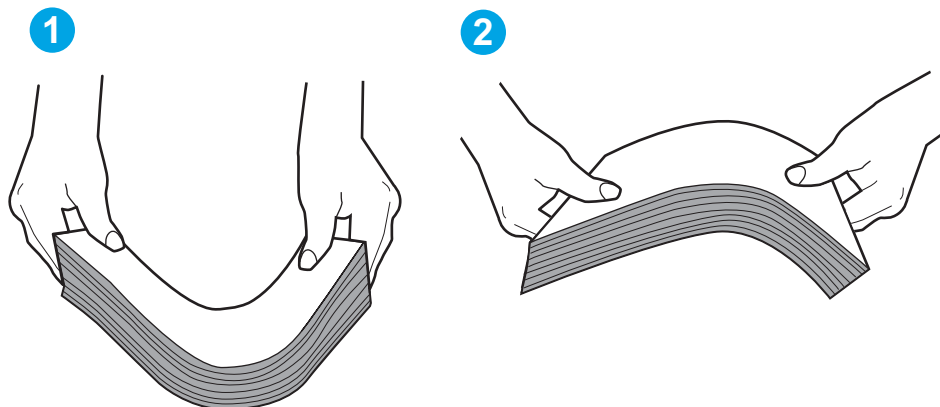
Máy in nạp nhiều giấy

Nếu máy in nạp nhiều giấy từ khay, hãy thử những giải pháp sau.

1. Lấy tập giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy, xoay tập giấy 180 độ, rồi lật lại. *Không xòe giấy ra*. Đưa tập giấy vào lại khay.

 **GHI CHÚ:** Xòe giấy ra để đưa ra tĩnh điện. Thay vì xòe giấy ra, hãy uốn cong tập giấy bằng cách giữ hai đầu của tập giấy và uốn lên theo hình chữ U. Sau đó, xoay hai đầu xuống ngược hình chữ U. Tiếp theo, giữ mỗi đầu của tập giấy và lặp lại quá trình này. Quá trình này giúp tách giấy ra thành từng tờ riêng lẻ mà không cần đưa ra tĩnh điện. Làm phẳng tập giấy trên mặt bàn trước khi bỏ tập giấy vào khay lại.

Hình 6-5 Cách uốn cong tập giấy



2. Chỉ sử dụng giấy đáp ứng các thông số kỹ thuật của HP cho máy in này.
3. Xác minh độ ẩm trong phòng có nằm trong phạm vi thông số kỹ thuật dành cho máy in không và giấy có đang được lưu trong các gói bị đóng kín. Hầu hết ram giấy được bán trong bao gói cách ẩm để giữ cho giấy luôn khô.

Trong môi trường có độ ẩm cao, giấy nằm ở trên cùng của tập giấy trong khay có thể hấp thu độ ẩm và bề mặt giấy có thể bị nhăn nheo hoặc không đều. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ 5 đến 10 trang trên cùng của tập giấy ra.

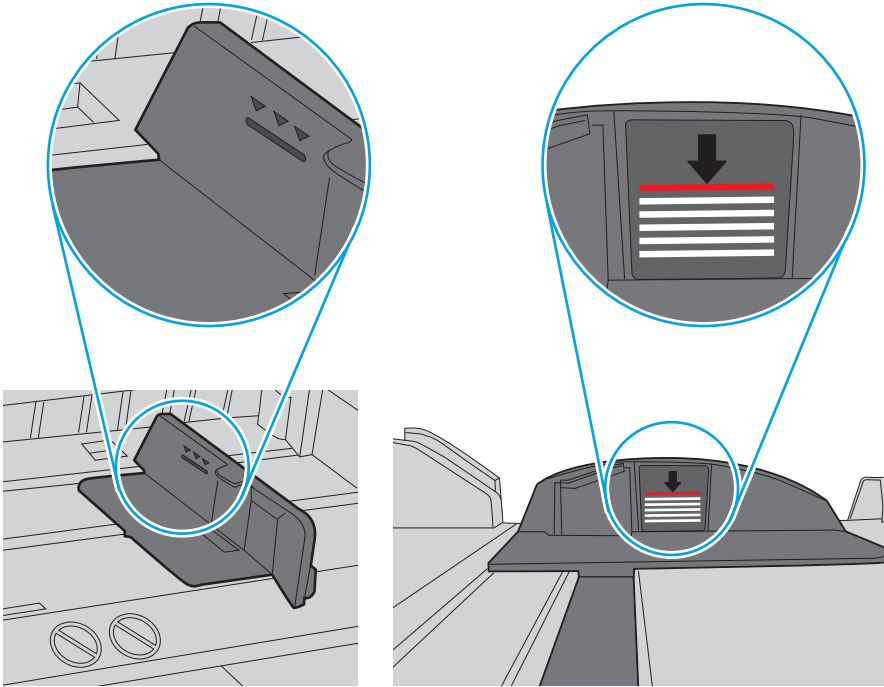
Trong môi trường có độ ẩm thấp, thừa tĩnh điện có thể làm cho các trang giấy dính với nhau. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy như được mô tả ở trên.

4. Sử dụng giấy không bị nhăn, bị gấp hoặc bị hỏng. Nếu cần, hãy sử dụng giấy từ gói giấy khác.

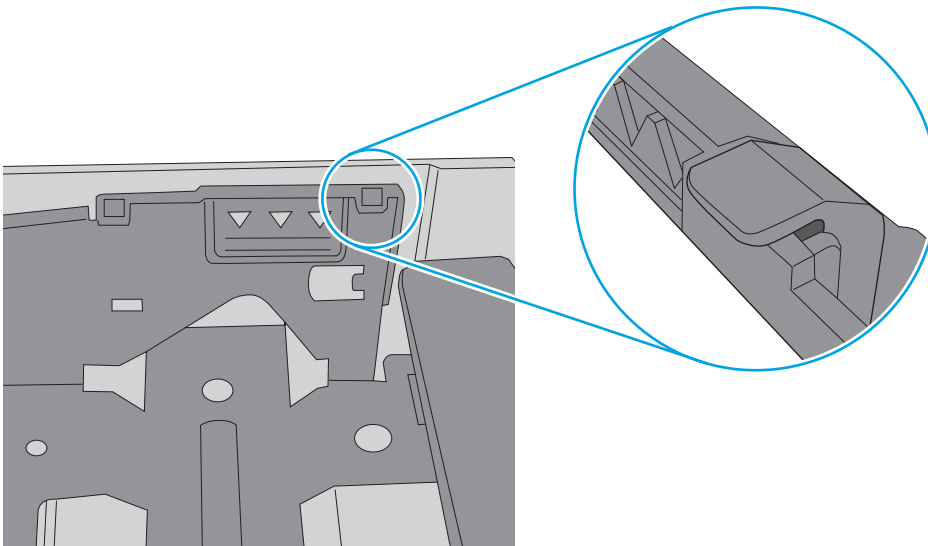
5. Đảm bảo khay không quá đầy bằng cách kiểm tra các dấu chiều cao tập giấy nằm bên trong khay. Nếu khay quá đầy, hãy lấy toàn bộ tập giấy ra khỏi khay, làm phẳng tập giấy, rồi đưa một số giấy vào lại khay.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về các dấu chiều cao tập giấy trong các khay cho nhiều máy in khác nhau. Hầu hết máy in HP đều được đánh dấu tương tự như thế này. Đồng thời kiểm tra để chắc rằng tất cả các trang giấy nằm ở dưới các vấu gần dấu chiều cao tập giấy. Các vấu này giúp giữ giấy ở đúng vị trí khi nó đi vào máy in.


Hình 6-6 Dấu chiều cao tập giấy



Hình 6-7 Vấu cho tập giấy

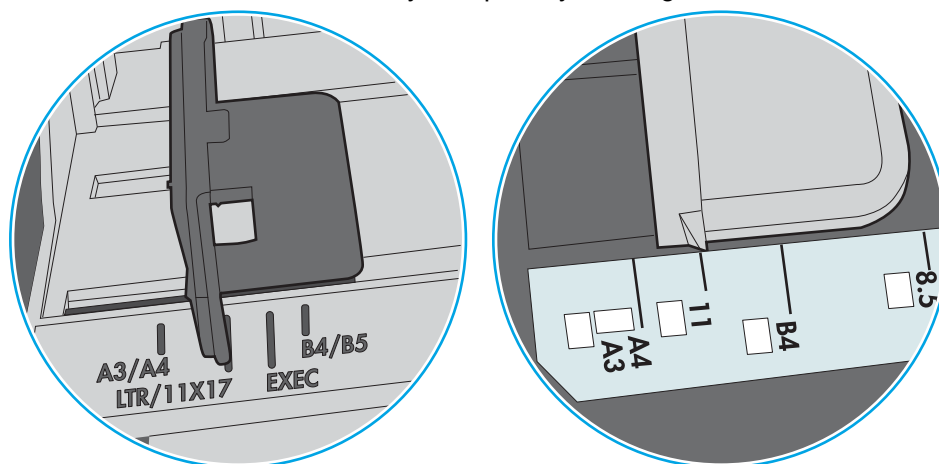


6. Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh thanh dẫn theo dấu phù hợp trên khay. Mũi tên trên thanh dẫn khay phải đặt thẳng hàng với dấu đánh trên khay.

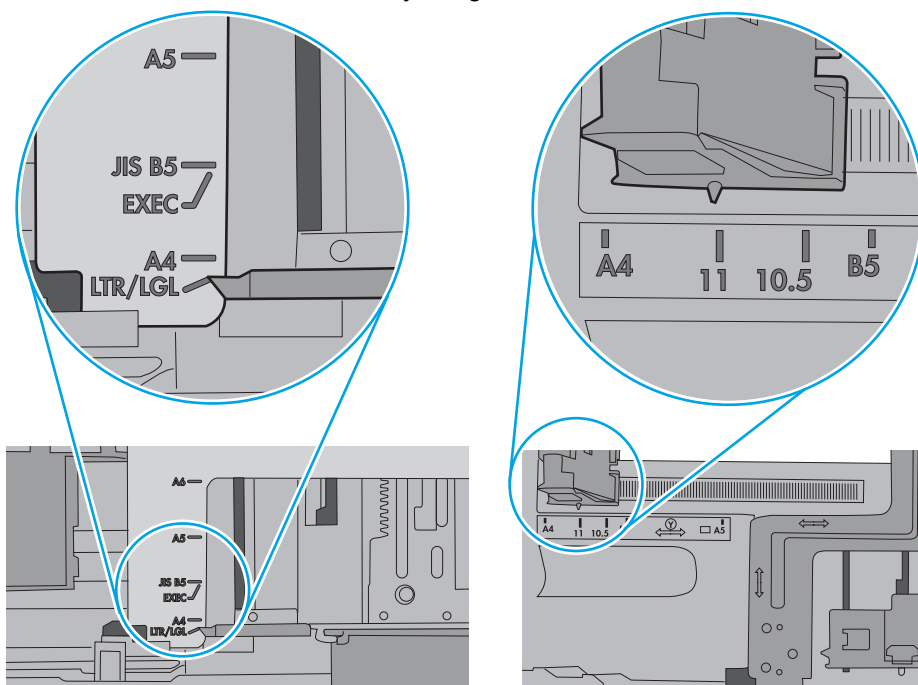
 **GHI CHÚ:** Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về các dấu kích thước giấy trong các khay cho nhiều máy in khác nhau. Hầu hết máy in HP đều được đánh dấu tương tự như thế này.

Hình 6-8 Dấu kích thước cho Khay 1 hoặc khay đa năng



Hình 6-9 Dấu kích thước cho khay băng từ



7. Hãy đảm bảo môi trường in có các thông số kỹ thuật được khuyến nghị.

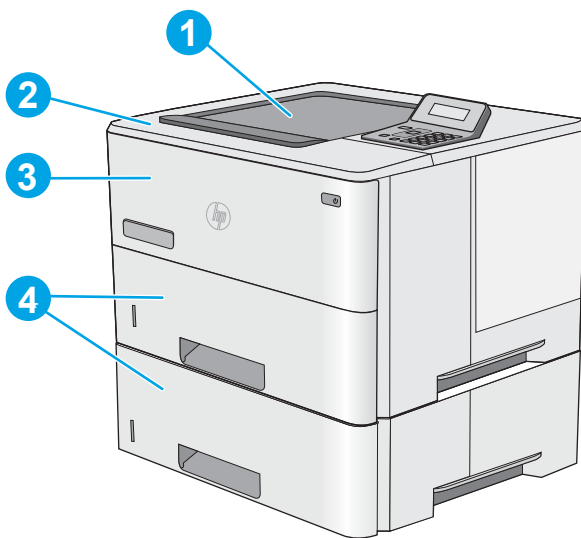
Xử lý kẹt giấy

Giới thiệu

Thông tin sau đây bao gồm các hướng dẫn về cách gỡ giấy kẹt khỏi máy in.

- [Các vị trí kẹt giấy](#)
- [Bạn gặp phải tình trạng kẹt giấy thường xuyên hoặc tái diễn?](#)
- [Gỡ giấy kẹt trong khay 1](#)
- [Gỡ giấy bị kẹt trong khay 2 và khay 550 tờ](#)
- [Gỡ bỏ giấy kẹt ở khu vực hộp mực in](#)
- [Gỡ giấy bị kẹt ở cửa phía sau và khu vực cuộn sấy \(kiểu M501n\)](#)
- [Gỡ bỏ giấy kẹt ở ngăn giấy ra](#)
- [Gỡ giấy bị kẹt trong bộ in hai mặt \(kiểu M501dn\)](#)

Các vị trí kẹt giấy



1	Ngăn giấy đầu ra
2	Nắp trên cùng và khu vực hộp mực in
3	Khay 1
4	Khay 2 và khay nạp giấy 1 x 550 tờ tùy chọn

GHI CHÚ: Kiểu M501dn: Tháo khay 2 để lấy giấy kẹt trong bộ in hai mặt.

Bạn gặp phải tình trạng kẹt giấy thường xuyên hoặc tái diễn?

Hãy làm theo các bước này để khắc phục sự cố về kẹt giấy thường xuyên. Nếu bước đầu tiên không khắc phục được vấn đề, hãy tiếp tục với bước tiếp theo cho đến khi bạn khắc phục được sự cố.

1. Nếu giấy bị kẹt trong máy in, hãy xử lý giấy kẹt, sau đó in trang cấu hình để kiểm tra máy in.
2. Kiểm tra xem khay có được cấu hình đúng khổ giấy và loại giấy trên bảng điều khiển máy in không. Điều chỉnh cài đặt giấy nếu cần.
 - a. Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **OK**.
 - b. Mở các menu sau:
 - **System Setup (Cài đặt hệ thống)**
 - **Cài đặt Trang**
 - c. Chọn khay từ danh sách.
 - d. Chọn **Paper Type** (Loại giấy), rồi chọn loại giấy trong khay tiếp giấy.
 - e. Chọn **Paper Size** (Kích thước giấy), rồi chọn kích thước giấy trong khay tiếp giấy.
3. Tắt máy in và chờ trong vòng 30 giây, sau đó bật lên lại.
4. In trang lau dọn để loại bỏ bột mực thừa từ bên trong máy in.
 - a. Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **OK**.
 - b. Mở các menu sau:
 - **Service (Dịch vụ)**
 - **Cleaning Page (Trang Lau dọn)**
 - c. Nạp giấy khổ letter hoặc A4 khi máy nhắc bạn, sau đó bấm nút **OK**.

Thông báo **Cleaning** (Lau dọn) sẽ hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Chờ cho đến khi quá trình hoàn tất. Loại bỏ tờ được in.
5. In trang cấu hình để kiểm tra máy in.
 - a. Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **OK**.
 - b. Mở menu **Reports** (Báo cáo).
 - c. Chọn **Configuration Report** (Báo cáo cấu hình).

Nếu không có bước nào trong số này giải quyết được sự cố, máy in có thể cần phải được bảo dưỡng. Hãy liên hệ với tổ hỗ trợ khách hàng của HP.

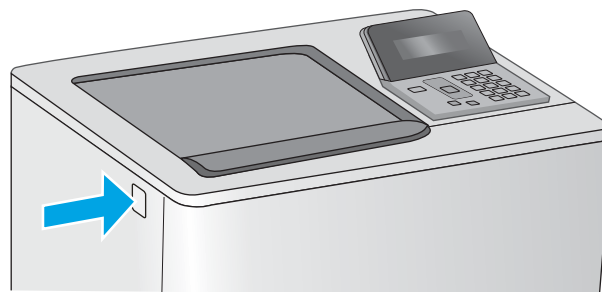
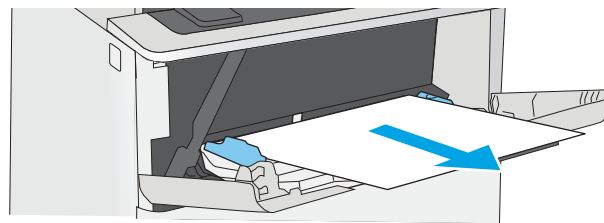
Gỡ giấy kẹt trong Khay 1

Sử dụng quy trình sau đây để gỡ kẹt giấy trong Khay 1. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển hiển thị một thông báo lỗi để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

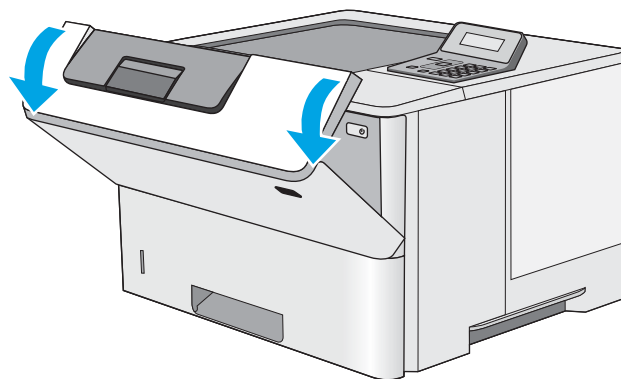
1. Nếu có thể thấy hầu hết tờ giấy trong khay, hãy từ từ kéo giấy khỏi máy in. Kiểm tra chắc chắn rằng toàn bộ tờ giấy đã được tháo ra. Nếu giấy bị rách, hãy tiếp tục thực hiện các bước sau để tìm các mảnh còn dư lại.

Nếu hầu hết tờ giấy đã được kéo ra nằm bên trong máy in, tiếp tục làm các bước sau.

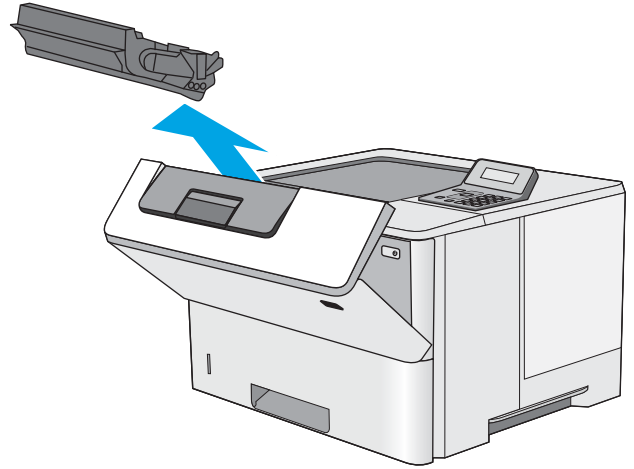
2. Nhấn nút tháo nắp trên cùng ở phía bên trái của máy in.



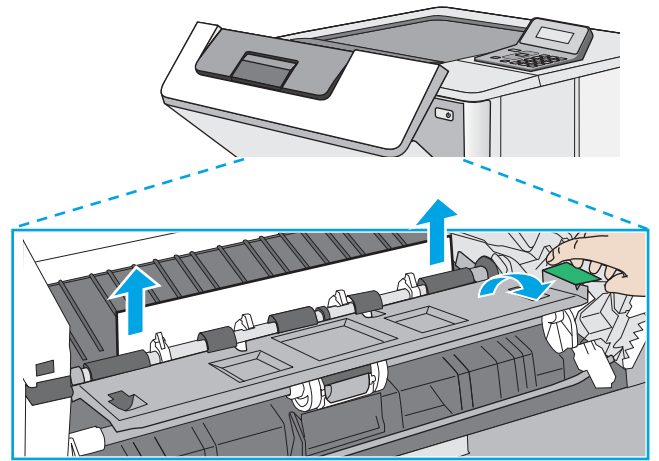
3. Mở cửa trước.



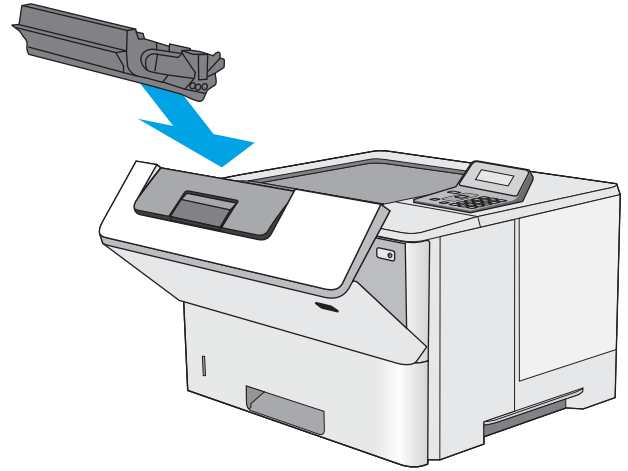
4. Tháo hộp mực in.



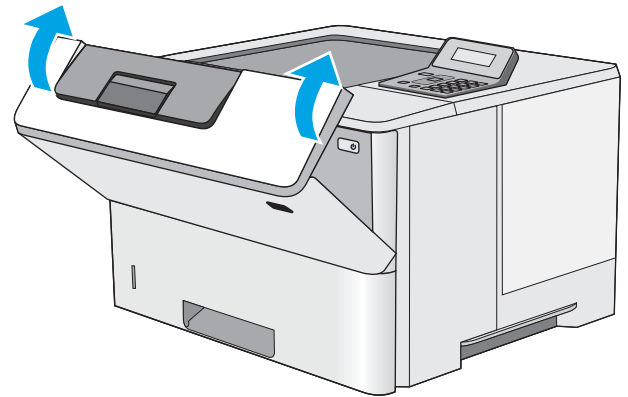
5. Nhấc nắp tháo kẹt giấy và từ từ rút giấy bị kẹt ra. Đừng xé rách giấy.



6. Lắp lại hộp mực in.



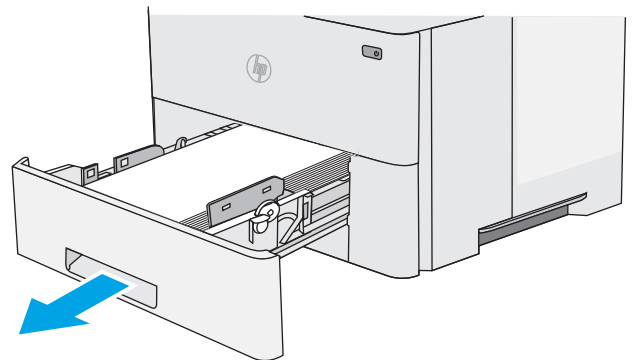
7. Đóng cửa trước.



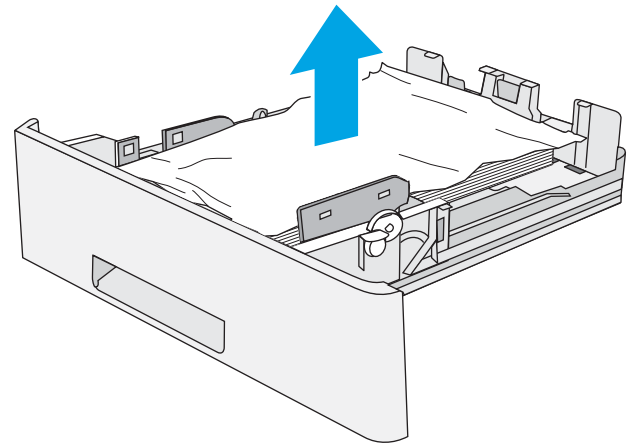
Gỡ giấy bị kẹt trong khay 2 và khay 550 tờ

Sử dụng quy trình sau đây để kiểm tra giấy tại tất cả vị trí có thể bị kẹt trong khay 2 và khay 550 tờ. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển hiển thị một thông báo lỗi để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

1. Tháo khay ra khỏi máy in.

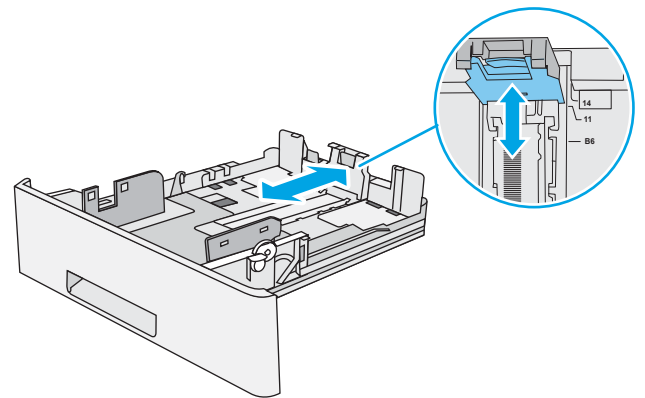


2. Rút giấy khỏi khay và rút bỏ giấy bị hỏng.

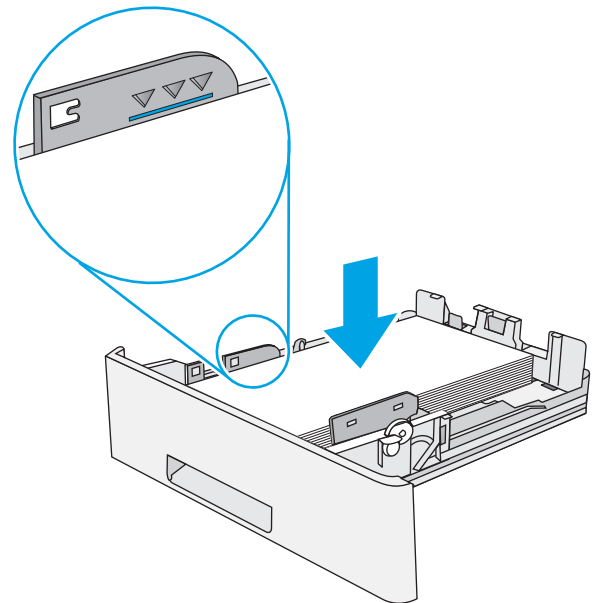


3. Kiểm tra và đảm bảo thanh dẫn giấy phía sau được điều chỉnh lề khớp với khổ giấy chính xác. Nếu cần thiết, kẹp chốt tháo và di chuyển thanh dẫn giấy tới vị trí chính xác. Thanh dẫn phải khớp vào đúng vị trí.

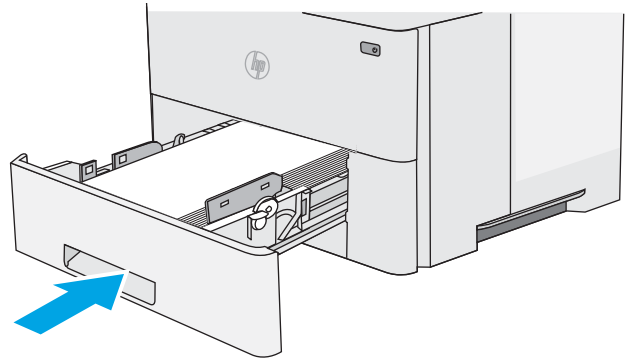
GHI CHÚ: Khi khay được mở rộng, chỉ báo kích thước giấy thay đổi từ "A4" thành "14".



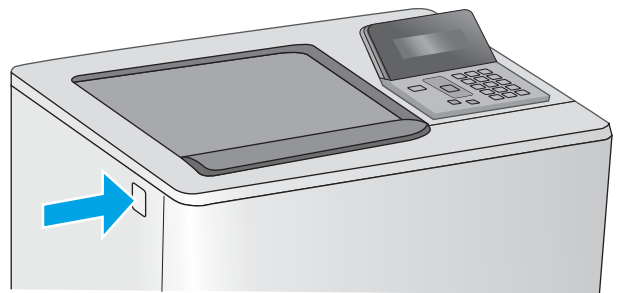
4. Nạp giấy vào khay. Đảm bảo rằng tất cả bốn góc của tập giấy phẳng và mặt trên cùng của tập giấy ở dưới vạch chỉ báo chiều cao tối đa.



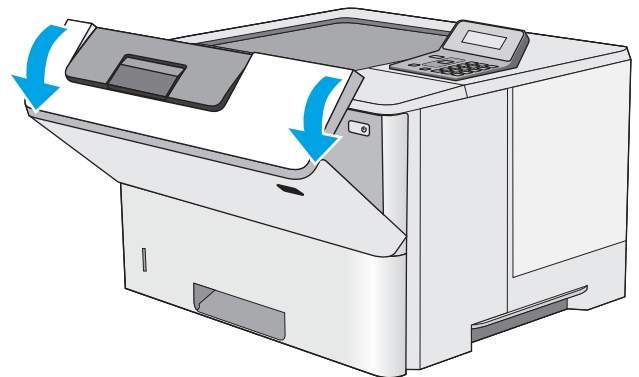
5. Lắp lại và đóng khay.



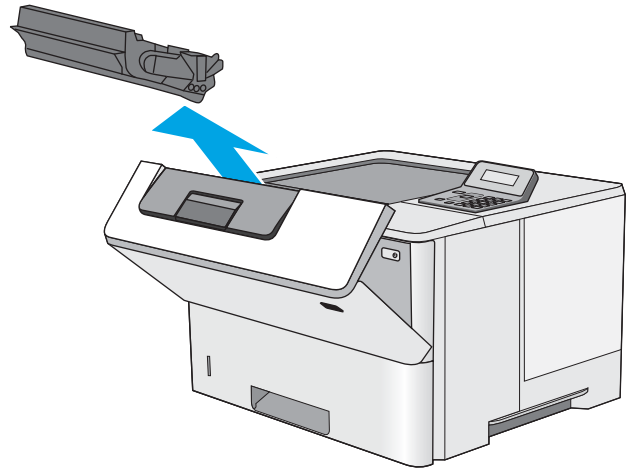
6. Nhấn nút tháo nắp trên cùng ở phía bên trái của máy in.



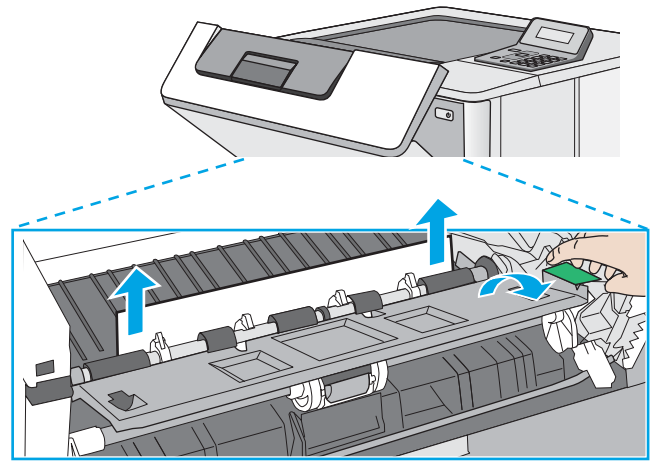
7. Mở cửa trước.



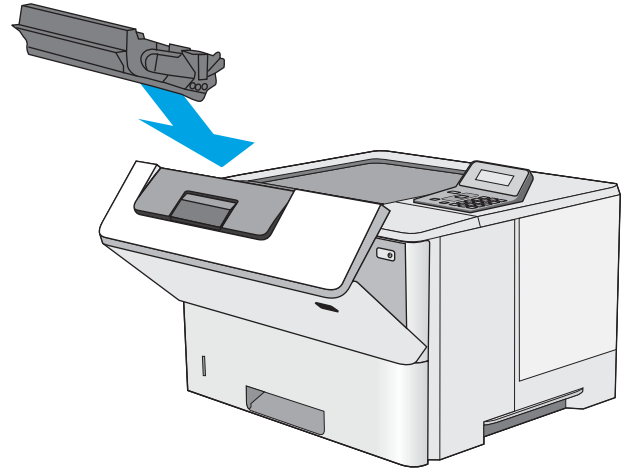
8. Tháo hộp mực in.



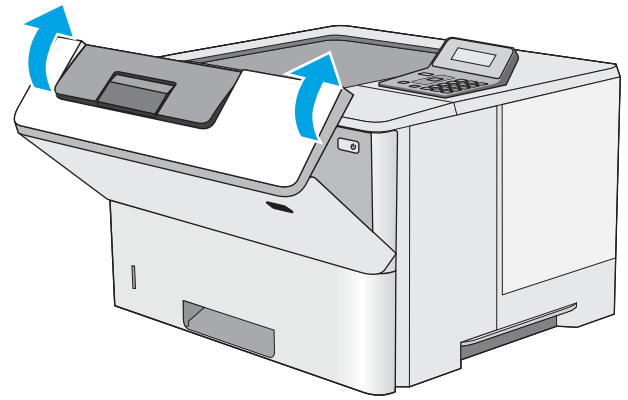
9. Nhấc nắp tháo kẹt giấy và từ từ rút giấy bị kẹt ra. Đừng xé rách giấy.



10. Lắp lại hộp mực in.



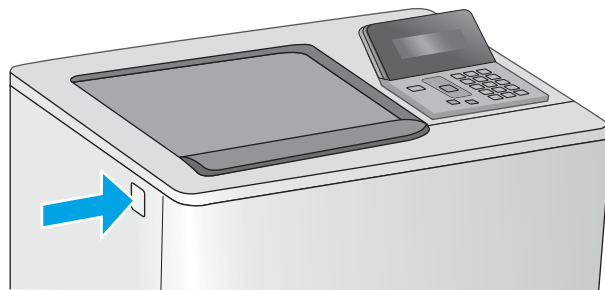
11. Đóng cửa trước.



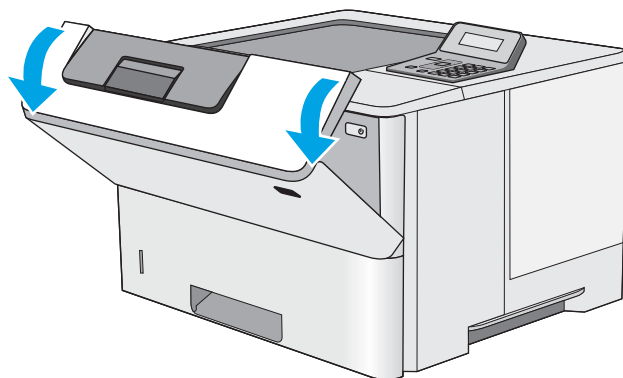
Gỡ bỏ giấy kẹt ở khu vực hộp mực in

Sử dụng quy trình sau đây để kiểm tra giấy tại tất cả vị trí có thể bị kẹt ở khu vực hộp mực. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển hiển thị một thông báo lỗi để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

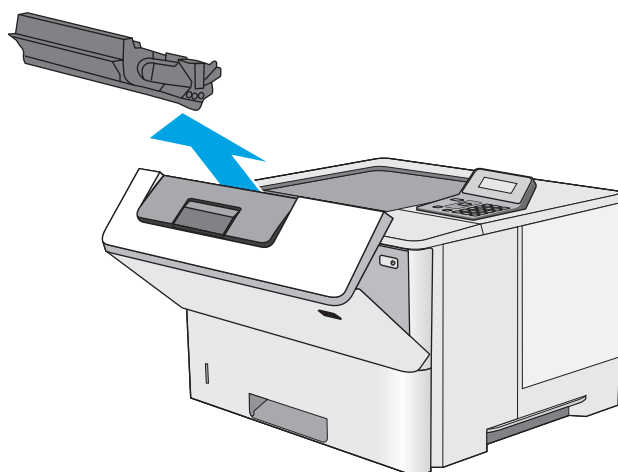
1. Nhấn nút tháo nắp trên cùng ở phía bên trái của máy in.



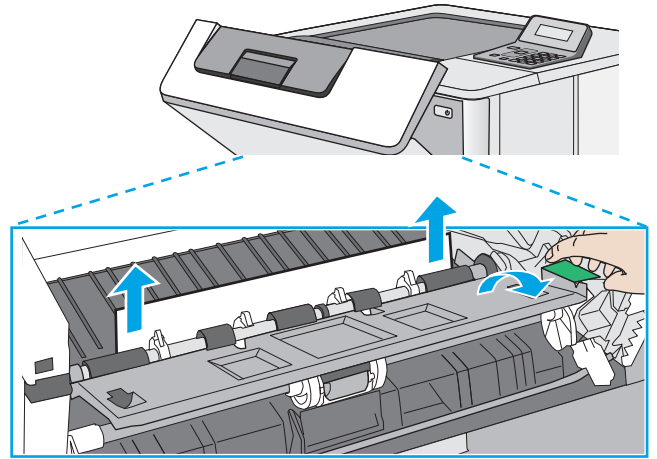
2. Mở cửa trước.



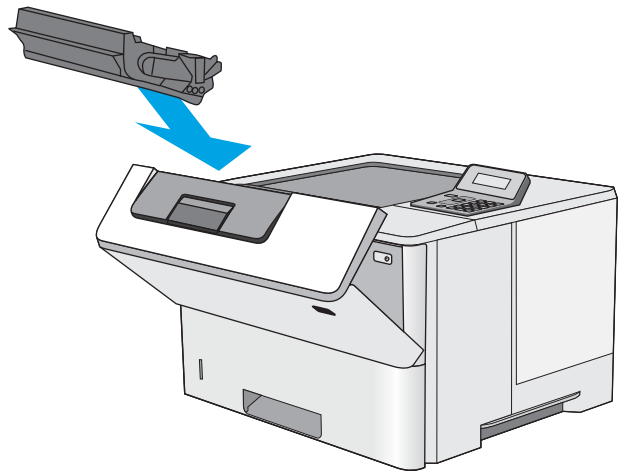
3. Tháo hộp mực in.



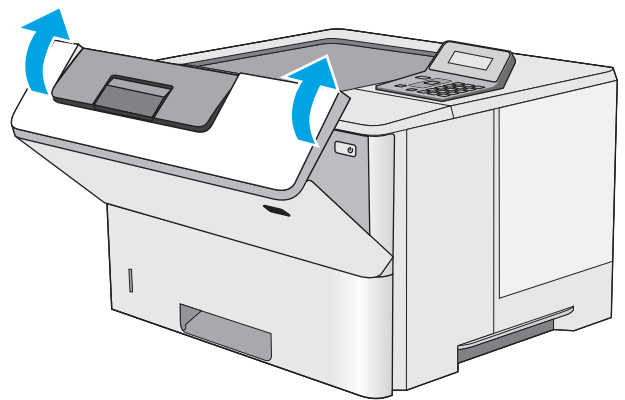
4. Nhấc nắp tháo kẹt giấy và từ từ rút giấy bị kẹt ra. Đừng xé rách giấy.



5. Lắp lại hộp mực in.




6. Đóng cửa trước.

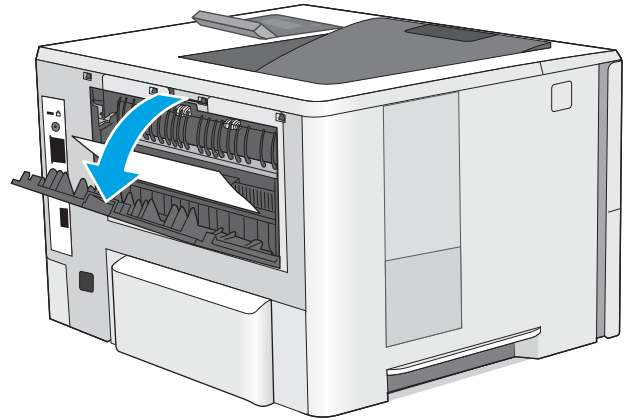


Gỡ giấy bị kẹt ở cửa phía sau và khu vực cuộn sấy (kiểu M501n)

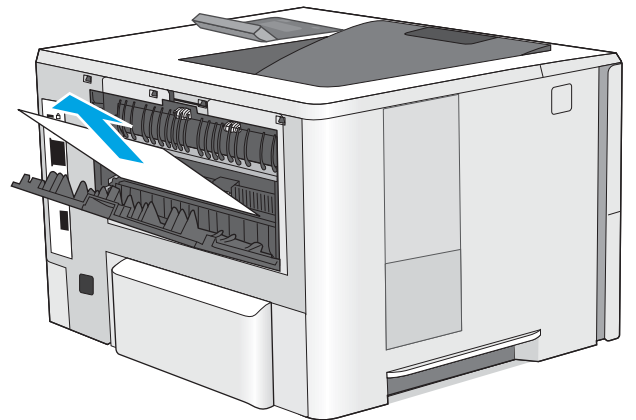
Sử dụng quy trình sau đây để gỡ bỏ giấy kẹt trong cửa phía sau và khu vực cuộn sấy. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển hiển thị một thông báo lỗi để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

 **GHI CHÚ:** Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng máy in. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý kẹt giấy.

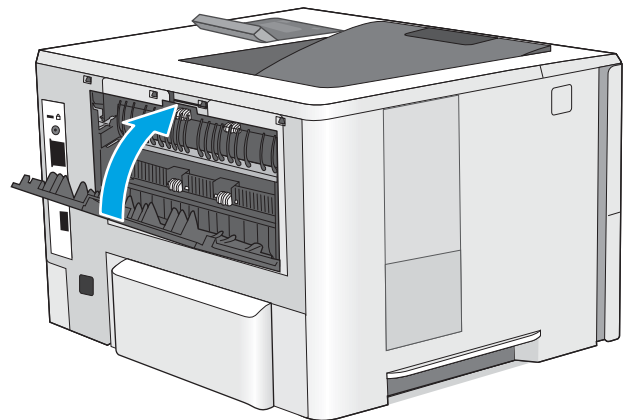
1. Mở cửa sau.



2. Lấy hết giấy bị kẹt ra.



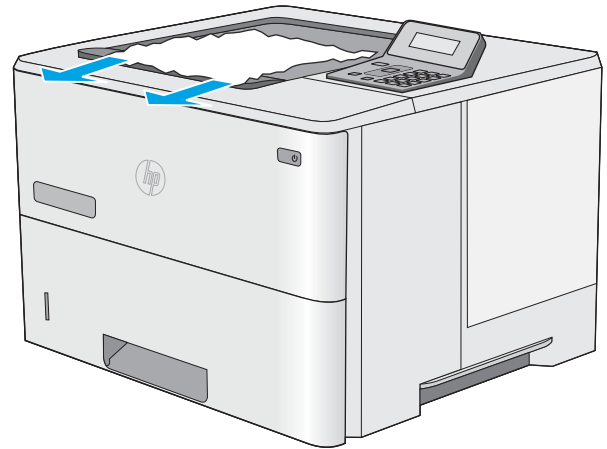
3. Đóng cửa sau.



Gỡ bỏ giấy kẹt ở ngăn giấy ra

Sử dụng quy trình sau đây để kiểm tra giấy tại tất cả vị trí có thể bị kẹt ở ngăn giấy ra. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển hiển thị một thông báo lỗi để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

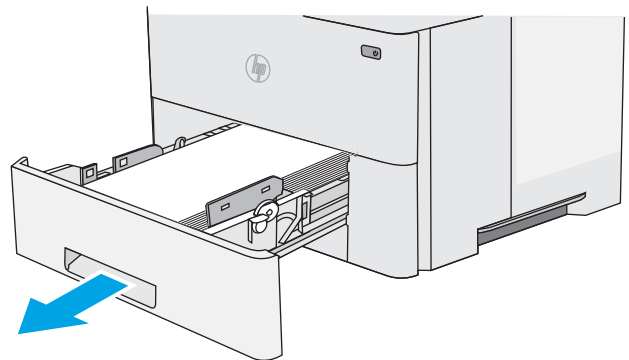
1. Nếu nhìn thấy giấy trong ngăn giấy ra, nắm lấy cạnh trên và tháo nó ra.



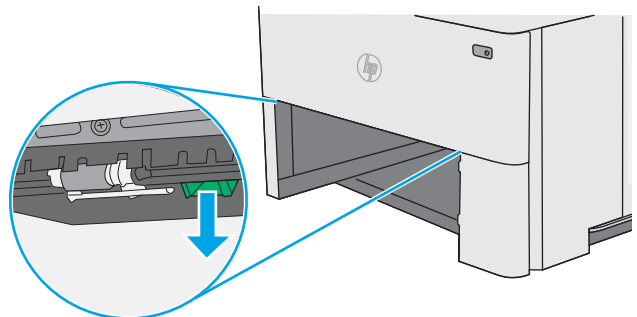
Gỡ giấy bị kẹt trong bộ in hai mặt (kiểu M501dn)

Sử dụng quy trình sau đây để kiểm tra giấy tại tất cả vị trí có thể bị kẹt ở trong bộ in hai mặt tự động. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển hiển thị một thông báo lỗi để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

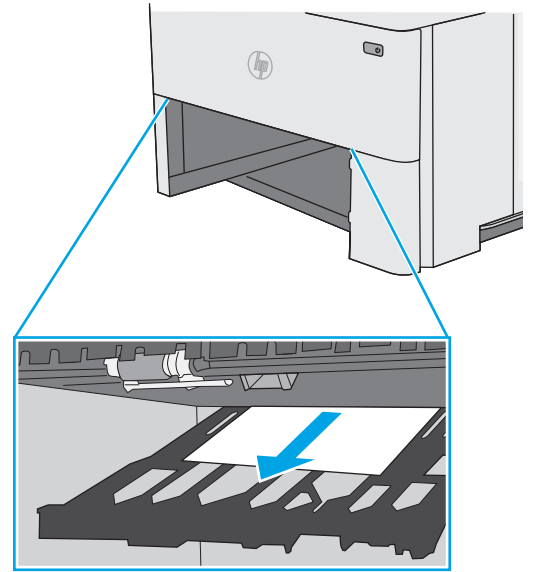
1. Tháo Khay 2 ra khỏi máy in.



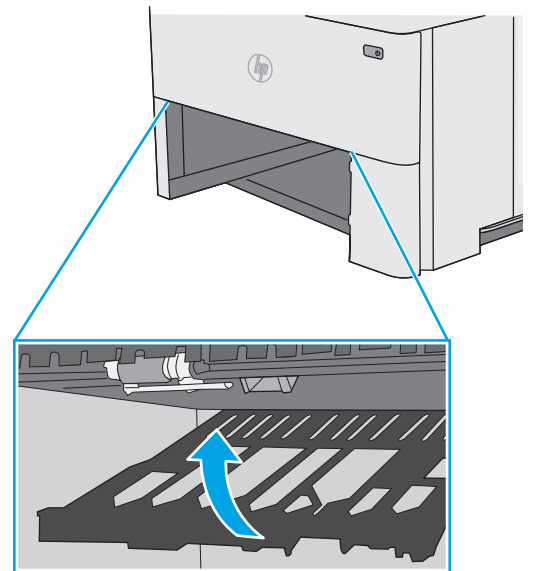
2. Kéo hướng về phía trước trên thẻ chặn màu xanh lá cây bên trong khu vực khay để nhả bản in hai mặt.



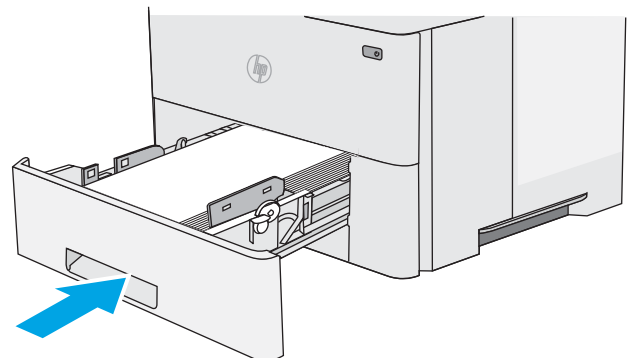
3. Lấy hết giấy bị kẹt ra.



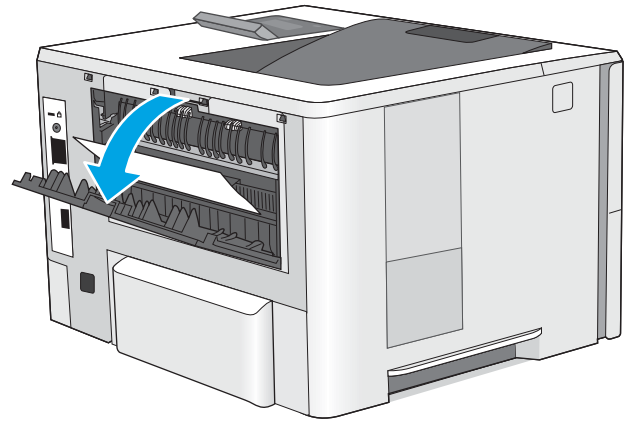
4. Đóng bàn in hai mặt.



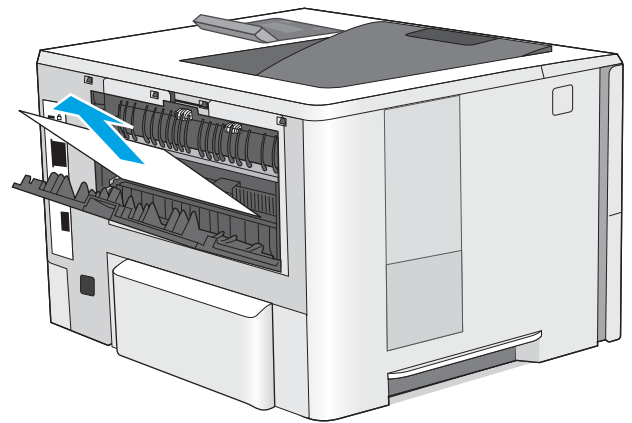
5. Lắp lại và đóng khay.



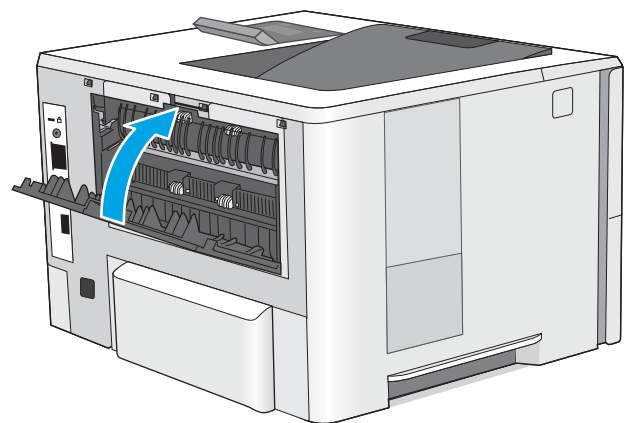
6. Mở cửa sau.



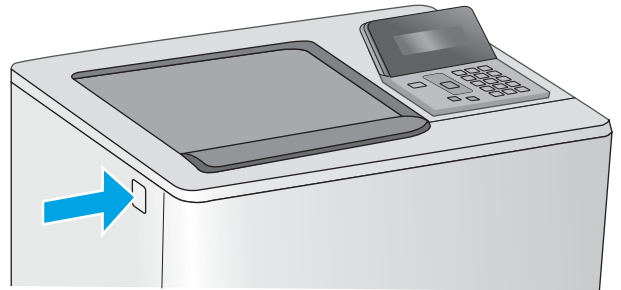
7. Lấy hết giấy bị kẹt ra.



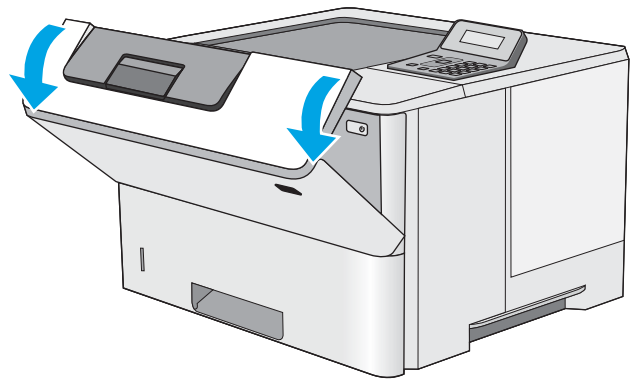
8. Đóng cửa sau.



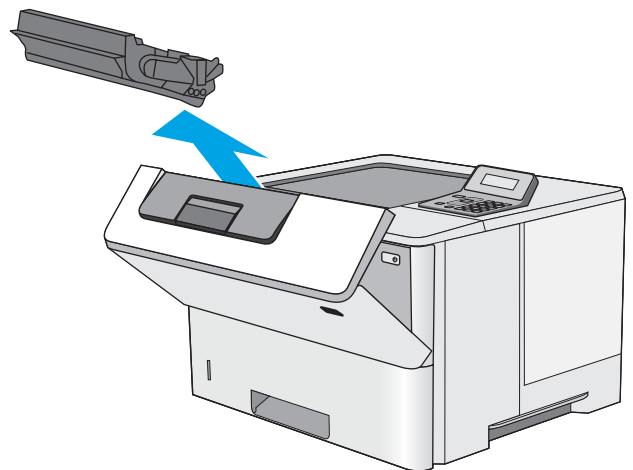
9. Nhấn nút tháo nắp trên cùng ở phía bên trái của máy in.



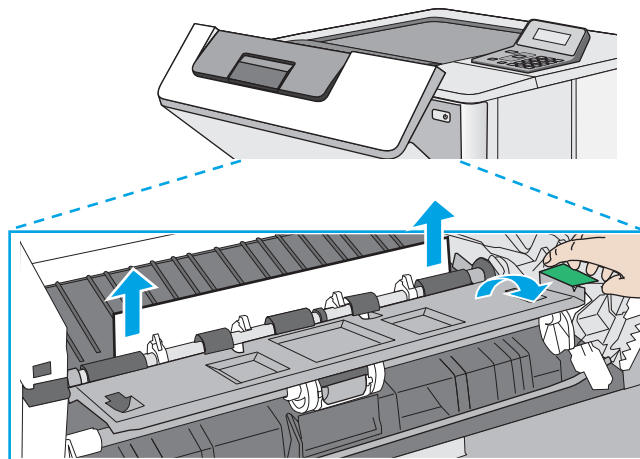
10. Mở cửa trước.



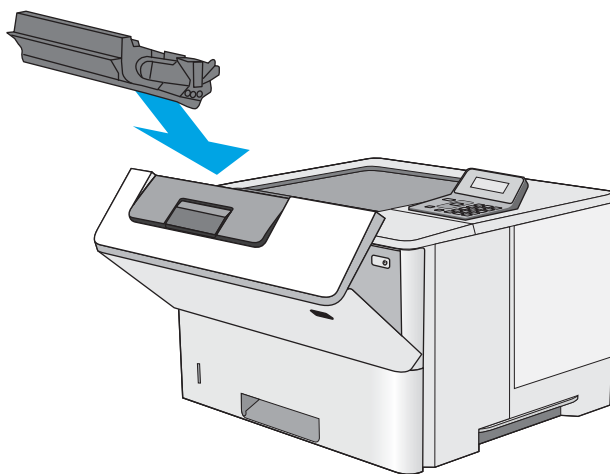
11. Tháo hộp mực in.



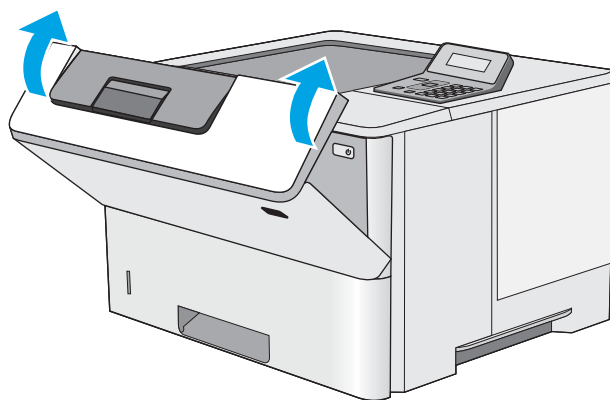
12. Nhấc nắp tháo kẹt giấy và từ từ rút giấy bị kẹt ra. Đừng xé rách giấy.



13. Lắp lại hộp mực in.



14. Đóng cửa trước.



Cải thiện chất lượng in

Giới thiệu

- [In từ một chương trình phần mềm khác](#)
- [Kiểm tra cài đặt loại giấy cho lệnh in](#)
- [Kiểm tra tình trạng hộp mực in](#)
- [Làm sạch máy in](#)
- [Kiểm tra hộp mực in bằng mắt thường](#)
- [Kiểm tra môi trường in và giấy](#)
- [Kiểm tra thông số cài đặt EconoMode \(Chế độ tiết kiệm\)](#)
- [Thử trình điều khiển in khác](#)

Nếu máy in đang có vấn đề về chất lượng in, hãy thử các giải pháp sau theo thứ tự được thể hiện để giải quyết vấn đề.

In từ một chương trình phần mềm khác

Hãy thử in từ một chương trình phần mềm khác. Nếu trang được in đúng có nghĩa là có vấn đề với chương trình phần mềm bạn sử dụng để in.

Kiểm tra cài đặt loại giấy cho lệnh in

Kiểm tra cài đặt loại giấy khi in từ một chương trình phần mềm và các trang đã in có các vết bẩn, in mờ hoặc đậm, giấy bị quăn, lổm đổm bột mực, bột mực không bám dính, hoặc một số vùng nhỏ không có bột mực.

Kiểm tra cài đặt loại giấy (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in, rồi bấm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn).
3. Nhấp vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Từ danh sách thả xuống **Paper Type** (Loại giấy) nhấp tùy chọn **More...**(Khác).
5. Mở rộng danh sách tùy chọn **Type is:** (Loại là:).
6. Mở rộng danh mục các loại giấy mô tả tốt nhất loại giấy của bạn.
7. Chọn tùy chọn cho loại giấy mà bạn đang sử dụng và nhấp vào nút **OK**.
8. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy bấm vào nút **OK** để in lệnh in.

Kiểm tra cài đặt loại giấy (OS X)

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print (In)**.
2. Trong menu **Printer** (Máy in), hãy chọn máy in.

3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Copies & Pages** (Bản sao & Trang). Mở danh sách thả xuống của menu, rồi bấm vào menu **Finishing** (Kết thúc).
4. Chọn một loại từ danh sách **Media Type** (Loại phương tiện) thả xuống.
5. Nhấp vào nút **Print** (In).

Kiểm tra tình trạng hộp mực in

Trang tình trạng mực in trình bày các thông tin sau:

- Phần trăm ước tính lượng mực còn lại
- Số trang còn lại gần đúng
- Số bộ phận của hộp mực in HP
- Số các trang được in

Thực hiện theo quy trình sau để in một trang trạng thái nguồn cung cấp:

1. Trên bảng điều khiển của sản phẩm, bấm nút **OK**.
2. Cuộn đến menu **Reports** (Báo cáo), sau đó bấm nút **OK**.
3. Cuộn đến tùy chọn **Supplies Status** (Tình trạng mực in), sau đó bấm nút **OK** để in báo cáo trạng thái của tất cả các mực in.
4. Kiểm tra phần trăm lượng mực còn lại của hộp mực in và nếu áp dụng, trạng thái của các bộ phận bảo trì có thể thay thế.

Các vấn đề về chất lượng in có thể xảy ra khi sử dụng hộp mực in đã hết. Trang trạng thái mực in cho biết khi mực in gần hết. Sau khi mực in HP đã đạt tới ngưỡng gần hết, có nghĩa là bảo hành bảo vệ đặc biệt của HP cho mực in đó đã chấm dứt.

Không cần thay thế hộp mực in ngay bây giờ trừ khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được.

Nếu bạn xác định rằng bạn cần thay thế hộp mực in hoặc các bộ phận bảo trì có thể thay thế khác, trang trạng thái mực in liệt kê các số bộ phận HP chính hãng.

5. Kiểm tra xem liệu bạn có đang dùng hộp mực HP chính hãng không.

Hộp mực in HP chính hãng có chữ "HP" ở trên đó, hoặc có logo HP trên đó. Để biết thêm thông tin về việc nhận diện các hộp mực HP, hãy truy cập www.hp.com/go/learnaboutequipment.

HP không khuyến nghị sử dụng các loại mực in không phải của HP, dù là còn mới hay đã tái chế. Vì những hộp mực in này không phải là sản phẩm của HP, HP không thể tác động gì đến thiết kế hay kiểm soát chất lượng. Nếu bạn đang sử dụng hộp mực đã nạp lại hay tái chế và không hài lòng với chất lượng in, hãy thay hộp mực in đó bằng hộp mực in chính hãng HP.

Làm sạch máy in

In một trang lau dọn

Trong quá trình in, các hạt bụi, mực in, giấy có thể tích tụ bên trong máy in và có thể gây ra các vấn đề về chất lượng in như vết hoặc đốm mực in, vết bẩn, đường hoặc các vết dấu lặp đi lặp lại.

Thực hiện theo quy trình sau để in một trang lau dọn.

1. Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **OK**.
2. Mở các menu sau:
 - **Service (Dịch vụ)**
 - **Cleaning Page (Trang Lau dọn)**
3. Nạp giấy khổ letter hoặc A4 khi máy nhắc bạn, sau đó bấm nút **OK**.

Thông báo **Cleaning** (Lau dọn) sẽ hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Chờ cho đến khi quá trình hoàn tất. Loại bỏ tờ được in.

Kiểm tra hộp mực in bằng mắt thường

Làm theo các bước sau để kiểm tra từng hộp mực in.

1. Lấy hộp mực in ra khỏi máy in.
2. Kiểm tra chip bộ nhớ xem có bị hỏng hóc không.
3. Kiểm tra mặt trống hình màu xanh lá cây.

⚠ THẬN TRỌNG: Không chạm vào trống hình. Dầu vân tay trên trống hình có thể ảnh hưởng đến chất lượng in.

4. Nếu bạn thấy bất kỳ vết xước, dầu vân tay hoặc hỏng hóc nào khác trên trống hình, hãy thay hộp mực in.
5. Cài đặt lại hộp mực in, rồi in vài trang để xem thử sự cố đã giải quyết chưa.

Kiểm tra môi trường in và giấy

Bước một: Hãy sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của HP

Một số sự cố về chất lượng in xảy ra do sử dụng giấy không đáp ứng đúng thông số kỹ thuật của HP.

- Luôn dùng loại và trọng lượng giấy mà máy in này hỗ trợ.
- Sử dụng giấy có chất lượng tốt và không bị rách, không bị răng cưa, cắt, khắc, lõm đốm, vật thể nhỏ, hạt bụi, quần góc, bị khuyết, có kẹp giấy và quần hoặc cong cạnh.
- Sử dụng giấy chưa in.
- Dùng giấy không chứa vật liệu kim loại, như chất liệu lấp lánh.
- Sử dụng giấy dành riêng cho máy in laser. Không sử dụng giấy chỉ dành cho máy in Inkjet.
- Không được sử dụng giấy quá thô. Sử dụng giấy nhẵn mịn hơn thường đem lại chất lượng in tốt hơn.

Bước hai: Kiểm tra môi trường

Môi trường có thể tác động trực tiếp tới chất lượng in và là nguyên nhân phổ biến đối với chất lượng in hoặc các vấn đề về nạp giấy. Thử các giải pháp sau:

- Di chuyển máy in ra xa khỏi các vị trí có gió lùa như cửa sổ hay cửa mở hoặc các chỗ quạt thông gió điều hòa.
- Đảm bảo máy in không tiếp xúc với nhiệt độ hoặc độ ẩm nằm ngoài khoảng thông số kỹ thuật của máy in.
- Không đặt máy in trong không gian kín như tủ hộp.
- Đặt máy in trên bề mặt bằng phẳng và vững chắc.
- Loại bỏ bất cứ thứ gì chặn quạt thông gió trên máy in. Máy in cần được thông gió tốt ở tất cả các cạnh, bao gồm cả phần đỉnh của máy in.
- Bảo vệ máy in tránh các mảnh vụn trong không khí, bụi, hơi nước, dầu mỡ hoặc các yếu tố khác có thể tồn dư lại bên trong máy in.

Bước ba: Đặt canh chỉnh khay riêng lẻ


Làm theo các bước sau khi văn bản hoặc ảnh không được đặt ở giữa hoặc canh chỉnh đúng trên trang in, lúc in từ các khay cố định.

1. Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **OK**.
2. Mở các menu sau:
 - **System Setup (Cài đặt hệ thống)**
 - **Print Quality (Chất lượng in)**
 - **Adjust Alignment (Điều chỉnh sắp xếp)**
3. Cuộn xuống và chọn khay để điều chỉnh, sau đó bấm nút **OK**.
4. Cuộn xuống và chọn một trong các tùy chọn sau:
 - **X1 shift (Chuyển X1)**
 - **X2 shift (Chuyển X2)**
 - **Y shift (Chuyển Y)**
5. Sử dụng các nút mũi tên và nút **OK** để điều chỉnh việc sắp xếp.
6. Lặp lại hai bước trước đó khi cần thiết để điều chỉnh các cài đặt canh chỉnh.
7. Nhấn nút **Back** ↵ (Quay lại) để quay trở lại menu **Adjust Alignment (Điều chỉnh sắp xếp)**.
8. Cuộn xuống và chọn **Print Test Page (In trang kiểm tra)**.
9. Cuộn xuống và chọn khay để in từ khay đó.
10. Làm theo các hướng dẫn trên các trang in.
11. Cuộn xuống và chọn lại **Print Test Page (In trang kiểm tra)** để kiểm tra kết quả. Điều chỉnh thêm nếu cần.

Kiểm tra thông số cài đặt EconoMode (Chế độ tiết kiệm)

HP không khuyến nghị việc sử dụng thường xuyên Chế độ tiết kiệm (EconoMode). Nếu lúc nào cũng sử dụng Chế độ Tiết kiệm, nguồn bột mực có thể dùng được lâu hơn so với các bộ phận máy móc

khác trong hộp mực. Nếu chất lượng in bắt đầu giảm và không còn chấp nhận được, hãy cân nhắc thay thế hộp mực in.

 **GHI CHÚ:** Tính năng này khả dụng với trình điều khiển in PCL 6 dành cho Windows. Nếu bạn không đang sử dụng trình điều khiển đó, bạn có thể bật tính năng này bằng cách sử dụng Máy chủ web nhúng của HP.

Hãy làm theo các bước này nếu toàn bộ trang quá đậm hoặc quá mờ.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in, rồi bấm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn).
3. Nhấp vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng) và xác định vùng **Print Quality** (Chất lượng In).
4. Nếu toàn bộ trang quá đậm, hãy sử dụng cài đặt này:
 - Chọn tùy chọn **600 dpi**.
 - Chọn hộp chọn **EconoMode** (Chế độ Tiết kiệm) để bật chế độ đó.Nếu toàn bộ trang quá mờ, hãy sử dụng cài đặt này:
 - Chọn tùy chọn **FastRes 1200**.
 - Bỏ chọn hộp chọn **EconoMode** (Chế độ Tiết kiệm) để tắt chế độ đó.
5. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

Thử trình điều khiển in khác

Hãy thử sử dụng trình điều khiển in khác khi in từ một chương trình phần mềm và trang đã in có các dòng chứa hình ảnh không mong muốn, bị mất chữ, bị mất hình ảnh, định dạng sai hoặc phông chữ bị thay đổi.

Tải xuống bất kỳ trình điều khiển nào sau đây từ trang web của HP: www.hp.com/support/ljM501.

Trình điều khiển HP PCL.6	<ul style="list-style-type: none">• Được cung cấp làm trình điều khiển mặc định trên CD có trong hộp máy in. Trình điều khiển này được cài tự động nếu bạn không chọn một trình điều khiển khác.
Trình điều khiển HP PCL 6	<ul style="list-style-type: none">• Nên sử dụng cho tất cả các môi trường Windows• Cung cấp tốc độ, chất lượng in tổng thể tốt nhất và hỗ trợ tính năng máy in cho hầu hết người dùng• Được phát triển để tương thích với Graphic Device Interface (GDI) của Windows để cho tốc độ tốt nhất trong môi trường Windows• Có thể không tương thích hoàn toàn với các chương trình phần mềm tùy chỉnh và của bên thứ ba dựa trên PCL 5
Trình điều khiển HP PCL-6	<ul style="list-style-type: none">• Nên sử dụng để in với chương trình phần mềm Adobe® hay với các chương trình phần mềm đồ họa chuyên sâu khác• Hỗ trợ khi in trong trường hợp cần mô phỏng postscript hoặc hỗ trợ phông chữ nhấp nháy postscript
Trình điều khiển HP UPD PS	<ul style="list-style-type: none">• Nên sử dụng để in với chương trình phần mềm Adobe® hay với các chương trình phần mềm đồ họa chuyên sâu khác• Hỗ trợ khi in trong trường hợp cần mô phỏng postscript hoặc hỗ trợ phông chữ nhấp nháy postscript

HP UPD PCL 5

- Nên sử dụng để in trong công việc văn phòng thông dụng trong tất cả các môi trường Windows
- Tương thích với các phiên bản PCL trước đây và máy in cũ hơn
- Sự lựa chọn tốt nhất khi in từ các chương trình phần mềm của bên thứ ba hoặc chương trình phần mềm tùy chỉnh
- Sự lựa chọn tốt nhất khi hoạt động trong các môi trường hỗn hợp có yêu cầu phải cài đặt máy in theo PCL 5 (UNIX, Linux, máy tính trung ương)
- Được thiết kế để sử dụng trong các môi trường Windows trong doanh nghiệp sao cho có thể sử dụng một trình điều khiển duy nhất cho nhiều kiểu máy in
- Được ưa chuộng sử dụng khi in từ một máy tính Windows di động đến nhiều kiểu máy in

HP UPD PCL 6

- Nên sử dụng để in trong tất cả các môi trường Windows
 - Cung cấp tốc độ, chất lượng in tổng thể tốt nhất và hỗ trợ tính năng máy in cho hầu hết người dùng
 - Được phát triển để tương thích với Graphic Device Interface (GDI) của Windows để cho tốc độ tốt nhất trong môi trường Windows
 - Có thể không tương thích hoàn toàn với các chương trình phần mềm tùy chỉnh và của bên thứ ba dựa trên PCL 5
-

Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây

Giới thiệu

Kiểm tra các mục sau để đảm bảo máy in hiện truyền được tín hiệu qua mạng. Trước khi bắt đầu, hãy in trang cấu hình từ bảng điều khiển máy in và tìm địa chỉ IP của máy in được liệt kê trên trang này.

- [Kết nối vật lý kém](#)
- [Máy tính đang sử dụng địa chỉ IP không chính xác cho máy in này](#)
- [Máy tính không thể giao tiếp với máy in](#)
- [Máy in đang sử dụng liên kết và cài đặt in hai mặt không đúng cho mạng này](#)
- [Các chương trình phần mềm mới đã gây ra sự cố tương thích](#)
- [Máy tính của bạn hoặc máy trạm bị cài đặt sai](#)
- [Máy in bị tắt, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai](#)



GHI CHÚ: HP không hỗ trợ mạng ngang hàng vì tính năng là chức năng của hệ điều hành Microsoft chứ không phải của trình điều khiển in HP. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập vào trang web của Microsoft tại địa chỉ www.microsoft.com.

Kết nối vật lý kém

1. Hãy kiểm tra xem máy in có được cắm vào đúng cổng mạng bằng cáp có độ dài phù hợp không.
2. Hãy kiểm tra xem các kết nối cáp có chắc không.
3. Kiểm tra kết nối cổng mạng trên mặt sau của máy in và chắc chắn rằng đèn hoạt động màu hổ phách và đèn báo tình trạng liên kết màu xanh lá cây vẫn sáng.
4. Nếu vẫn có vấn đề, hãy thử dùng dây cáp hoặc cổng khác trên bộ hub.

Máy tính đang sử dụng địa chỉ IP không chính xác cho máy in này

1. Mở thuộc tính máy in và nhấp vào tab **Ports** (Cổng). Kiểm tra xem địa chỉ IP hiện tại cho máy in có được chọn không. Địa chỉ IP của máy in được liệt kê trên trang cấu hình máy in.
2. Nếu bạn đã cài đặt máy in bằng cổng TCP/IP chuẩn HP, hãy chọn ô **Always print to this printer, even if its IP address changes** (Luôn in vào máy in này, ngay cả khi địa chỉ IP thay đổi).
3. Nếu bạn đã cài đặt máy in bằng cổng TCP/IP chuẩn Microsoft, hãy sử dụng tên máy chủ thay cho địa chỉ IP.
4. Nếu đúng địa chỉ IP, hãy xóa máy in và sau đó thêm lại.

Máy tính không thể giao tiếp với máy in

1. Kiểm tra kết nối mạng bằng cách ping mạng.
 - a. Mở lời nhắc dòng lệnh trên máy tính của bạn.

- Đối với Windows, hãy nhấp **Start** (Bắt đầu), nhấp **Run** (Chạy), gõ `cmd` sau đó nhấn **Enter**.
 - Đối với OS X, hãy đến **Applications** (Ứng dụng), sau đó là **Utilities** (Tiện ích) và mở **Terminal** (Thiết bị cuối).
- b. Nhập `ping` và địa chỉ IP cho máy in của bạn.
 - c. Nếu cửa sổ hiển thị thời gian khứ hồi, thì mạng đang hoạt động.
2. Nếu lệnh `ping` báo lỗi, kiểm tra xem hub mạng có bật hay không, sau đó kiểm tra các cài đặt mạng, máy in và máy tính được cấu hình dùng chung một mạng.

Máy in đang sử dụng liên kết và cài đặt in hai mặt không đúng cho mạng này

HP khuyên bạn để những cài đặt này ở chế độ tự động (cài đặt mặc định). Nếu bạn thay đổi những thông số cài đặt này, bạn cũng phải thay đổi chúng cho mạng của bạn.

Các chương trình phần mềm mới đã gây ra sự cố tương thích

Xác minh rằng mọi chương trình phần mềm mới đều được cài đặt đúng cách và sử dụng trình điều khiển in phù hợp.

Máy tính của bạn hoặc máy trạm bị cài đặt sai

1. Hãy kiểm tra các trình điều khiển mạng, trình điều khiển in và cài đặt chuyển hướng mạng.
2. Kiểm tra xem hệ điều hành có được cấu hình đúng không.

Máy in bị tắt, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai

1. Xem lại trang cấu hình để kiểm tra tình trạng của giao thức mạng. Bật nó nếu cần.
2. Định cấu hình lại cài đặt mạng nếu cần.

Bảng chú dẫn

A

AirPrint 44

B

bảng điều khiển

định vị 2

bàn phím

định vị 2

bật

lệnh in đã lưu 38

bột mực

lượng còn lại 94

bộ định dạng

định vị 3

bộ in hai mặt

gỡ giấy kẹt 88

bộ nhớ

đi kèm 6

bộ phận thay thế

số bộ phận 22

bộ thu gom bột mực

định vị 3

C

cài đặt mạng 49

cài đặt in hai mặt qua mạng, thay
đổi 57

cài đặt tốc độ liên kết qua mạng,
thay đổi 57

cài đặt tiết kiệm 60

cài đặt EconoMode 60, 96

cài đặt

cài đặt mặc định gốc, khôi
phục 67

cài đặt mặc định gốc, khôi phục
67

công tắc nguồn

định vị 2

cổng

định vị 4

cổng fax

định vị 4

cổng giao tiếp

định vị 4

cuộn sấy

gỡ giấy kẹt 86

cửa sau

xử lý kẹt giấy 86

Chăm sóc Khách hàng HP 66

Cổng in USB 2.0 Tốc độ Cao

định vị 4

Cổng LAN

định vị 4

Cổng RJ-45

định vị 4

Cổng USB

định vị 4

D

Dịch vụ web HP

bật 48

Dịch vụ Web

ứng dụng 48

Dịch vụ Web

bật 48

Dịch vụ Web HP

ứng dụng 48

Đ

điện

tiêu thụ 10

đặt hàng

mức in và phụ kiện 22

E

Ethernet (RJ-45)

định vị 4

Explorer, phiên bản được hỗ trợ

Máy chủ web nhúng của HP
50

GI

giấy

chọn 95

hướng Khay 2 và khay 550 tờ
17

kẹt giấy 77

nạp vào Khay 2 và khay 550
tờ 16

nạp Khay 1 14

giấy, đặt hàng 22

giấy đặc biệt

in (Windows) 33

giấy bóng kính

in (Windows) 33

H

hai mặt

thủ công (Mac) 35

hai mặt thủ công

Windows 32

hai mặt thủ công

Mac 35

hệ điều hành, được hỗ trợ 6

hoãn ngắt nguồn điện

cài đặt 61

hộp mực

số đặt hàng 24

sử dụng khi ở ngưỡng còn ít
68

thay thế 24

hộp mực in

cài đặt ngưỡng còn ít 68

số đặt hàng 24

số bộ phận 22

thay thế 24

- hỗ trợ
 - trực tuyến 66
- hỗ trợ khách hàng
 - trực tuyến 66
- hỗ trợ kỹ thuật
 - trực tuyến 66
- hỗ trợ trực tuyến 66
- hướng giấy
 - Khay 1 15
- Hoãn tự động ngắt nguồn điện
 - cài đặt 60
- Hộp công cụ Thiết bị HP, sử dụng 50
- HP ePrint 43
- HP EWS, sử dụng 50
- HP Web Jetadmin 62

I

- in
 - lệnh in đã lưu 41
- in di động, phần mềm được hỗ trợ 8
- in di động
 - thiết bị Android 45
- in hai mặt
 - cài đặt (Windows) 32
 - Mac 35
 - Windows 32
- in hai mặt
 - thủ công (Windows) 32
- in hai mặt (hai mặt)
 - cài đặt (Windows) 32
- in riêng 38
- in trên cả hai mặt
 - cài đặt (Windows) 32
 - Mac 35
- in trên cả hai mặt
 - thủ công, Windows 32
 - Windows 32
- Internet Explorer, phiên bản được hỗ trợ
 - Máy chủ web nhúng của HP 50

J

- Jetadmin, HP Web 62

K

- kẹt
 - ngăn giấy ra 88
 - vị trí 76

- kẹt bộ
 - in hai mặt 88
- kẹt giấy
 - cuộn sậy 86
 - cửa sau 86
 - khay 550 tờ 80
 - khu vực hộp mực 84
 - nguyên nhân 77
 - vị trí 76
 - Khay 1 77
 - Khay 2 80
- kết nối nguồn
 - định vị 3
- kích thước, máy in 9
- Khay 1
 - gỡ giấy kẹt 77
 - hướng giấy 15
 - nạp phong bì 19
- Khay 2
 - gỡ giấy kẹt 80
- Khay 2 và khay 550 tờ
 - hướng giấy 17
 - nạp 16

KH

- khay
 - định vị 2
 - đi kèm 6
 - khả năng chứa giấy 6
- khay 550 tờ
 - gỡ giấy kẹt 80
- khay giấy
 - số bộ phận 22
- khay giấy 550 tờ
 - số bộ phận 22
- khóa
 - bộ định dạng 59
- khôi phục cài đặt mặc định gốc 67
- khu vực hộp mực in
 - gỡ giấy kẹt 84

L

- làm sạch
 - đường dẫn giấy 94
- lệnh in, đã lưu
 - bật 38
- lệnh in, đã lưu
 - tạo (Windows) 39

- in 41
 - xóa 42
- lệnh in đã lưu
 - bật 38
 - in 41
 - xóa 42
- lệnh in đã lưu
 - tạo (Windows) 39
- loại giấy
 - chọn (Mac) 36
 - chọn (Windows) 33
- lưu lệnh in
 - bằng Windows 39
- lưu trữ lệnh in 38

M

- mạng
 - được hỗ trợ 6
 - cài đặt máy in 49
 - mật khẩu, cài đặt 59
 - mật khẩu, thay đổi 59
 - HP Web Jetadmin 62
- mạng khu vực cục bộ (LAN)
 - định vị 4
- mặc định, khôi phục 67
- mực in
 - đặt hàng 22
 - cài đặt ngưỡng còn ít 68
 - số bộ phận 22
 - sử dụng khi ở ngưỡng còn ít 68
 - tình trạng, xem bằng Tiện ích HP dành cho Mac 53
- Macintosh
 - Tiện ích HP 53
- Máy chủ web nhúng (EWS)
 - tính năng 50
- Máy chủ web nhúng (EWS) của HP
 - tính năng 50
- Máy chủ Web nhúng
 - mở 59
- Máy chủ Web Nhúng
 - thay đổi mật khẩu 59
- Máy chủ Web Nhúng của HP
 - mở 59
 - thay đổi mật khẩu 59
- Menu Apps (Ứng dụng) 48

N

nạp

- giấy vào Khay 1 14
- giấy vào Khay 2 và khay 550 từ 16

nút bật/tắt

- định vị 2

Netscape Navigator, phiên bản

được hỗ trợ

- Máy chủ web nhúng của HP 50

NG

ngăn, ra

- định vị 2

ngăn giấy đầu ra

- định vị 2

ngăn giấy ra

- gỡ giấy kẹt 88

nguồn cung cấp

- thay hộp mực in 24

NH

nhãn

- in (Windows) 33

nhều trang trên một tờ

- chọn (Mac) 36
- chọn (Windows) 33
- in (Mac) 36
- in (Windows) 33

P

Phần mềm HP ePrint 44

PH

phần mềm

- Tiện ích HP 53

phong bì

- hướng 15
- nạp vào Khay 1 14

phong bì, nạp 19

phương tiện in

- nạp vào Khay 1 14

phụ kiện

- đặt hàng 22
- số bộ phận 22

S

số bộ phận

- định vị 3
- bộ phận thay thế 22

hộp mực in 22

mực in 22

phụ kiện 22

số sê-ri

- định vị 3

sự cố nạp giấy

- giải quyết 70, 72

T

tình trạng mực in

- kiểm tra 94

Tiện ích HP 53

Tiện ích HP, Mac 53

Tiện ích HP dành cho Mac

- tính năng 53

Bonjour 53

Trang web

- HP Web Jetadmin, tải xuống 62

TH

thay thế hộp mực in 24

thiết bị Android

- in từ 45

thông số kỹ thuật

- điện và tiếng ồn 10

thông số kỹ thuật về điện 10

thông số kỹ thuật về âm thanh 10

TR

trang mỗi phút 6

trang tình trạng mực in

- in 94

trang web

- hỗ trợ khách hàng 66

trạng thái

- Tiện ích HP, Mac 53

trình điều khiển in, được hỗ trợ 6

trình điều khiển, được hỗ trợ 6

trọng lượng, máy in 9

Ư

ứng dụng

- tải xuống 48

X

xóa

- lệnh in đã lưu 42

xử lý sự cố

- kẹt giấy 77

mạng có dây 99

sự cố nạp giấy 70

xử lý sự cố

- sự cố mạng 99

Y

yêu cầu hệ thống

- Máy chủ web nhúng của HP 50

yêu cầu trình duyệt

- Máy chủ web nhúng của HP 50

yêu cầu trình duyệt web

- Máy chủ web nhúng của HP 50

